



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



*Đêm rất dài với người mất ngủ, đường rất xa với kẻ lữ hành
mỏi mệt. Cũng thế, dòng luân hồi sẽ tiếp nối mãi với kẻ ngu
si không minh đạt Chánh pháp. (Kinh Pháp Cú, câu 60)*

Long is the night to the wakeful;
long is the league to the weary;
long is Samsara to the foolish
who know not the Sublime Truth. (*Dhammapada, Verse 60*)



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Thánh Thanh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Nhật Giang**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mẫu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **SUY GẪM** (thơ ĐNT Tín Nghĩa) trang 8
- ◆ **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH**, t.t. (Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **Ý NGHĨA ĐỀ KINH KIM CANG** (Tuệ Sỹ), trang 12
- ◆ **CHÙM THƠ NGŨ NGÔN** (thơ Mặc Phương Tử), trang 14
- ◆ **TÂM THƯ VỀ VIỆC MUA LẠI CƠ SỞ RECENT WEST LAM CHÙA BÁT NHÃ MỚI** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 15
- ◆ **NĂM SỰ HAM MUỐN** (thơ Thích Viên Thành), trang 16
- ◆ **NHỮNG ĐỒNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC...** (HT. Thích Trí Chơn), trang 17
- ◆ **NHAN SẮC NHỮNG MÙA TRĂNG** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 19
- ◆ **THƯ MỜI THAM DỰ LỄ CẦU AN HT. THÍCH KHÔNG TÁNH VÀ CHÙA LIÊN TRÍ** (GHPGVNTNHNK) trang 20
- ◆ **THÔNG BẠCH ĐẠI HỘI HOÀNG PHÁP VÀ GIÁO DỤC** (HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Bôn Đạt), trang 21
- ◆ **SANH KỲ TÂM - TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG CỦA LỤC TỔ** (TN. Trí Hải), trang 22
- ◆ **TRƯỜNG CA LARUNG GAR** (thơ Sakya Như Bảo), trang 24
- ◆ **ĐỘNG TÌNH, CHÂN TU, ĐẠO VÔN KHÔNG LỜI...** (thơ Hạnh Chi), trang 26
- ◆ **NGHĨA A-HÀM** (TN. Giới Hương), trang 27
- ◆ **YÊU VÀ THÍCH** (thơ Hàn Long Ân), trang 31
- ◆ **BỒ THÍ - Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **TỬ NHIỆP PHÁP - Phật Pháp Thứ 5** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI ĐỘI CHUNG TRƯỞNG - Lá Thư Đầu Tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **LỖ HEN, KIẾP PHONG TRẦN** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 35
- ◆ **THIỆN SỰ HUYỀN QUANG** (Nguyễn Lang), trang 36
- ◆ **KHÔNG** (Huệ Trân), trang 39
- ◆ **TIỀN BẠN** (thơ TN. Giới Định), trang 41
- ◆ **MÙA NƯỚC TRONG XƯA** (Thu Nguyệt), trang 42
- ◆ **STORY OF UTTARA THE LAY-DISCIPLE** (Daw Mya Tin), trang 46
- ◆ **NĂM GIỌT MẬT** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 47
- ◆ **THỊ KÍNH** (TN. Như Thủy), trang 48
- ◆ **BẢO TÂN** (thơ Hồ Bích Hợp), trang 49
- ◆ **VÔ THANH SẮC TƯỚNG** (Lê Huy Trứ), trang 50
- ◆ **ĐƯỜNG VỀ CỎI TÂY PHƯƠNG** (thơ Trần Công Danh), trang 54
- ◆ **TRUYỆN NGÀN TRĂM CHỮ** (Steven N.) trang 55
- ◆ **HÔI SÔNG, ĐÊM QUA, XIN LỖI...** (thơ NT Khánh Minh - Phan Tấn Hải dịch), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: BÚN HUẾ CHAY** (Hồng Hương), trang 57
- ◆ **TRĂNG VÀ CHỊ** (Biện Thị Thanh Liem), trang 58
- ◆ **HAI MẶT TRẦN GIAN** (thơ Diệu Viên), trang 59
- ◆ **VÀI Ý NGHĨ RỜI VỀ HOÀNG PHÁP** (Nguyễn Giác), trang 60
- ◆ **PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 5 TẠI QUẬN CAM** (Bình Sa), trang 64
- ◆ **THÁNG TÁM MIỀN ÔN ĐỜI...** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 67
- ◆ **TỪ BI RỘNG MỞ CỎI LÒNG** (Tuệ Uyển dịch), trang 68
- ◆ **GƯƠNG BỒ THÍ** (Thích Minh Chiếu), trang 71
- ◆ **LỘC MÁU NHÂN TẠO** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 72
- ◆ **GHE VÀO TÌNH THẤT, HƯƠNG CHÙA...** (thơ Phù Du), trang 73
- ◆ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG - chương 11, t.t. (Vĩnh Hào), trang 74**



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 59, tháng 10 năm 2016, do Niệm Phật Đường Fremont (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHÔNG SỢ HÃI

Từ năm 2001, đầu thế kỷ 21, ngôn ngữ truyền thông bắt đầu nhắc đến nhiều từ ngữ "khủng bố," "chủ nghĩa khủng bố" (terror/terrorism). Đây không phải là từ ngữ mới, nhưng nó được nhấn mạnh và sử dụng nhiều sau sự kiện 11/9/2001, với tòa tháp đôi ở New York sụp đổ hoàn toàn do những chiếc phi cơ bị những kẻ khủng bố Al-Qaeda dùng bao lực cưỡng chế phi hành đoàn, điều hướng đâm vào. Trước đó 6 tháng, vào ngày 10 tháng 3 năm 2001, lực lượng Taliban ở A-phu-hân (Afghanistan) đã cho nổ bom làm sụp đổ hai tượng Phật khổng lồ khắc trong núi đá, có niên đại hơn 1500 năm. Hành động phá hủy tượng Phật lúc đó dù là hành vi bạo động nhưng không bị xem như là khủng bố, mà là hành động hủy diệt văn hóa nhân loại nghiêm trọng (theo sự lên án của Tổ chức Văn hóa - Khoa học và Giáo dục LHQ - UNESCO). Vậy, có thể hiểu "khủng bố" là lời nói hay hành vi đe dọa trực tiếp đến mạng sống và đời sống của con người; nhẹ thì từ những cá nhân với mục đích trục lợi, tống tiền; nặng thì từ các tổ chức tôn giáo, chính trị để nêu cao lý tưởng của họ, hoặc từ các nhà cầm quyền nhằm ngăn chặn tiếng nói đối lập để giữ vững chế độ.

Từ "khủng bố" cũng được nghe quen từ bản Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh do Pháp sư Trần Huyền Trang (Đường Tam Tạng) dịch từ Prajñā Pāramitā Sūtra vào năm 649, sau được cô đọng lại thành bản Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh 260 chữ. Trong kinh văn này, chữ "khủng" và "bố" đều mang nghĩa đơn giản là (bị) sợ hãi, đe dọa; mà để không bị sợ hãi, đe dọa, tâm phải tịch lặng, an nhiên, không bị vướng mắc, trở ngại (tâm vô quái ngại). Tâm không bị vướng mắc, ngăn ngại là tâm vô trụ (ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm); tâm vô trụ là tâm không có tự ngã, là tâm bản nhiên, tâm bất sanh. Chỉ với cái tâm như thế, mới không còn sợ hãi.

Trong hoàn cảnh mà nhan nhản chung quanh chỉ toàn là những lời hư dối, người ta sợ phải nói những điều trung thực; nói ra có thể bị bắt bớ, đánh đập, tù đầy; nói ra có thể bị mất việc, mất chức, mất địa vị, mất danh tiếng, mất cả tài chánh để nuôi thân và gia đình, mất cả cơ sở sinh hoạt (chùa chiền, nhà thờ...). Cá nhân đã không dám nói lời trung thực, mà ngay cả tổ chức mà cá nhân đó tham dự cũng không dám bày tỏ điều gì khác với những hư dối chung quanh. Nghĩa là từ cá nhân đến tập thể, từ những tổ chức nhỏ đến những tổ chức lớn qui tụ hàng chục nghìn, thậm chí hàng trăm nghìn thành viên, có mặt với sứ mệnh văn hóa, giáo dục, phục vụ lợi ích số đông... mà trong một xã hội đạo đức băng hoại, tụt dốc, và trong nguy cơ mất nước, mất chủ quyền, cũng không thể mạnh

dạn nói lên một lời trung thực.

Điều gì đã làm chúng ta sợ hãi không dám lên tiếng bảo vệ sự thực, không dám bày tỏ thẳng thắn mối ưu tư của mình về tình trạng môi sinh đang bị hủy hoại, không dám đưa ra quan điểm của mình về hiểm họa lãnh thổ và biển đảo bị xâm lấn?

Chỉ vì bảo vệ tự ngã của mình mà thôi.

Sợ hãi là phản ứng của một người trước một sự kiện hay ấn tượng mà họ đã trải nghiệm, hoặc tiên đoán (nhờ rút tỉa từ kinh nghiệm), sẽ gây thiệt hại đến nhân thân (sức khỏe, sinh mệnh) hoặc tổn thương, suy giảm đến những gì mình sở hữu (danh dự, tài sản, sự nghiệp...).

Phản ứng này là do chấp vào một cái tôi (ngã chấp) ngay từ khi mới chào đời, rồi được bồi đắp và làm cho kiên cố, sâu nặng thêm theo thời gian với những gì được tạo dựng, sở hữu (ngã sở).

Cái tôi càng lớn, sợ hãi càng sâu.

Cái sợ này đến từ bên trong. Những đe dọa, khủng bố từ kẻ khác chỉ là phụ thuộc.

Đập vỡ cái vỏ của tự ngã thì không còn sợ hãi, âu lo; không ai có thể đe dọa, khủng bố chúng ta được nữa.

Nhưng để làm được điều này, phải thấy được cả thân và tâm đều là ảo ảnh, không thực. Thân này không thực, tâm này (cảm giác, tư tưởng, hành nghiệp và nhân thức) cũng không thực.

Thân và tâm này không thực thì cả thế gian này cũng không thực.

(Đã không thực thì có cần phải lên tiếng về một sự thực, về nỗi thống khổ của số đông hay không?)

Bản chất của tự ngã, của thế gian chỉ là ảo ảnh, chỉ là giấc mộng huyền hóa. Nhưng tác động nhân duyên của tự ngã và thế giới chúng sinh là có thực. Thống khổ của nhân sinh là có thực.

Khi chúng ta có tri kiến/nhận thức một cách thấu suốt về lẽ không thực của tự ngã, chúng ta có thể vượt qua được những khổ đau (không thực) tác động (một cách không thực) lên thân tâm chúng ta. Nhưng thực trạng khổ đau của con người, của chúng sinh vẫn tiếp diễn trong nhận thức điên đảo mộng tưởng của họ. Vận dụng cái thấy như thực về tự ngã (trí) để đẩy khởi lòng thương (bi) đối với thế giới chúng sinh, là con đường của kẻ giác ngộ (bồ-tát).

Khi kẻ lữ hành cô độc thông dong bước ngang những lâu đài tráng lệ và những xó xỉnh sinh lây bận nhơ, nhân sinh vẫn cất lên tiếng than khóc về nỗi trầm thống bất tận của họ.

Một lời nói để đáp thêm tiếng thờn hay lợi lạc cho tự thân: không cần thiết. Nhưng bày tỏ trung thực về thực trạng khổ đau của kiếp người: rất nên.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NEPAL: Khánh thành Viện Đạo Hạnh Nepal tại Kathmandu

Tại một buổi lễ được tổ chức ở thủ đô Kathmandu vào ngày 12-8-2016, Thượng tọa Hìn Hung – một học giả Phật giáo nổi tiếng – đã chính thức khánh thành Viện Đạo Hạnh Nepal (EVINS Nepal). Ông đã có bài phát biểu chính về lòng từ bi và bản chất sự đau khổ của con người.

Có trụ sở tại Kathmandu, EVINS Nepal được đăng ký là một tổ chức phi chính phủ, có mục đích quảng bá các giá trị tinh thần và đạo đức, nhằm xây dựng một xã hội dựa trên các giá trị đạo đức và từ bi. Tổ chức này mở các lớp thiền định và giảm stress dành cho người lớn, cũng như các lớp về thiền, yoga, và về các giá trị đạo đức và phẩm hạnh cho trẻ em để giúp trẻ phát triển thành những nhà lãnh đạo tương lai đầy tiềm năng. Viện này thực hiện nghiên cứu các chương trình về thuyết duy linh, thiền định và giảm stress, ngoài ra còn cung cấp tài trợ và cứu trợ cho các cộng đồng nghèo cũng như học bổng giáo dục.

Thượng tọa Hìn Hung, người cũng là một tác giả và là giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo tại trường Đại học Hồng Kông đã nhận xét trong bài phát biểu của ông rằng hầu hết sự đau khổ của con người là không cần thiết và có thể dễ dàng tránh được.

(Buddhistdoor Global – August 15, 2016)

Thượng tọa Hìn Hung trong lễ khánh thành Viện Đạo Hạnh Nepal (EVINS Nepal)



Hàng cứu trợ của EVINS Nepal đến với dân làng là nạn nhân của trận động đất năm ngoái tại huyện Dokhala, Nepal—Photos: kathmandupost.ekantipur.com & EVINS Nepal Facebook

TÍCH LAN: Tổng giám đốc UNESCO viếng các Di sản Thế giới tại vùng Tam giác Văn hóa của Tích Lan

Tổng Giám đốc UNESCO Irina Bokova bắt đầu chuyến thăm chính thức Tích Lan của bà vào ngày 14-8-2016 với một mạng mạch quanh vùng 'tam giác văn hóa', nơi có nhiều địa điểm là trong số 8 Di sản Thế giới của đất nước này.

Được tháp tùng bởi Ngài A.V. Kariyawasam, Bộ trưởng Giáo dục kiêm Chủ tịch Ủy ban UNESCO Quốc gia Tích Lan, bà Tổng Giám đốc đã viếng Thành phố cổ Polonnaruwa và Pháo đài Đá Sigiria. Sau đó là chùa Dalada Maligawa của Kandy, nơi bà chiêm bái đền thờ xá lợi Răng Phật Linh thiêng trong sự hiện diện của vị Giám tự và Thống đốc tỉnh Miền Trung.

Tại mỗi di tích, bà Irina Bokova đã khen ngợi chính quyền Tích Lan về sự cam kết bảo vệ và bảo tồn di sản có giá trị nổi bật này.

(UNESCO – August 16, 2016)



Tổng Giám đốc UNESCO Irina Bokova

Photo: wikipedia.org

CAM BỐT : Lễ cầu chư thần giúp thu hồi các tượng Phật từ dưới sông Tonle Sap

Kean Khlang, Cam Bốt – Người dân trong một ngôi làng đã tổ chức buổi lễ tôn giáo vào ngày 18-8-2016 để cầu chư thần giúp họ thu hồi các tượng Phật mà tổ tiên họ nói rằng đã được chôn tại một lòng sông gần đó.

Các tu sĩ Phật giáo đã tham gia cùng với khoảng 500 dân làng trong một buổi lễ bên sông Tonle Sap, nơi các thợ lặn đã thu hồi 8 tượng Phật nhỏ và nói rằng họ phát hiện một tượng khác cao khoảng 2 mét (6 feet). Mọi người đã cầu chư thủy thần và địa thần giúp họ làm lộ ra bất cứ tượng nào vẫn còn bị chôn vùi dưới 20 mét nước.

Những người tổ chức lễ nói rằng tổ tiên của dân làng truyền lại những câu chuyện về các tượng được chôn ở lòng sông cách đây hàng trăm năm để giấu bọn cướp từ các khu vực khác và từ nước Xiêm La láng giềng.

(dailynews.lk – August 17, 2016)



Chư tăng cùng dân làng trong lễ cầu chư thần giúp thu hồi các tượng Phật dưới sông Tonle Sap (Cam Bốt)—Photo: AP

THỤY SĨ: Bộ phim thứ tư của Lạt ma Dzongsar Khyentse chiếu ra mắt tại Liên hoan Phim Locarno

Bộ phim thứ tư của Lạt ma Dzongsar Khyentse Rinpoche, nhà làm phim và là nhà văn người Bhutan, đã chiếu ra mắt tại Thụy Sĩ vào đầu tháng này. Phim có tựa đề "Ngày xưa: Hãy hát cho tôi một bài hát trong khi tôi chờ đợi", được chiếu ra mắt tại Liên hoan Phim Locarno (diễn ra từ ngày 3 đến 13-8-2016).

Bộ phim nói trên có dạng một câu chuyện cổ tích hiện đại, phần lớn được quay tại một ngôi làng xa xôi ở Bhutan. Phim tìm hiểu các chủ đề của bản sắc, sự ẩn danh, ảo tưởng, thực tế, và sự chuyển tiếp giữa sinh và tử.

Bộ phim được lên kế hoạch công chiếu tại Bắc Mỹ trong năm nay tại Liên hoan Phim Quốc tế Toronto (Canada) từ ngày 8 đến 18-9.

(Buddhistdoor Global - August 18, 2016)



Lạt ma Dzongsar Khyentse Rinpoche và cảnh trong bộ phim thứ tư của ông: "Ngày xưa: Hãy hát cho tôi một bài hát trong khi tôi chờ đợi"
Photo: tumblr.com

HOA KỲ: Bảo tàng Mỹ thuật bảo tồn kiệt tác tranh Phật giáo thế kỷ 18

Bắt đầu từ ngày 20-8-2016, du khách đến Bảo tàng Mỹ thuật (MFA) ở Boston sẽ được một cơ hội hiếm có để trải nghiệm điều thường chỉ xảy ra sau hậu trường trong các phòng thí nghiệm bảo tồn: Trong 5 tháng, các chuyên gia sẽ giao lưu với công chúng tại phòng triển lãm Tranh Á châu của MFA, trong khi họ phục chế một bức tranh cuộn treo của Nhật Bản cổ xưa mô tả Đức Phật nhập Niết bàn.



Được vẽ vào năm 1713, bức tranh nổi tiếng "Sự nhập diệt của Đức Phật Lịch sử" đã thu hút du khách đến ngôi Thiền tự Ginsoin vốn từng tọa lạc tại Tokyo ngày nay. Trong hơn 150 năm, tác phẩm cao gần 16 feet và rộng 7 feet rưỡi này tương truyền hàng năm đã được treo trên tường của đền Ginsoin xưa kia để kỷ niệm Ngày Lễ Niết bàn.

"Sự Nhập diệt của Đức Phật Lịch sử" được triển lãm lần cuối tại MFA vào năm 1990. Và việc phục chế bức tranh đánh dấu lần đầu tiên trong lịch sử của bảo tàng này, một tác phẩm đang được bảo tồn đã đón tiếp sự chiêm ngưỡng của công chúng như vậy.

(NewsNow - August 20, 2016)



Bức tranh "Sự nhập diệt của Đức Phật Lịch sử" được phục chế tại Bảo tàng Mỹ Thuật, Boston (Hoa Kỳ) — Photos: Claire Voon

MIỀN ĐIỆN: Động đất gây thiệt hại cho ít nhất 100 Phật tử

Ngày 24-8-2016, một trận động đất 6.8 độ richter xảy ra tại Bagan, miền trung Miền Điện, đã khiến 3 người chết và gây hư hại ít nhất 100 tự viện Phật giáo có niên đại từ thế kỷ thứ 11 đến 13, theo Bộ Thông tin Miền Điện cho biết. Các dư chấn từ trận động đất cũng được cảm nhận tại Thái Lan, Ấn Độ và Bangladesh.

Mỗi năm rất đông du khách đến Bagan để viếng khoảng 3,000 ngôi chùa tại đó. Vào năm 1975, hơn một nửa số chùa chiền trong khu vực này đã bị hư hại sau khi một trận động đất 6.5 độ richter xảy ra.

Theo phóng viên Jonah Fisher của đài BBC tại Miền Điện, động đất thường xảy ra tại đất nước này và những ngôi chùa bị hư hại trong quá khứ đã được xây dựng lại.

(theartnewspaper .com - August 25, 2016)



Lực lượng quân đội dọn đồng đồ nát do động đất tại một ngôi chùa ở Bagan, Miền Điện
Photo: The Herald

ANH QUỐC: Chùa Phật Quang Sơn Luân Đôn được cấp quỹ để sửa chữa

Chùa Phật Quang Sơn (FGS) Luân Đôn là ngôi chùa đầu tiên được nhận Quỹ Xổ số dành cho Di sản.

Có trụ sở tại Marylebone, chùa FGS Luân Đôn đã nhận 209,300 bảng Anh để có thể thực hiện việc sửa chữa cấp bách cho bản tự.

Ngôi chùa đẹp của Đài Loan nằm gần đường Oxford này hiện đang thu hút 18,000 du khách mỗi năm và là một trung tâm thờ phụng và giảng dạy Phật giáo tích cực.

Tuy nhiên, việc phục chế tòa nhà bị hư hỏng là rất cần thiết để chùa có thể hoạt động trở lại.

Tiền tài trợ sẽ giúp phục chế các mái nhà phía đông, thay thế gạch bị hư hỏng và xây lại phần nền cao cấp, vốn nguyên thủy được thiết kế kiểu Gô Tích bởi kiến trúc sư William Butterfield vào năm 1868 và được FGS Luân Đôn mua vào năm 1992.

Công việc phục chế chùa FGS Luân Đôn sẽ mất khoảng 6 tháng.

(gowestlondon.com - August 24, 2016)



Bên trong chùa Phật Quang Sơn Luân Đôn (Anh Quốc)
Photo: Goolistan Cooper

CHILE: Các võ tăng Thiếu Lâm mang Kung Fu bí truyền đến thủ đô của Chile

Chư tăng từ Thiếu Lâm Tự của Trung Quốc đã đến thủ đô Santiago để truyền bá nhận thức về Thiền Phật giáo và Kung Fu.

Từng được xem bởi 5 triệu người tại 11 nước châu Âu và châu Á, chương trình "Kung Fu Thiếu Lâm" được mời đến Chile để biểu diễn trong 2 tuần tại hí viện Teatro Municipal de Las Condes của Santiago.

Đoàn gồm 19 tăng sĩ này đến từ tu viện Thiếu Lâm nằm trên đỉnh núi, nơi họ học cả Phật giáo và võ thuật.

Tọa lạc tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, Tu viện Thiếu Lâm được xem là ngôi chùa nổi tiếng nhất cả nước với một lịch sử giảng dạy có từ hơn 1,500 năm trước. Suốt 365 ngày một năm, tất cả học viên của ngôi chùa này thiền định trong 2 giờ trước

khí mặt trời mọc và luyện võ trong 10 giờ để đạt được sự kiểm soát cơ thể và tâm trí của mình và luyện nên sự chịu đựng được đau đớn.

(Fox News Latino - August 26, 2016)



Hí viện Teatro Municipal de Las Condes (Santiago, Chile)
Photo: santiagochic.com



Võ tăng Thiếu Lâm
Photo: tmlascondes.cl

TRUNG QUỐC: Học giả toàn cầu tham dự lễ kỷ niệm 1650 năm của Hang động Mạc Cao

Ngày 20-8-2016, hơn 150 học giả và các nhà nghiên cứu đã tham dự một cuộc hội thảo 2 ngày tại thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc (tây bắc Trung Quốc) để kỷ niệm năm 1650 của Hang động Mạc Cao.

Những người tham dự đến từ hơn 10 quốc gia và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Pháp, Đức, Nhật Bản và Iran. Họ thảo luận về các phát hiện khảo cổ, các nghiên cứu của văn bản và nghệ thuật hang động Đôn Hoàng, và về vai trò của Đôn Hoàng trong lịch sử của Con đường Tơ lụa.

Hội thảo này là một phần của Triển lãm Văn hóa Quốc tế Con đường Tơ lụa (Đôn Hoàng) đầu tiên dự kiến sẽ khai mạc một tháng sau đó.

Hang động Mạc Cao có một bộ sưu tập tác phẩm nghệ thuật Phật giáo đồ sộ - hơn

2,000 tác phẩm điêu khắc tô màu và 45,000 mét vuông bích họa – trong 735 hang động do các tín đồ thời xưa tạc chạm dọc theo một vách núi.

(Tipitaka Network – August 27, 2016)



*Hội thảo kỷ niệm năm 1650 của Hang động Mạc Cao(Đôn Hoàng, Trung Quốc)
Photo: NEWS.CN*



*Tượng Phật tại Mạc Cao (Đôn Hoàng, Trung Quốc)
Photo: crystalinks.com*

NHẬT BẢN: Nét mới tại Đại sảnh Điều khắc Phật giáo Nara của Bảo tàng quốc gia Nara

Bốn bảo tàng quốc gia của Nhật tại Tokyo, Kyoto, Nara và Fukuoka đang tìm ra những cách độc đáo để triển lãm các bộ sưu tập lớn của mình được hấp dẫn hơn, để du khách được chiêm ngưỡng gần hơn các hiện vật trưng bày.

Tại Bảo tàng Quốc gia Nara, trong ánh sáng dịu mắt của một phòng triển lãm, các pho tượng Phật lớn trông thật trang nghiêm và an nhiên. Phòng này, là một phần của Đại sảnh Điều khắc Phật giáo Nara của Bảo tàng, đã mở cửa lại vào tháng 4 năm nay sau 18 tháng tái thiết kế.

Phòng triển lãm nói trên trưng bày hơn 10 tượng Phật, bao gồm các Bảo vật Quốc gia

và Tài sản Văn hóa Quan trọng. Dù là vô giá, các hiện vật này không lồng kính hoặc ngăn bằng dây thừng nên du khách có thể ngắm hiện vật thật gần.

Sảnh tác phẩm điêu khắc có 12 phòng triển lãm, với gần 100 tác phẩm trưng bày. Đây là nơi du khách được nhân tận chiêm ngưỡng các kiệt tác nghệ thuật.

(tipitaka.net – August 27, 2016)



Các tượng Phật tại Đại sảnh Điều khắc Phật giáo Nara của Bảo tàng Quốc gia Nara, Nhật Bản—Photo: Kosako Mimura

INDONESIA: Chính phủ chỉ cho phép mỗi lượt 15 du khách viếng chùa Borobudur

Chính phủ Indonesia có kế hoạch hạn chế số lượng du khách được phép viếng chùa Borobudur ở Magelang, Trung Java, xuống chỉ còn 15 người tại bất cứ thời điểm nào.

Nadjamuddin Ramly, giám đốc khoa ngoại giao về di sản và văn hóa tại Bộ Giáo dục và Văn hóa, nói rằng có những lo ngại về việc bảo tồn ngôi đền Phật giáo Đại thừa thế kỷ thứ 9 này. Ông nói Di sản Thế giới UNESCO Borobudur thường có hàng trăm du khách cùng vào một lúc, khiến có thể tác động đến tính toàn vẹn cấu trúc của di tích này.

Ông cho biết con số 15 người là dựa trên dữ liệu liên quan đến sức chứa về cấu trúc của ngôi đền.

Nadjamuddin nói rằng du khách cũng thường thiếu kỷ luật và rằng nhiều người không thật sự tôn quý giá trị lịch sử và văn hóa của di tích Phật giáo lớn nhất thế giới này.

Ông nói việc quản lý ngôi đền không có đủ nhân viên an ninh để thực hiện các quy tắc, vì vậy chính phủ có kế hoạch tăng cường việc giáo dục du khách để bảo tồn di tích Borobudur.

(tipitaka.net – September 3, 2016)



*Chùa Borobudur (Indonesia)
Photo: beritasatu.com*

HÀN QUỐC: Bộ tượng Tam Thế Phật tại chùa Munsu sẽ trở thành bảo vật quốc gia

Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc (CHA) đã công bố kế hoạch của cục về việc chỉ định 9 di sản văn hóa là bảo vật quốc gia, trong số đó có bộ tượng Tam Thế Phật bằng gỗ tại chùa Munsu ở Gochang, vốn được xem là mẫu chuẩn của điều khắc Phật giáo thế kỷ 17.

Bộ tượng Tam Thế Phật tại Munsu gồm tượng Đức Phật Thích Ca ở giữa, 2 bên là tượng Phật Dược sư và Phật A Di Đà. Được biết nhà sư Byeokam Gakseong (1575-1660) và các đệ tử của ông đã giám sát việc tạo tác bộ tượng do 15 tăng sĩ là điều khắc gia thực hiện.

Việc tiến hành kế hoạch nói trên của CHA sẽ bao gồm việc thu thập ý kiến từ các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau trong 30 ngày và một sự đánh giá của Ủy ban Di sản Văn hóa Hàn quốc.

(tipitaka.net – September 3, 2016)



*Bộ tượng Tam Thế Phật tại chùa Munsu ở Gochang, Hàn Quốc
Photo: donga.com*

ẤN ĐỘ: Trường Cao đẳng KJ Somaiya ra mắt khóa học về Phật giáo dành cho sinh viên kỹ thuật

Sinh viên kỹ thuật tại trường Cao đẳng KJ Somaiya ở Mumbai, Ấn Độ, đã gia nhập khóa học đầu tiên về Phật giáo có tựa đề "Phật giáo dành cho kỹ sư". Hai mươi sinh viên đã ghi danh vào khóa học kiểm toán này, với phần giới thiệu về cuộc đời và lời dạy của Đức Phật và sự phân tích của Ngài về tâm trí con người. Mục đích của khóa học là nghiên cứu lý thuyết Phật giáo về quan hệ nhân quả, là lý thuyết về sự liên kết mà trường cao đẳng này tin rằng có thể làm tăng cường sự hiểu biết về kỹ thuật của các sinh viên.

Năm nay, số sinh viên nói trên sẽ trải qua 3 ngày tại Lonavala ở Pune, bang Maharashtra, nơi có các hang động Phật giáo Karla, Bhaja và Bedse. Họ cũng sẽ viếng các hang Phật giáo Kondana ở Raigab, Kanheri ở Borivali và cụm 24 hang động ở tây bắc của bang Maharashtra. Họ cũng sẽ tham quan các hang Phật giáo của Ajanta và Ellora nếu thời gian cho phép.

(Buddhistdoor Global – September 2, 2016)



Các sinh viên kỹ thuật tham gia chương trình "Phật giáo dành cho kỹ sư" tại trường Cao đẳng Kỹ thuật KJ Somaiya—Photo: mid-day.com

HOA KỲ: Bảo tàng Nghệ thuật Portland sẽ trả bức tranh Phật giáo hiếm có cho Hàn Quốc

Bảo tàng Nghệ thuật Portland ở tiểu bang Oregon đã công bố một triển lãm đặc biệt cho bức tranh Phật giáo



Hàn Quốc thế kỷ 18 hiếm có, mang tên Obuldo (5 vị Phật). Bức tranh do vợ chồng Sandra và Robert Mattiellis tặng Bảo tàng Nghệ thuật Portland và gần đây được xác định là đã bị đánh cắp từ một trong những tu viện Phật giáo nổi tiếng nhất của Hàn Quốc.

Bức tranh mang tính biểu tượng này sẽ được hồi hương Hàn Quốc sau cuộc triển lãm.

Diễn ra từ ngày 3-9 đến 4-12-2016, cuộc triển lãm "5 vị Phật: Hành trình xuyên thời gian của Biểu tượng Hàn Quốc", do Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc (CHA) tài trợ, sẽ kể chi tiết hành trình của bức tranh – từ việc khám phá, phục hồi và vận chuyển của nó đến Hoa Kỳ. Một hội nghị chuyên đề đặc biệt được lên chương trình vào ngày 3-12-2016 trước khi tác phẩm quý hiếm này trở về với Hàn Quốc.

Một quan chức của CHA nói, "Bức tranh Obuldo có lẽ đã biến mất mãi mãi nếu không có Mattiellis, người đã mua và đóng khung tác phẩm bị hư hỏng nghiêm trọng này. Chúng tôi sẽ mời vợ chồng Mattiellis dự lễ tôn trí của bức tranh, được tổ chức vào năm sau, để chính thức truyền đạt lời cảm ơn của chúng tôi đến họ".

(Buddhistdoor Global – September 5, 2016)

*Bức tranh Obuldo (5 vị Phật) của Phật giáo Hàn Quốc
Photo: Portland Art Museum
<—*

LÀO: Tổng thống Hoa Kỳ Obama viếng chùa Wat Xieng Thong

Trong chuyến công du của mình, Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã viếng ngôi chùa Wat Xieng Thong tại Luang Prabang vào ngày 7-9-2016. Tại đây, Tổng thống kinh ngạc khi nhìn một chiếc tàu lớn bằng vàng với những con rồng vàng được trang trí ở mũi tàu.

Tổng thống Obama nói "Thật là tuyệt đẹp" khi các phóng viên tháp tùng hỏi ý kiến của ông.

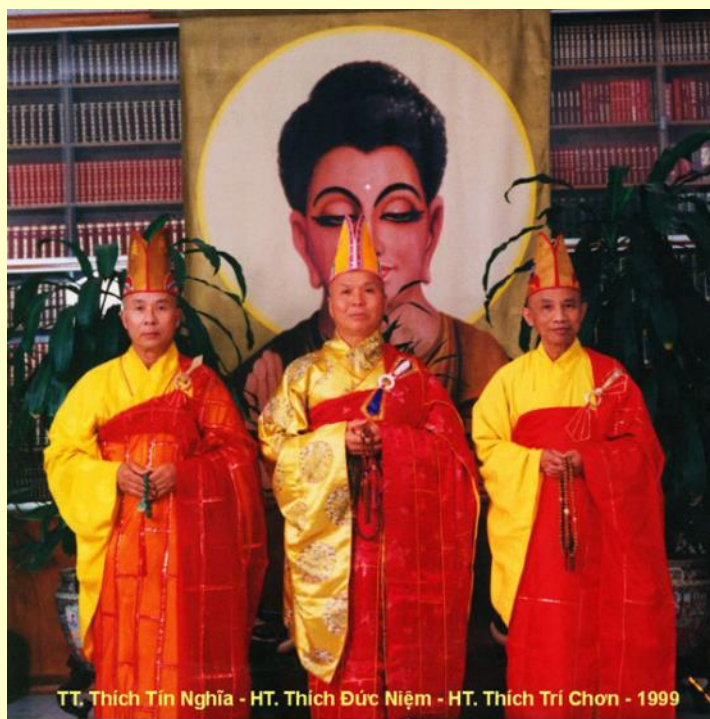
Việc xây dựng chùa này bắt đầu vào thế kỷ thứ 16 khi Luang Prabang là nơi thuộc hoàng gia Lào. Ngôi chùa từng là nơi diễn ra các lễ đăng quang và dưới sự bảo trợ của hoàng gia cho đến năm 1975, khi chế độ quan chủ bị bãi bỏ. Chùa Wat Xieng Thong là một trong những điểm đến du lịch nổi tiếng nhất của Luang Prabang.

(AP – September 7, 2016)



*Tổng thống Hoa Kỳ Obama viếng chùa Wat Xieng Thong (Luang Prabang, Lào)
Photo: The Standard (HK)*

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



TT. Thích Tín Nghĩa - HT. Thích Đức Niệm - HT. Thích Trí Chơn - 1999

SUY GẪM

Sắp đến Về Nguồn thăm buồn vương,
Thưa dân bậc Thạch trụ Đổng lương,
Các Châu Giáo hội tụy hiệp lực,
Tứ chúng Tăng ni vẫn bình thường.
Như Huệ, Minh Tâm quy Cực lạc,
Trí Chơn, Hạnh Đạo, vãng Tây phương.
Mỗi năm vắng bóng thêm vài vị,
Có lẽ lâu dài tựa màn sương.

Màn sương phủ xuống hậu bối lo,
Tục diệm truyền đăng vẫn phủ bờ,
Quốc nội Tăng Ni tùy duyên dụng,
Quý Châu Giáo hội vẫn hiệp lo.
Tre tàn măng mọc cầm tay lái,
Trẻ đến già đi giữ nếp nhà.
Đạo pháp có suy thì có thịnh,
Ai người tâm huyết gắng giữ cho...

Mạnh đông Bình thân – Sept. 10th 2016



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

IV.- XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH TRÊN TÌNH THẦN LỤC HÒA:

Sự quan hệ của tinh thần duyên sanh đối với sự sống còn của một con người đã được giới thiệu qua, giờ đây chúng ta bước sang lãnh vực xây dựng hạnh phúc gia đình trên tinh thần Lục Hòa của Phật Giáo.

Lục Hòa là sáu pháp hòa kính, nghĩa là sáu nguyên tắc sống của một tập thể để được thanh tịnh và an lạc. Theo Phật Giáo, chữ *Hòa* nghĩa là hòa hợp như keo sơn và hòa không có ranh giới giống như sữa hòa trong nước. Đây là chỉ cho sự hòa hợp của tâm linh con người. Con người với con người sống chung phải hòa hợp tâm linh thì mới có thể hạnh phúc an lạc. Đất, nước, gió, lửa là bốn loại mâu thuẫn chống trái với nhau như mặt trời mặt trăng mà còn biết hòa hợp để cùng nhau xây dựng nên thân thể con người thì tại sao tâm linh của hai người không biết hòa hợp để cùng xây dựng hạnh phúc chung cho nhau. Gia đình là một tập thể nhỏ, mỗi người trong gia đình sống chung muốn nắm lấy được hạnh phúc thật sự thì cần phải nương theo tinh thần Lục Hòa để cùng nhau xây dựng. Lục Hòa nghĩa là sáu phương pháp hòa kính và sáu phương pháp này gồm có: thân hòa cùng chung ở, miệng hòa không tranh cãi, ý hòa cùng hoan hỷ, giới hòa cùng tu tập, kiến hòa cùng giải bày, lợi hòa cùng chia xẻ.

Ý nghĩa sáu phương pháp hòa kính được giải thích như sau:

1). THÂN HÒA CÙNG CHUNG Ở (Thân Hòa Đồng Trụ)

Thân hòa cùng chung ở nghĩa là cùng nhau sống chung trong một gia đình thì phải hòa hợp, phải chung lưng đầu cột, đùm bọc lẫn nhau, không nên dùng bạo lực lấn áp nhau. Muốn được như thế, trong một gia đình, chồng vợ, con cái, cha mẹ, anh em sống chung phải có những luật lệ như sau:



A)- Đối Với Gia Đình:

1)- Thánh Thiện Hóa Giá Trị Lập Gia Đình:

Thánh thiện hóa giá trị lập gia đình, nghĩa là lập gia đình nhằm xây dựng tình yêu lý tưởng. Tình yêu lý tưởng không phải là tình yêu thể xác chỉ biết thỏa mãn dục vọng. Tình yêu lý tưởng ở đây là tình yêu có ý nghĩa cao cả. Xây dựng tình yêu lý tưởng có hai mục đích: truyền thừa sự nghiệp gia bảo của tổ tiên dòng họ và thể hiện đạo đức của gia tộc.

a)- Truyền thừa sự nghiệp gia bảo của tổ tiên dòng họ, nghĩa là phải có con cái để nối dõi tông đường, đừng để dòng họ phải bị

tuyệt tự và làm thế nào dòng họ của mình càng ngày càng chặt chẽ lớn mạnh qua gia đình mình và con cháu của mình. Muốn có con cái nối dõi tông đường, đôi chồng vợ phải áp dụng những nguyên tắc sau đây:

1- Chồng vợ phải biết tiết dục, nghĩa là tiết chế ái dục. Tiết chế ái dục là hạn chế ái dục, nghĩa là tình yêu nam nữ phải có chừng mực, đừng xài phí bừa bãi theo dục vọng của mình. Đức Phật chỉ dạy: người xuất gia sống phải diệt dục và người Phật tử tại gia sống phải tiết dục. Chồng vợ tiết dục nhằm mục đích giúp cho máu huyết của hai người đầy đủ chất lượng tốt để sanh ra đứa con được lành mạnh toàn diện. Hạt giống lúa nuôi dưỡng không đủ chất lượng và gặp phải phân đất không được tốt, v.v... thì cây lúa sanh ra không được lành mạnh. Súc vật còn biết ái dục có mùa thì con người cần phải biết tiết chế ái dục đúng lúc để sanh con. Đôi chồng vợ nên luôn luôn tâm niệm với nhau rằng: chúng mình lập gia đình nhằm mục đích sanh con để nối dõi tông đường mà không phải để thỏa mãn sinh lý.

2- Người vợ khi có thai trong bụng, theo tinh thần *Kinh Đại Niết Bàn* phải giữ gìn bào thai trong tư thế an lạc thanh tịnh cho đến khi sanh ra đứa con. Muốn giữ gìn bào thai trong tư thế an lạc thanh tịnh, người vợ phải áp dụng triệt để những điều kiện sau đây:

*)- Không được gần gũi với người chồng trong lúc mang thai. Đôi chồng vợ gần gũi nhau

trong lúc mang thai vô tình hai ông bà trút vào tâm của đứa bé trong bào thai tràn ngập nghiệp ái dục và khiến cho nó sau này lớn lên không thể kiềm chế nổi bệnh ái dục kích thích.

*)- Không được ghen tương phiền não, v.v... khiến cho đứa con trong bào thai bị ô nhiễm bởi chất độc ngu si điên động từ nơi cha mẹ và còn làm cho nó trong bào thai bị đau đớn bởi các cơ năng của người mẹ cọ sát vào khi ghen tương phiền não.

*)- Không được đi đứng hấp tấp, không được tâm trạng bồn chồn lo lắng khiến cho bào thai bị kinh động bất an làm trở ngại không tốt cho Tâm Thức A Lại Da đang xây dựng hệ thống thần kinh của đứa bé trong bào thai.

*)- Ăn uống những món ăn khinh nhẹ, không có những chất độc hại để xây dựng thân thể đứa con lành mạnh tráng kiện. Thí dụ khi có thai, người mẹ ăn uống toàn những chất phong, như ăn tôm cua, v.v... tạo cho thân thể đứa con mang bệnh dị ứng, v.v...

3- Người vợ khi có thai muốn con mình sanh ra được tướng hảo tốt đẹp, theo tinh thần Duy Thức Học, nên đi thỉnh tượng Phật thật đẹp đem về thờ trong nhà của mình, mỗi tối thành tâm cầu nguyện quán tưởng hình tượng đức Phật đó thì sẽ được toại nguyện. Nguyên vì tâm của chúng ta như cái máy chụp ảnh, chúng ta thấy người nào thì hình ảnh (form) người đó đã vào tâm của chúng ta, chúng ta yêu mến người nào thì hình ảnh (form) người đó từ trong tâm của chúng ta xuất hiện ra. Khi người mẹ có thai, Tâm Thức A Lại Da trong bụng người mẹ liền chọn sẵn hình ảnh đã có trong tâm người mẹ để làm kiểu mẫu cho việc xây dựng đứa con ra đời, trong lúc đó người mẹ nếu như nhớ hình ảnh của người nào khác nữa thì Tâm Thức A Lại Da lại tiếp tục lấy hình ảnh vừa mới nhớ của người mẹ đem ráp vào với hình ảnh kiểu mẫu đã chọn liền sửa đổi canh tân (modified) lại cho thích hợp để xây dựng thành hình đứa con trong bụng theo ý người mẹ muốn trong lúc đó. Cũng từ giá trị này, người mẹ muốn đứa con mình sanh ra cho đẹp, liền mua những hình ảnh đẹp đem về nhà cầu nguyện.

4- Mỗi gia đình phải có gia phả để biết người nào là bà con gần xa của mình và phải tạo niềm thân thương gần bó với nhau trong bà con dòng họ bằng cách giải thích cho con cháu được biết những thành tích tốt đẹp của bà con dòng họ để chúng nó học hỏi.

b)- Gia đình sống phải hiển vinh dòng họ muốn đời với tổ tiên, nghĩa là mỗi người trong gia đình sống phải thể hiện được đạo đức của gia tộc. Đạo đức là giá trị tinh thần của con người đúng như câu tục ngữ thường nói: "*Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức.*" Đạo đức không phải có từ nơi tài năng, tiền của, danh vọng, mà nó có từ nơi tâm linh qua nếp sống, qua phong cách, qua ngôn ngữ, qua thái độ tư tưởng của mỗi người. Gia đình

chúng ta sống bằng cách nào để cho mọi người nhìn đến đều quý mến và cũng làm bằng cách nào để cho mọi người khi thấy cha mẹ mình, dòng họ mình đều kính trọng. Chúng ta thể hiện tối thiểu được một trong hai điều kiện nói trên cũng là biết sống tình yêu lý tưởng, nghĩa là biết thánh thiện hóa giá trị lập gia đình.

c)- Nguyên tắc thiết lập một gia đình lý tưởng của đôi trai gái mà ông bà chúng ta đã chỉ dạy qua hai câu ca dao như sau:

"Trai khôn tìm vợ chợ đông, Gái khôn tìm chồng giữa đám ba quân."

+ Chợ Đông: có nhiều nghĩa, nhưng nghĩa ở đây là chỉ cho chỗ hội chợ đông người. Các cô gái thường tập trung nơi chỗ đông người như hội chợ, v.v... thì những đặc tính của mỗi cô biểu lộ rõ nét hoặc tốt hoặc xấu khi trao đổi qua lại với nhau.

+ Ba Quân: nghĩa đen là chỉ cho ba đội quân lính: Đội quân trung ương, gọi là Trung Quân, Đội quân bên tả gọi là Tả Quân và Đội quân bên hữu gọi là Hữu Quân, mỗi đội quân gồm có 12.000 quân lính. Ba quân nói chung là toàn thể quân đội, nhưng ở đây là ám chỉ cho chỗ tập trung tất cả thanh niên trai tráng. Các thanh niên có dịp tập trung vào chỗ đám đông thì tánh tình của mỗi chàng trai đều bộc lộ rõ nét hoặc tốt hoặc xấu khi trao đổi qua lại với nhau.

+ Các thanh niên nam nữ muốn chọn ý trung nhân thì nên đến chỗ đông người đó để quan sát tìm hiểu. Nguyên tắc để chọn ý trung nhân làm bạn đời thì đừng đòi hỏi đối phương hoàn toàn tốt trăm phần trăm điều đó khó thành công, chỉ cần nơi họ có những đặc tính tương đồng với mình ước lượng khoảng sáu chục phần trăm là đủ tiêu chuẩn và phần còn lại khi nào sống chung với nhau mới huấn luyện sau, giống như câu ca dao đã chỉ cách huấn luyện:

"Dạy con dạy thuở còn thơ, Dạy vợ (chồng) dạy thuở ban sơ mới về."

Những điều trình bày trên là những nguyên tắc căn bản tương đối để chọn những người yêu và xây dựng tình yêu lý tưởng. Những ai thực hiện đúng những điều căn bản này chính là người đó biết cách thánh thiện hóa giá trị lập gia đình.

2)- Tôn Trọng Và Kính Nể Lẫn Nhau:

Con người đối xử với nhau có kính nể mới có tôn trọng và con người muốn được kính nể thì người đó phải thể hiện trọn vẹn phong cách đạo đức tốt của một con người, như lịch sự, khiêm cung, lễ độ, linh hoạt, v.v... bao nhiêu đó cũng đủ tư cách biểu tượng cho họ kính nể và từ kính nể đó đi đến tôn trọng. Nhưng trên thực tế, theo Phật Giáo, con người là kết tinh của tất cả nghiệp báo của kiếp trước và hiện đang bị tất cả phiền não, như tham, sân si, v.v... đang lên ngôi chỉ đạo cho lẽ sống, nghĩa là ai cũng có những tật xấu đang tiềm ẩn trong tâm thức của họ. Khi chưa sống chung, những tật xấu của mỗi người thường tiềm ẩn bên

trong nội tâm để chờ cơ hội lên ngôi và khi hai người sống chung với nhau thì những tật xấu của mỗi người hội đủ điều kiện lên ngôi để tạo sự mâu thuẫn trong cuộc sống tập thể. Những bạn trai bạn gái khi chưa lập gia đình thường hay lý tưởng người yêu của mình có những cá tính thuần lương, nhưng khi sống chung với nhau những lý tưởng đó đều sụp đổ và cả hai bên đều hoàn toàn thất vọng. Vì hoàn toàn thất vọng, họ tỏ ra bất kính với nhau và cũng từ đó họ có những thái độ không tôn trọng danh dự cho nhau.

Nên biết rằng trong một gia đình, chồng và vợ ai cũng có tự ái cá nhân, đã sống chung với nhau đừng chà đạp danh dự của nhau trước con cháu, trước bạn bè, trước quần chúng đồng người, nghĩa là đừng cho con cháu hoặc bạn bè biết những tật xấu của chồng mình hay của vợ mình, đừng đánh đập cầu xé lẫn nhau, đừng nói những lời thô tục, chửi mắng nguyên rủa, bêu xấu cho nhau, cho đến đừng hỗn láo đem cả dòng họ cấp trên ra lăng mạ cho thỏa mãn nư giận cá nhân.

Đã sống chung với nhau, chồng và vợ phải biết kính nể và tôn trọng danh dự cho nhau bằng cách thông cảm và che chở cho nhau, đừng có thái độ đưa người yêu mình vào đường cùng, theo tâm lý có một ngày họ sẽ phản ứng lại rất mạnh làm nguy hại đến hạnh phúc lứa đôi, đúng như câu tục ngữ thường nói: "Nhân cùng tắc biến, vật cùng tắc phản," nghĩa là đưa người vào đường cùng thì họ trở mặt biến đổi, đưa con vật vào đường cùng thì con vật đó trở lại phản mình. Đây là nguyên tắc thứ hai mà mỗi người sống chung trong một gia đình cần phải giác ngộ để cùng tạo dựng nền tảng hạnh phúc gia đình.

3)- Xây Dựng Đức Tin Cho Nhau:

Đôi chồng vợ mới cưới, hai người chỉ có niềm tin với nhau mà họ chưa có đức tin chân thật khi đôi bên thực sự sống chung. Đôi bên chỉ có niềm tin với nhau trên lời nói và hành động, nhưng trên tư tưởng chưa được dung thông thực sự. Giữa hai người, niềm tin của họ còn chút nghi kỵ ở trong tâm, nghĩa là hai người luôn luôn theo dõi những hành động của nhau, điển hình như một người nào đó khi có việc phải đi ra ngoài một mình thì thường bị người ở nhà gọi điện thoại theo dõi, điều đó chứng tỏ họ còn chút nghi kỵ, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Hai chồng vợ sơ dĩ thiếu sự tin tưởng lẫn nhau là do lúc sơ giao hai bên đều giấu kín những tật xấu của mình không cho đối phương biết được và chỉ đem những tánh tốt để trau dồi tâm tình. Khi sống chung với nhau, những tật xấu của hai người bắt đầu xuất hiện tạo nên sự mâu thuẫn bất ổn trong gia đình, từ đó hai bên trở nên nghi kỵ lẫn nhau trong sự sống chung.

Muốn xóa bỏ những tâm trạng nghi kỵ của hai người, đôi chồng vợ trước hết phải áp dụng những nguyên tắc căn bản sau đây để xây

dựng đức tin chân chánh:

a)- Nguyên tắc thứ nhất:

*)- Người chồng muốn tiếp bạn gái phải hẹn khi có mặt người vợ ở nhà.

*)- Khi tiếp bạn gái, người vợ phải đóng vai chánh trong việc tiếp khách và người chồng chỉ đóng vai phụ tá.

*)- Người vợ muốn tiếp bạn trai phải hẹn khi có mặt người chồng ở nhà.

*)- Khi tiếp bạn trai, người chồng phải đóng vai chánh trong việc tiếp khách và người vợ chỉ đóng vai phụ tá.

Nên biết rằng, theo Phật Giáo tình yêu bao giờ cũng có mặt trái của nó, nghĩa là yêu không được thì thù hận và thương không được thì ganh ghét. Mình đã được một người nào để yêu thì người đó cũng đã được nhiều người khác đã chọn, nhưng mình lại được người yêu đó đồng tình mà những người khác lại bị thất vọng thì họ nhất định sẽ tìm mọi cách phá hoại hạnh phúc của mình, cho nên mình phải đề phòng những hiện tượng trên sẽ xảy đến gia đình của mình, nếu như hiện tượng đó không có xuất hiện thì mình được phước báo đầy. Để ngăn ngừa những hiện tượng trên mang đến bất an trong gia đình, mình nên áp dụng nguyên tắc thứ nhất đã trình bày trên.

b)- Nguyên tắc thứ hai:

Những tật xấu nói trên của đôi chồng vợ là thuộc về tâm bệnh mà không phải thân bệnh. Thân bệnh thì phải nhờ y dược trị liệu, nhưng tâm bệnh thì phải nhờ đến pháp dược trị liệu; thân bệnh thì phải nhờ đến bác sĩ cứu chữa, còn tâm bệnh thì phải nhờ đến Phật giáo hóa giải. Để bồi dưỡng tâm linh, đôi vợ chồng cần phải chuyên cần tu tập pháp Phật để thanh lọc những phiền não trong tâm tư của mình cho được thanh tịnh. Đây là những điều kiện xây dựng đức tin cho nhau.

(còn tiếp)



Ý NGHĨA ĐỀ KINH KIM CANG

Tuệ Sỹ

Kinh Kim cang là một trong những bản kinh quan trọng và sớm nhất trong kinh điển Phật giáo Đại thừa. Ở đây, chúng ta sẽ trình bày ý nghĩa của đề kinh Kim cang từ nguyên gốc tiếng Phạn và từ được dịch sang tiếng Hán. Đề kinh Kim cang gồm hai phần. Tên tiếng Phạn là Vajrachedikā Prajñāpāramitā, trong đó phần đầu là tính từ phẩm định cho từ theo sau. Prajñāpāramitā phiên âm tiếng Hán là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nó có khả năng cắt chém như kim cang, hay chính xác: như sấm sét (búa thiên lôi).

Hiện nay có hai bản dịch phổ biến: một là Kim cang Bát-nhã ba-la-mật do ngài La-thập dịch sang Hán; hai là Kim cang năng đoạn Bát-nhã ba-la-mật đa của Ngài Huyền Trang dịch. Trong đề kinh của ngài La-thập, từ chedika: (sự) cắt chém, bị lược bỏ. Theo đây có thể hiểu, cắt chém là công dụng của kim cang, không cần đến phẩm định từ, như dao để cắt, chỉ cần nói dao là đủ. Tuy nhiên, trong một ý nghĩa khác, sự cắt chém của kim cang cần được lưu ý; và sự lưu ý này sẽ được đề cập sau.

Trước hết, chúng ta giải thích ý nghĩa của từ prañāpāramitā tức Bát-nhã ba-la-mật-đa. Từ Bát-nhã ba-la-mật-đa được hiểu theo hai phương diện, phương diện tư tưởng và phương diện văn học.

Về phương diện văn học, đó là hệ thống kinh điển được phát triển sau khi Phật nhập Niết-bàn. Có thể bắt đầu từ những phiên đoạn kệ tụng, như Bảo đức tạng Bát-nhã (Ratnagūṇa), vốn là thể thơ tiên lợi cho việc truyền khẩu từ thầy sang trò, phát triển dần theo thời gian và địa lý cho đến khi thành một bộ phận văn học rất đồ sộ. Bộ lớn nhất, dài nhất, trước hết phải kể là Bách thiên tụng (Śatasāhasrikā), kể đến là bộ 25,000 bài tụng: Nhị vạn ngũ thiên tụng (Pañcaviṃśatikā), rồi bộ Bát thiên tụng (Aṣṭasāhasrikā). Đó là ba bộ chính đồ sộ, tập hợp thành một đại tạng thơ, trong đó ngài Huyền Trang dịch Hán gồm 600 quyển, hình thành bộ Bát-nhã đồ sộ nhất trong văn học Phật giáo.

Trong nền văn học Đại thừa, khi nói đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là nói đến bộ tạng thơ vĩ đại này. Với kích thước dài tương đương 600 quyển bản Hán, vì quá dài, nên nhu cầu khi truyền tụng cần phải ngắn gọn lại cho phù hợp dung lượng của ký ức, và cũng cần có hệ thống

cô đọng cho vừa tầm bắt nắm của tư tưởng. Chúng ta có, chẳng hạn như Văn-thù Bát-nhã gồm 700 tụng (Saptaśatikā: Mañjuśrīparivartā), đến Kim cang chỉ còn 300 tụng (Trimśatikā), rồi đến Tâm Kinh (Hṛdayasūtra) thì ngắn gọn vô cùng.

Nội dung giáo nghĩa được phô diễn rõ ràng trong kinh Kim cang. Ở đây, chúng ta tóm tắt đại ý của Tâm kinh để có khái niệm cơ bản về ý nghĩa thực tiễn của Bát-nhã Ba-la-mật. Tâm kinh, như được giới thiệu bởi chính kinh văn, tiếng Phạn gọi là mantra, nghĩa đen là "công cụ tư duy," Hán dịch thông dụng là "thần chú." Bát-nhã Ba-la-mật cũng được gọi là mahāvidyā: nền minh triết phổ quát, bao trùm tất cả, được cô đọng và hàm chứa trong đây; mà Hán dịch là "đại minh chú." Theo ý nghĩa này, kinh văn chỉ nêu ra hàng loạt phủ định, và kết thúc bằng câu gate gate paragate paraṃgate bodhi svāha. Ngũ điệu của câu thần chú này chính là công cụ hướng dẫn tư duy vượt qua những bế tắc tư tưởng, mà đó cũng chính là những bế tắc trong đời sống thường nhật, và nhờ đó mà vượt qua những tai họa hiểm nghèo.

Nay nói qua về tư tưởng Bát-nhã. Bát-nhã hay prajñā, là trí tuệ, là nhận thức phán đoán các giá trị, theo các cấp từ thường nghiệm cho đến siêu nghiệm. Bình tĩnh và sáng suốt, đó là định và tuệ trong nhận thức thường nghiệm. Trong Phật học, đó là phần thứ ba của quá trình tu tập hay phát triển; chúng ta có Giới-Định-Tuệ. Nhận thức đạt được do quá trình phát triển giới và định là năng lực rọi sáng bản chất của tồn tại. Như Tâm kinh nói: "Chiếu kiến năm uẩn đều không, vượt qua mọi ách nạn." Trong các loại định, để hỗ trợ cho trí tuệ soi thấu bản chất chân thực của tồn tại, xóa tan bức màn vô minh, đập vỡ lớp vỏ tự ngã, định này được gọi là Kim cang du định (vajropama-samādhi), vì kiên cố như kim cang, hay khả năng cắt chém như uy lực của sấm sét.

Ba-la-mật-đa, tiếng Phạn pāramitā, Hán dịch là đáo bỉ ngạn: đến bờ bên kia; hoặc cũng dịch là chí cực, nghĩa là, hoàn hảo hay toàn thiện tuyệt đối. Tại sao là hoàn hảo? Có hai nghĩa. Thứ nhất là sự đạt đến mức toàn thiện. Theo nghĩa này, Hán dịch là đáo bỉ ngạn, qua đến bờ bên kia, là bờ giải thoát sanh tử, bằng trí tuệ bát-nhã. Nghĩa thứ hai là sự hoàn hảo

của trí tuệ bát-nhã, tức là đạt đến nhận thức chân thật tuyệt đối. Đó là sự hợp nhất hoàn hảo của bi và trí.

Kinh Kim cang thuộc về văn học Bát-nhã, trong kinh điển Đại thừa, giáo nghĩa của kinh được giảng cho các hàng Bồ-tát. Không giống các kinh điển Đại thừa khác, vị chủ giảng phần nhiều là các Bồ-tát thuộc hàng Pháp thân Đại sĩ; trong các kinh điển thuộc văn học Bát-nhã sơ kỳ, giáo nghĩa trong đây được diễn giải bởi các Thanh văn, các Đại đệ tử, cho các hàng Bồ-tát, bao gồm loài người và loài trời. Điều này rất có ý nghĩa, theo đó kinh điển Bát-nhã chứa đựng các giáo nghĩa mở rộng cho hàng đệ tử tại gia.

Văn học Bát-nhã là một phần của nền văn học nguyên thủy hơn, đó là văn học Jātaka mà nội dung chuyển tải sự thực hành các ba-la-mật của Bồ-tát. Đó là những câu chuyện tiền thân của đức Phật, trong nhiều kiếp do chứng kiến những thống khổ của chúng mà phát Bồ-đề tâm, hành Bồ-tát đạo.

Từ sau Phật nhập Niết-bàn khoảng 100 năm trở đi, giáo pháp của Ngài được truyền bá rộng rãi vào quần chúng, trong một giai đoạn mà người dân thích nghe đạo được kể bằng câu chuyện. Các vị Tỳ-kheo hoằng pháp đã khéo léo đưa nội dung giáo lý vốn cao siêu vào trong những sinh hoạt thường nhật, tập thành những mẫu chuyện Jātaka, tiền thân của đức Phật, một nhân cách tuyệt vời với những phẩm tính cao thượng như từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, tinh tấn; luôn luôn sống và hành động vì an lạc của mọi loài chúng sinh.

Những phẩm tính ấy là những thiện căn công đức được tích lũy nhiều đời nhiều kiếp để cứu cánh thành tựu chánh giác. Trong truyền thống phương Bắc, các phẩm tính ấy là sáu ba-la-mật. Trong truyền thống phương Nam, trong kinh tạng Pāli, các phẩm tính ấy là mười ba-la-mật.

Tuy cả hai truyền thống đều bắt đầu bằng Bồ thí ba-la-mật (P. dāna-pāramī), nhưng Phật giáo phương Nam thiên trọng về xuất ly hay xuất gia (P. nekkhamma-pāramī); trong khi truyền thống phương Bắc lấy Bồ thí ba-la-mật làm nền tảng từ đó phát triển lên thành các ba-la-mật khác. Trong các truyện tiền thân Bắc truyền, Bồ-tát luôn luôn hiện thân làm cư sĩ tại gia. Hành bồ thí là phước nghiệp sự của người tại gia được đức Phật giảng dạy nhiều nơi trong các kinh điển A-hàm hay Nikāya. Mặc dù trong hệ kinh điển này đức Phật cũng kể nhiều chuyện tiền thân của chính Ngài, đã nhiều lần xuất gia tu đạo, nhưng sự hành đạo khi ấy chưa đạt đến cứu cánh. Bồ thí là một phần trong pháp môn Lục niệm được dạy cho

Phật tử tại gia. Người xuất gia không được phép có tư hữu, vì vậy không có phương tiện để hành bồ thí như người tại gia.

Và lại, trong giáo nghĩa sơ kỳ, việc bồ thí chỉ mang lại phước cho đời sau chứ không giúp cho việc giải thoát sinh tử. Tuy nhiên, theo Đại thừa, chính bồ thí dẫn đến giải thoát và có thể đến Đại Bồ-đề.

Từ truyện kể về tiền thân của đức Phật, qua đó để thành tựu Phật quả cần phải thành tựu sáu ba-la-mật, văn học Jātaka được mở rộng đã trở thành nội dung thực tiễn của giáo nghĩa Bát-nhã. Nhưng làm thế nào để thành tựu Bát-nhã này? Sự diễn giải đã kéo dài với dung lượng tương đương 600 quyển Hán, năm này tháng kia, thời này sang thời khác, dần dà được thu ngắn lại cho gọn trong vài trăm chữ để dễ thực hành, cuối cùng mấy trăm chữ này dồn lại còn một dòng: gate gate paragate parasāgate bodhi svāha.

Nói tóm lại, ba-la-mật là đạo bị ngạn hay chí cực. Một từ Phạn với hai từ Hán dịch khác nhau, đây là do nhận thức khác nhau về ngữ pháp cấu tạo từ. Chúng ta không đề cập vấn đề ngữ pháp Phạn ở đây.

Pāramitā, theo nghĩa chí cực, là sự thực hành đạt đến mức tối thượng, tuyệt đối. Người tu tập cần phải thành tựu viên mãn sáu đức tính tuyệt đối, bắt đầu với bồ thí như là sự thể hiện thực tiễn của từ bi; trên cơ sở đó tu tập và phát triển lần lượt cho đến sau cùng là trí tuệ. Bi và trí song hành với nhau để tiến đến giải thoát. Vì thế văn học đồ sộ của Bát-nhã được đúc kết lại, vừa nghĩa vừa văn, thích hợp cho một hạng căn

cơ nhất định để hiểu và hành; đó là kinh Kim cang.

Tiếng Phạn vajra, phổ thông dịch là kim cang, đó chỉ mới nhấn mạnh đến tính chất cứng rắn nhưng chưa nói hết uy lực của nó như sấm sét. Vajra cũng được dịch là kim cang xử: chày kim cang. Trong huyền thoại Ấn Độ, kim cang xử là vũ khí của Indra tức là Thiên Đế Thích.

Khởi thủy, tổ tiên người Ấn được nói là người A-lì-nhã cư trú trong vùng biển Caspina, phía Bắc Iraq ngày nay. Theo dòng lịch sử, họ lần hồi tràn xuống phía Nam, ngang qua Iraq; một bộ phận tiến về phía Tây; bộ phận khác tiến về phía Đông, cuối cùng định cư trong lưu vực Ngũ Hà, Ấn Độ. Hệ thống các thần linh và vũ trụ luận cũng biến thiên theo bước chân của người A-lì-nhã. Với sự định cư và sự phát triển của nông nghiệp, thần Indra trong số vạn thần cổ đại dần chiếm vai trò quan trọng, trở thành Chúa tể của chư thiên. Cái chày kim cang hay kim cang xử trong tay là vũ khí lợi hại để diệt trừ ma quỷ, bảo vệ hạ giới. Đến thời đức Phật,



thần Indra bị thay thế bởi thần Brahmā, khi câu hỏi về nguồn gốc thế giới được nêu lên. Tuy nhiên, trong kinh Phật, thần Indra vẫn giữ vai trò quan trọng trong sự quản lãnh các thiên thần, bảo vệ hạ giới, và ông được gọi là Thiên Đế Thích: vua của chư thiên, có họ là Thích-ca; nói theo tiếng Phạn: śakro devānām indrah, cũng thường phiên âm là Thích Đề-hoàn Nhân. Khi Phật xuất hiện, ông cùng chư thiên thuộc hạ trở thành các vị hộ pháp.

Từ vajra mang ý nghĩa là lưỡi tầm sét, hay kim cang xử, xuất hiện nhiều đoạn trong kinh văn nguyên thủy như các A-hàm, Nikāya. Trong đó, vajra là vũ khí bảo vệ chân lý được cụ thể hóa qua thần Vajrapāṇi, Kim Cang Thủ. Kim cang được dùng để ví dụ cho loại định kiên cố, gọi là kim cang dụ định, có uy lực diệt trừ ngã chấp và vi tế vô minh để chứng đắc quả A-la-hán, hay Chánh đẳng giác. Kim cang dụ định này cũng chính là Kim cang Bát-nhã.

Kinh nói, Bồ-tát hành đạo, để đạt đến cứu cánh, cần phải loại trừ ý niệm về tự ngã. Nhưng tự ngã ấy bị bọc trong lớp vỏ vô minh, trừ phi có định lực kim cang và trí tuệ như kim cang mới loại trừ được nó.

Tôi là ai? Ta là cái gì? Ta tồn tại hay không tồn tại? Câu hỏi ấy đã là sự thách thức các hệ thống tư duy triết học và tôn giáo Ấn Độ. Không có câu trả lời thỏa đáng, hóa ra đời sống này chỉ là một trường túy sinh mộng tử: sống như người say rượu, không biết sống để làm gì; và chết như người đang chiêm bao, không biết tại sao chết, từ đâu đến và đi về đâu.

Trong các kinh điển nguyên thủy, đức Phật không đưa ra một câu trả lời xác định. Thế nhưng, điều được tin tưởng là tất cả giáo pháp của Phật đều hướng đến diệt trừ tự ngã. Tôi đang tồn tại, đó là một hiện thực, đồng thời cũng là một ảo ảnh. Đau khổ là sự thực. Cái tôi đang đau khổ ấy lại là ảo ảnh. Cái ta ảo ảnh được bọc trong vỏ trứng vô minh, nó được định hình bằng vọng tưởng thành thân thể ta, linh hồn ta, sở hữu của ta, tài sản của ta, cho đến núi sông này là của ta, tài sản này là của ta, ta là sông núi này; sông núi này là của ta, ta là sông núi này. Cho nên, khi tan gia bại sản, khi sông núi sụp đổ, cái ta vọng tưởng cũng sụp đổ, cho nên có kẻ trầm mình xuống sông, hoặc treo cổ trên cành. Vì thế, khi nghe nói cái ta này là ảo ảnh, là không thực; người nghe có thể kinh hoàng, như nghe sét đánh ngang tai. Tiếng sét đó là từ Kim cang bát-nhã. Duy có điều, mọi người đều mù, chỉ thấy bóng tối; mọi người đều điếc, chỉ nghe tiếng vo ve. Làm sao có thể thấy cái ta chỉ là ảo ảnh? Làm sao nghe được tiếng sấm từ kinh Kim cang?

Với những ai có mắt để thấy, có tai để nghe, kinh Kim cang sẽ chỉ đường để đối diện với ảo ảnh của cái tôi, và chỉ cách vận dụng kim cang xử đập vỡ vỏ trứng vô minh bao bọc tự ngã.

Tuệ Sỹ



CHÙM THƠ NGŨ NGÔN

1.- NẮNG MỚI

*Chòm lên hương cỏ thụ
Giọt sương mai thủy tinh
Bên thềm mây tĩnh tọa
Giữa trời đất thanh bình.*

2.- NHỮNG CHIẾC LÁ

*Chờ gió sương và nắng
Mặt sân rưng chiều qua
Ta gom thời gian lại
Gởi hương chốn trời xa.*

3.- GIỌT SƯƠNG

*Góp hương rừng núi biếc
Trong ngân gương thủy tinh
Giọt thơm miền sinh diệt
Giữa muôn trùng tử sinh.*

4.- CỎ TA

*Biết đâu là mặt mũi
Vỡ hồn sương ban sơ
Đi tìm hương đất mới
Nguyên thủy một vãn thơ.*

5.- HỘI TỤ

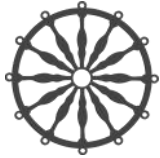
*Đất trời hương hội tụ
Xanh, mắt xanh núi rừng
Kề đá cành hoa nở
Diệu Pháp Hoa thơm lừng.*

6.- Ý MÀU

*Hương trà thơm trong sương
Mây tụ thềm hoa cỏ
Ba ngàn thế giới hương
Tụ ý màu KHÔNG-CO.*

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST

4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bốn phần của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Nhà hàng Regent West cách chùa cũ 5 phút lái xe, địa chỉ tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First với diện tích 2 mẫu đất, parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe bus cũng như đi lại. Chánh điện làm lễ có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Bây giờ điều trần trở của Chùa, đó là vào tháng 12/2016 Chùa phải đóng *Escrow*, mà địa điểm chùa cũ chưa bán được và chùa đã chạy vay nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Chùa đang cần 2,5 triệu USD. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý vị cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi sự đóng góp và cúng dường đều có receipt để khai thuế).

Kính mong quý vị hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho chùa có đủ tài chánh để đóng *Escrow* mua ngôi Bát Nhã mới, và sau khi sang nhượng được địa điểm 803 S. Sullivan, chùa sẽ gửi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn.

Sự phát tâm cúng dường của quý vị sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý vị và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA



THÍCH VIÊN THÀNH (HẠNH TRUNG)

NĂM SỰ HAM MUỐN

Theo “ngũ dục” (*) sẽ làm mờ chân tánh
 Khiến bao người phải lụy hại thân tâm
 Ấng mây che tâm trí lắm mê lầm
 Bao kẻ chết cũng bởi vì ngũ dục:

Vàng ngọc của tiền “**Tài**” luôn thôi thúc
 Biết bao người ham muốn phải chạy theo
 Tưởng đâu rằng có nó sẽ hết nghèo
 Là rắn độc giết hại người chết thảm.

“**Sắc**” mỹ miều cũng lắm người thương cảm
 Tồi tâm hồn vì tham luyến đắm say
 Bao quân vương lụy sắc dục hằng ngày
 Phải mất nước hoặc “thân bại danh liệt”

Vì “**Danh**” lợi hại nhau không thương tiếc
 Mua chuộc người nịnh hót để tiến thân
 Đem tài sản đánh đổi khiến nợ nần
 Theo danh lợi tạo nhiều điều tổn đức

Việc “**Ăn**” uống đã không còn chừng mực
 Những cao lương mỹ vị thưởng thức hoài
 Đã cái miệng nhưng bệnh hoạn mạng toi
 Sát hại vật để oan oan tương báo

“**Ngủ**” nghỉ nhiều khiến không còn tỉnh táo
 Lắm si mê không biết rõ đường về
 Đường giác ngộ đầy chính thực là quê
 Quay đầu ấy là bến bờ tỉnh thức

Với ngũ dục là nhu cầu động lực
 Giúp con người cố gắng tự vươn cao
 Là hạnh phúc đạt được rất tự hào
 Nhưng khát nước uống mặn vào thêm khát

Nhiều ham muốn mong cầu nào có khác
 Rước khổ vào đầy đọa cực thân tâm
 Khi “ít muốn” là trí tuệ uơm mầm
 “Biết đủ” rồi ta thành người giàu có

Ngũ dục lợi khi “cái ta” vẫn nhỏ
 Không đam mê không đắm nhiễm sắc trần
 Hưởng vừa phải hạnh phúc sẽ nhẹ nhàng
 Tham đắm quá khiến ta nhiều khổ lụy.

An Lạc thất, những ngày tịnh dưỡng



Ghi chú:

(*) Ngũ dục nằm trong “tam độc: tham-sân-si” là 5 sự ham muốn, là 5 thứ dục lạc của nhân gian, cũng là 5 con đường đi vào địa ngục, gồm:

1. Tài dục: Ham muốn tiền của, vàng, ngọc, châu báu.
2. Sắc dục: Tham mê sắc đẹp mỹ miều.
3. Danh dục: Tham muốn địa vị cao sang, danh thơm, tiếng tốt.
4. Thực dục: Tham muốn thức ăn ngon nhiều.
5. Thùy dục: Tham muốn ngủ nghỉ nhiều.

+ Ngũ dục còn có 5 thứ sau:

1. Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp, ưa thích tương tốt.
2. Thính dục: Ham muốn tiếng hay, dịu ngọt...
3. Hương dục: Ham muốn mùi thơm ngọt ngào...
4. Vị dục: Ham muốn đồ ăn thức uống ngon ngọt...
5. Xúc dục: Ham muốn sự đụng chạm mềm dịu....

Ngũ dục cũng gọi là ngũ độc tiến (năm mũi tên độc hại) Tham đắm ngũ dục tức cuộc đời bị trôi buột bởi năm thứ độc hại ham muốn. Con đường tự hành “ngũ dục” là quan trọng và nguy hiểm nhất, nếu không tỉnh giác sẽ dễ bị lôi kéo và đắm nhiễm, khiến ta phải mãi trầm luân sinh tử.

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

LỜI NÓI ĐẦU

Kể từ sau ngày đức Thế Tôn nhập diệt vào năm 543 trước Tây Lịch, theo cổ sử Phật Giáo, vua A Dục (Asoka) của Ấn Độ (trị vì: 273-232 trước T.L.) là vị vua Phật tử đầu tiên đã có công truyền bá Phật Giáo đến các nước Tích Lan (Sri Lanka), Miến Điện và nhiều quốc gia Á Châu khác. Bia ký của A Dục cho biết rằng đức vua cũng đã gửi các phái đoàn hoàng pháp đến Macedonia, một vương quốc Châu Âu thời cổ (nay thuộc miền bắc Hy Lạp), Tiểu Á và Ai Cập. Nhưng rất tiếc ngày nay không một sử liệu nào ghi chép về những phái đoàn truyền giáo của vua A Dục còn tìm thấy tại các vùng nói trên.

Theo tài liệu của các học giả Tây Phương, sự tiếp xúc giữa Châu Âu với Ấn Độ khởi đầu kể từ khi Alexander the Great (A Lịch Sơn Đại Đế: 356-323 trước T.L.) của Macedonia (Hy Lạp) mang quân sang xâm lăng phía bắc xứ này vào năm 326 trước Tây Lịch. Ông Megasthenes (250-290 trước T.L.), sứ giả Hy Lạp vào năm 300 trước Tây Lịch, với tư cách là sứ thần đã đến viếng thăm kinh đô Pataliputra (Hoa Thị Thành) dưới triều vua Chandragupta của Ấn Độ (324-300 trước T.L.). Năm trăm năm sau Megasthenes trong cổ sử Hy Lạp, lần đầu tiên người ta thấy có ghi chép nhắc đến Phật Giáo.

Nhưng vào các thế kỷ sau đó, thế giới Tây Phương hầu như không ai biết gì về Phật Giáo. Đến thế kỷ 13, Marco Polo (1271-1295) nhà du lịch Ý Đại Lợi, sau khi đi vòng quanh viếng thăm nhiều nước Á Châu trở về, trong cuốn du ký "Description of the World" (Tường Thuật về Thế Giới), ông có trình bày qua về lịch sử đức Phật cùng những sinh hoạt Phật Giáo ở Trung Hoa, Tây Tạng và Tích Lan v.v... Năm 1497-

98, Vasco da Gama (1460-1524), nhà hàng hải Bồ Đào Nha du hành bằng đường thủy sang Ấn Độ mở đầu một trang sử mới trong việc giao thương giữa Á và Âu Châu.

Từ thế kỷ 16 đến 18 nhiều giáo đoàn Thiên Chúa đã sang truyền đạo ở các nước Đông Phương. Một số giáo sĩ vì muốn thuận lợi, thành công trong việc rao giảng đạo Chúa nên họ đã cố gắng tìm hiểu các phong tục, tập quán và tín ngưỡng của dân chúng địa phương

để thích nghi. Do đó, họ thấy cần liên lạc, tiếp xúc học hỏi với các nhà Sư Nam Tông ở Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào quốc lẫn Bắc Tông tại Trung Hoa, Tây Tạng và Nhật Bản v.v...

Chẳng hạn năm 1542, Francis-Xaverius (1506-1552), một giáo sĩ Dòng Tên (Jesuit) Tây Ban Nha đã qua Ấn Độ và năm sau ông đến Goa (miền Tây Ấn). Tại đây, Xaverius gặp Yagiro, một thương gia Nhật Bản và ông này đã giải thích cho Xaverius biết về lịch sử đức Phật, lễ nghi và đời sống của chư Tăng theo Phật Giáo. Ngày 24-09-1714, giáo sĩ Dòng Tên Ippolito Desideri (1684-1733) rời Delhi (Ấn Độ) đi Lhasa (Tây Tạng) và ông tới đây ngày 18-

03-1716. Linh mục Desideri đã vào ở trong chùa năm năm để học tiếng Tây Tạng và nghiên cứu Phật Giáo.

Tuy nhiên từ những thế kỷ đầu công nguyên đến thế kỷ 18, đa số những người Châu Âu trong đó có các giáo sĩ Thiên Chúa, thích tìm hiểu Phật Giáo chỉ vì lý do tò mò, hiếu kỳ hoặc mong thành công trong việc giao thương buôn bán cũng như nhằm vào các mục tiêu vì quyền lợi chính trị hay tôn giáo chứ không phải họ thực tâm muốn học hỏi, hành trì đúng theo những lời dạy của đức Phật.



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

Có thể nói từ thế kỷ 19 trở về sau các nhà trí thức Tây phương mới bắt đầu chú tâm nghiên cứu Phật Giáo qua kinh tạng Nam Tông tiếng Pali hoặc Bắc Tông tiếng Phạn (Sanskrit). Các học giả này bao gồm cả Phật tử và không Phật tử của nhiều quốc gia Âu-Mỹ từ Anh, Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch, Thụy Điển đến Hung Gia Lợi, Nga Sô và Hoa Kỳ, v.v...

Chẳng hạn hai nhà ngôn ngữ học Pháp Eugene Burnouf (1801-1852) và Đức Christian Lassen (1800-1876) lần đầu tiên đã chung soạn cuốn tiếng Pháp "*Essai sur le Pali*" (Văn Phạm tiếng Pali) xuất bản vào năm 1826.

Học giả Đức Karl Eugen Neumann (1865-1915) tốt nghiệp Tiến Sĩ (Ph.D.) về cổ ngữ Pali và Phạn (Sanskrit) tại đại học Leipzig năm 1890. Năm 1894, ông sang nghiên cứu Phật Giáo nhiều năm tại Ấn Độ và Tích Lan. Sau đó, ông đã dịch một số kinh Phật từ Pali ra tiếng Đức như Kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikaya*) xuất bản vào những năm 1896, 1902; và Trưởng Lão Tăng Kệ (*Theragāthā*), Trưởng Lão Ni Kệ (*Therīgāthā*), ấn hành năm 1898.

Nhà ngữ học Đan Mạch Michael Viggo Fausboll (1824-1908), tốt nghiệp đại học Copenhagen và thông suốt Pali lẫn Phạn Ngữ. Mặc dù không phải là Phật tử nhưng ông rất ngưỡng mộ đức Phật. Fausboll đã phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh kinh Pháp Cú (*Dhammapada*), xuất bản năm 1855. Ông cũng dịch từ Pali ra Anh văn những bài kinh trong Kinh Tập (*Sutta Nipāta*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddhaka Nikāya*) năm 1881 và hoàn tất toàn tập năm 1884.

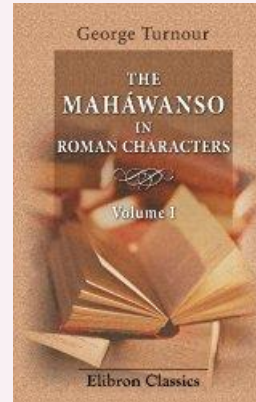
Louis de la Vallée Poussin (1869-1939), nhà Phật Học Bỉ (Belgium), tốt nghiệp môn ngôn ngữ học tại đại học Louvain (Bỉ) và Sorbonne (Pháp). Năm 1895, ông được mời làm giáo sư dạy tại đại học Ghent (Bỉ) hơn 30 năm và trong thời gian này ông chuyên nghiên cứu Phật Giáo, đặc biệt về phái Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvastivādin*) của Nam Tông. Công trình vĩ đại của giáo sư Poussin là ông đã dịch từ Phạn (Sanskrit) ra tiếng Pháp Bộ Luận Câu Xá (*Abhidharmakosa*) của ngài Thế Thân (Vasubandhu) vào những năm 1923-1931.

Nói tóm, sự đóng góp của các nhà Phật Học Âu Mỹ cho nền Phật Giáo Tây Phương từ thế kỷ 19 đến nay qua những công trình trước tác, dịch thuật của họ thật vô cùng to lớn. Rất khó cho chúng tôi có thể trình bày, liệt kê hết tất cả những học giả của các quốc gia Âu-Mỹ nói trên trong một cuốn sách. Do vậy, tác phẩm sau đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu với quý bạn đọc hai mươi (20) nhà Phật Học danh tiếng gồm cư sĩ lẫn chư Tăng của Anh quốc mà thôi. Tương lai có dịp chúng tôi sẽ viết về sự đóng góp cho nền Phật Giáo Âu Mỹ của các học giả ở những nước khác như Đức, Pháp, Hòa Lan, Đan Mạch, Nga Sô và Hoa Kỳ, v.v...

Mặc dù đã cố gắng hết sức tìm tòi và tra cứu ở nhiều tài liệu kinh điển, sách báo Phật

Giáo, chúng tôi chắc chắn vẫn không tránh khỏi có những điều sai lầm, sơ sót. Chúng tôi kính mong quý chư tôn thiên đức, và các bậc cao minh thức giả sẽ vui lòng bổ chính cho những lỗi lầm thiếu sót nếu có, để sau này cuốn sách sẽ được hoàn chỉnh, đầy đủ hơn trong kỳ tái bản.

Phật Học Viện Quốc Tế
Ngày 15 tháng 08 năm 1996
Mùa An Cư năm Bính Tý
H.T. THÍCH TRÍ CHƠN



**GEORGE TURNOUR
(1799 -1843)**

George Turnour sanh năm 1799, gốc người Anh Quốc, là nhân viên ngành Dân Sự (Civil Service) làm việc tại thành phố Ratnapura ở Tích Lan. Trong thời gian này, G. Turnour đã học hỏi, nghiên cứu nhiều năm tiếng Sinhalese và cổ ngữ Pali với các nhà sư Tích Lan uyên bác Phật Giáo đương thời. Về sau, ông trở thành một trong những học giả Tây Phương đầu tiên có kiến thức sâu rộng về thánh ngữ Pali.

Suốt mười năm kiên nhẫn, chăm chỉ làm việc, năm 1837 G. Turnour đầu tiên cho ấn hành tại Colombo bản phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali) cuốn *Mahāvamsa* (Đại Sử của Tích Lan). Công trình này của ông được xem như một biến cố trọng đại trong việc khám phá, nghiên cứu nền văn học Phật Giáo thánh ngữ Pali của Tích Lan bởi các học giả Tây Phương.

Cũng trong năm 1837, G. Turnour cho phát hành bản dịch từ Pali ra Anh Văn 38 chương đầu trong số 100 chương cuốn *Mahāvamsa* (Đại sử Tích Lan). Dịch phẩm này của G. Turnour đã gây sự chú ý không ít đối với các học giả và nhân viên chính quyền Anh quốc bấy giờ trong việc giúp họ nghiên cứu các di tích những thành phố cổ xưa ở Tích Lan. Năm 1868, thống đốc Tích Lan, ông Hercules Robinson chỉ thị thành lập Viện Khảo Cổ Tích Lan (Ceylon's Archaeological Department) và Ủy Ban nhằm đi sưu tập, ghi chép các bia ký trong nước. Do nỗ lực khảo cứu của Viện Khảo Cổ Tích Lan, nhiều

di tích các chùa tháp kiến tạo bởi các vua Tích Lan thời xưa đã được tìm thấy.

Sau khi thành công trong việc dịch ra Anh ngữ nửa phần cuốn *Mahavamsa* (Đại Sử Tích Lan), học giả G. Turnour dự tính dịch tiếp phần còn lại của tác phẩm này; nhưng rất tiếc vì đau bệnh nặng, ông đã không thực hiện được. Các chương còn lại của cuốn *Mahavamsa* sau này đã được dịch và hoàn tất bởi học giả L. C. Wijesinha vào năm 1889.

G. Turnour mất năm 1843 tại Naples, miền nam nước Ý (Italy), hưởng thọ 44 tuổi.

G. Turnour được xem như một trong những học giả tiên phong đã góp phần to lớn vào công việc nghiên cứu và phổ biến thánh ngữ Pali của nền Phật Giáo Tích Lan cho giới độc giả Phật tử ở các nước Tây Phương.

Học giả T.W. Rhys Davids (1843-1922) trong tác phẩm của ông *"The History and Literature of Buddhism"* (Lịch Sử và Nền Văn Học Phật Giáo) tái bản in lần thứ năm tại Calcutta (Ấn Độ) năm 1962 (trang 31-32), đã tán thán công đức hoằng pháp này của G. Turnour như sau:

"G. Turnour, con người rất bận rộn, đứng đầu Cơ Quan Dân Sự tại Tích Lan, với sự giúp đỡ của các học giả Tích Lan, thông minh và nhiều kiến thức; ông đã viết, đăng tải trên tạp chí 'Bengal Asiatic Society' (Hội Á Châu tại Bengal) một loạt những bài khảo cứu về kinh tạng Phật Giáo tiếng Pali. Năm 1837, G. Turnour cho ấn hành toàn bộ phiên âm thánh ngữ Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali) cuốn *Mahavamsa* (Đại Sử Tích Lan) cùng với bản dịch tiếng Anh.

"Giá trị sự đóng góp này của G. Turnour đã được giới học giả Phật tử khắp nơi hoan nghênh. Nhưng ngay sau khi G. Turnour vừa qua đời, không tìm thấy được ai có thể đảm trách công việc dịch thuật của ông. Thời ấy chưa có sách văn phạm và tự điển Pali. Các học giả châu Âu bấy giờ không thể đến Tích Lan; và tại quê nhà họ có thể tiếp nhận sự lợi ích qua công trình đóng góp, phổ biến về kiến thức văn học Phật Giáo tiếng Pali của G. Turnour. Dịch phẩm thánh ngữ Pali của ông ra đời như một biển cổ trọng đại tại xứ Tích Lan chưa phát triển, và nó được sử dụng như một động cơ tiếp tục thúc đẩy cho các học giả Tây Phương chủ tâm nghiên cứu thêm về cổ ngữ Pali này."

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



NHAN SẮC NHỮNG MÙA TRĂNG

*Đầu mây lông có hạt nắng hồng
Chứa đủ cả ba ngàn thế giới
Cứ qua sông, cứ chi nán đợi
Tiếng chèo khua động cả núi sông.*

*Con trăng vàng ngàn năm da diết
Và lòng tôi vời vợi thiên hà
Xin chớ hỏi tro tàn sinh diệt
Giữa nguồn cơn an lạc thiên na.*

*Từng đàn sao bay ngang trời như huyền
Ta ngồi đây với chén rượu muôn đời
Hương tóc cũ, chiều nay thơm hương biển
Đường chim bay lướt thướt tận chân trời.*

*Ngồi đây em, xin chớ nói năng
Đêm sẽ tận và ngày lên hào sáng
Hoa sẽ nở giữa lòng người vô hạn
Mặt đất này, nhan sắc những mùa trăng.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

THƯ MỜI

Tham dự Lễ Cầu An HT Thích Không Tánh và Chùa Liên Trì

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Bạch Chư Tôn đức,

Kính thưa quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo bạn, Quý vị Đại diện các Đoàn thể và Hội đoàn, quý vị đại diện các cơ quan truyền thông,
Kính thưa quý Đồng Hương Phật tử,

Vào sáng ngày 08 tháng 09 năm 2016 vừa qua hàng ngàn người và hơn 500 Bộ đội đã tấn công thẳng vào chùa Liên Trì để bắt đi gần 10 tu sĩ và người làm việc công quả trong chùa. Riêng HT. Thích Không Tánh bị lên cơn đau tim ngất xỉu và công an đã đưa đi bệnh viện cấp cứu. Cuộc cưỡng ép san bằng Chùa Liên Trì của nhà cầm quyền đã thành công lớn, hiện nay Chùa Liên Trì chỉ còn là đồng gạch vụn hoang tàn đổ nát.

Trước thảm cảnh đàn áp tôn giáo của chính quyền Cộng Sản, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cùng sự phối hợp của các Hội đoàn và Đoàn thể cộng đồng sẽ tổ chức một buổi lễ cầu an cho Chùa Liên Trì và Tăng Tín đồ của chùa

vào lúc 7 giờ tối thứ Bảy ngày 24 tháng 9 năm 2016 tại Chùa mới Bát Nhã trước đây là nhà hàng Regent West số 4717 West First Street, Santa Ana, CA 92703

Thay mặt Ban Tổ Chức trân trọng kính mời Chư tôn đức Tăng Ni, quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, Đại diện các Đoàn thể, Hội đoàn, các cơ quan truyền thông và Đồng hương Phật tử, vui lòng tham dự Lễ Cầu An.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ngày 20 tháng 09 năm 2016

TM. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ

HT Thích Nguyên Trí



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU
BAN TỔ CHỨC**

Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp Liên Châu 2016, Phật Lịch 2560
TU VIỆN PHỔ ĐÀ SƠN
11 Chemin Katimavik, Val Des Monts, Quebec. J8N 5E1 CANADA
Tel: (819) 665-0259, (514) 575-9425, (905) 712-8809

THÔNG BACH
Về Việc Tổ Chức Đại Hội Giáo Dục Và Hoằng Pháp Năm 2016

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Trong Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 9 được tổ chức từ ngày 13 tới 16 tháng 8 năm 2015 tại Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc, được sự khuyến thỉnh của chư Tôn Đức Lãnh Đạo các GHPGVNTNHN Tại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan, GHPGVNTNKH, GHPGVNTN Âu Châu, và GHPGVNTNHN Tại Canada, chúng con/chúng tôi gồm các Đại Diện của các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp của 4 GHPGVNTN thuộc Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu đã thảo luận và quyết định tổ chức Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp nhân dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phổ Đà Sơn, Ottawa, Canada vào Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Đại Hội Giáo Dục Và Hoằng Pháp nhằm mục đích gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm hành đạo, thuyết trình và thảo luận về những vấn đề liên quan đến Giáo Dục Hoằng Pháp, và đề ra các Phật sự cụ thể và khả thi để góp phần vào công tác hoằng dương Chánh Pháp của Đức Phật nơi xứ người. Đại Hội sẽ bắt đầu từ sáng đến chiều Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016, tức là một ngày trước Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn 10. Đại Hội sẽ có 2 khoảng đại chính: khoảng đại buổi sáng thuyết trình và thảo luận về Giáo Dục, khoảng đại buổi chiều thuyết trình và thảo luận về Hoằng Pháp.

Ngoài các bài thuyết trình được các diễn giả trình bày ngay trong Đại Hội, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi kính xin chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức Phật tử tại hải ngoại có quan tâm, thao thức đến vấn đề Giáo Dục và Hoằng Pháp thì xin hoan hỷ viết tham luận và gửi về cho Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi ở địa chỉ: Niệm Phật Đường Fremont, 4273 Solar Way, Fremont, CA 94538, hoặc địa chỉ email: thaisieu@yahoo.com. Tất cả những bài thuyết trình, tham luận và tin tức hình ảnh của Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sẽ được in trong Kỳ Yếu Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sau Đại Hội này. Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi rất mong đón nhận và chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm quý báu của quý vị về giáo dục và hoằng pháp.

Nửa thế kỷ có mặt tại hải ngoại, Tăng, Ni và Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam đã nỗ lực thực thi sứ mệnh Giáo Dục Hoằng Pháp một cách uyển chuyển và thành công. Nhưng con đường hoằng dương Chánh Pháp tại hải ngoại còn dài vì vậy, cơ hội gặp gỡ, trao đổi, thảo luận và đề ra những công tác cụ thể về Giáo Dục Hoằng Pháp là quý báu và cần thiết.

Chính vì vậy, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi thành kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và kính mời quý Cư Sĩ hoan hỷ về tham dự Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp trong dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phổ Đà Sơn, Ottawa, Canada.

Kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự viên thành; đồng kính chúc quý Thiện Nam Tín Nữ Phật tử bỏ bỏ tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc.

Nay kính thông bạch và cung thỉnh,

Phật Lịch 2560, Hoa Kỳ, ngày 7 tháng 5 năm 2016

Chánh Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu
Kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn lần 10
HT. Thích Bồn Đạt

Đại diện các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp
GHPGVNTN Các Châu và Quốc Gia
HT. Thích Thái Siêu

SANH KỲ TÂM

TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG CỦA LỤC TỔ

NS. Thích Nữ Trí Hải

Lục Tổ Huệ Năng khi nghe kinh Kim Cương đến câu “Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” thì hoát nhiên đại ngộ, mừng rỡ thốt lên: “Không ngờ bản tánh vốn tự thanh tịnh, vốn bất sinh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không lay động, vốn sanh muôn pháp.”

Với tám chữ cô đọng, đơn giản của kinh văn, Ngài đã hội ý Phật một cách thông minh, đầy sáng tạo để xây dựng một pháp thiền độc đáo sinh động chưa từng có trước cũng như sau ngài. Có thể nói lỗi hiểu kinh Kim Cương của Lục Tổ đã “giải oan” cho Phật và lý Bát Nhã rất nhiều. Thông thường nói tới Bát Nhã (mà kinh Kim Cương đại biểu) là người ta nghĩ ngay tới sự khó hiểu, cao siêu, thiên không, vô vi, hay nói trắng ra là lười biếng, không chịu làm gì cả vì chủ trương “sắc sắc không không.”

Khía cạnh tích cực của Bát Nhã “không tức thị sắc,” “sanh kỳ tâm” thì không mấy ai chú ý, do đó đạo Phật thường bị cho là yếm thế bi quan. Nhưng chính khởi từ căn bản chân không mà vạn pháp có thể xây dựng, như trên mảnh đất trống mới có thể cất nhà, trên tờ giấy trắng mới có thể ghi chép. Ngài Huệ Năng đặc biệt chú trọng điểm ấy. Chủ trương của Ngài là tâm tánh vốn tự thanh tịnh, sẵn đủ muôn pháp lành, chỉ cần vận dụng tâm ấy là thành Phật chứ không cần ngồi thiền, quán tịnh hay bất động (một pháp môn thịnh hành đương thời Lục Tổ và vẫn còn cho đến ngày nay).

Để thống trách những người chấp vào việc ngồi, như thiền sư Trí Hoàng ngồi tới 20 năm, Ngài còn thú vị dẫn lời kinh dạy: “Nếu ai nói Như Lai hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc đi hoặc đứng, kẻ ấy không hiểu Phật.” Câu kệ do Ngài dạy như sau:

*Đang sống ngồi không nằm
Chết lại nằm không ngồi
Chỉ là cái xác thôi
Có gì công với tội?*

Cho ta thấy rằng Ngài cực lực phản đối việc ngồi Thiền, quán không quán tịnh. “Không” mà phải quán thì thành có, đâu còn là Không! Và chẳng, đạo chính nghĩa là con đường, mà con đường là để đi chứ không phải để ngồi. Hành đạo không liên quan gì đến chuyện đi, đứng, nằm, ngồi. Chấp chặt một pháp nào trong đó đều sai.

Ngồi thiền tự nó không có gì sai quấy,

khi ta chỉ xem như phương tiện để tiếp sức cho ta kéo dài thời thiền định trong cuộc sống rộn ràng. Nó chỉ bắt đầu sai khi ta xem nó như một cứu cánh và chấp vào việc ngồi đến nỗi ngồi tới 20 năm thì thật quá đáng, cho nên bị Tổ quở. Có thể xem ngồi thiền như sự ăn uống. Ăn uống chỉ có ích do tác dụng của sự tiêu hóa thức ăn để bồi dưỡng cơ thể. Ngồi thiền chỉ có ích ở tác dụng phát sinh trí tuệ soi sáng cuộc đời phiền não tối tăm. Nhưng định và tuệ vốn không hai, ví như đèn và sáng: định là thể như đèn, tuệ là dụng như sáng. Nếu chấp định khác tuệ, hoặc định trước tuệ sau, thì sẽ phát sinh cái bệnh chấp tướng, trong bản ngoài sạch, nghĩ một đằng làm một nẻo, hoặc suốt ngày ngồi tham thiền nhập định mà mở miệng ra là nói thi-phi thiên-ác, tốt-xấu hay-dở của người (theo Đàn kinh). Bởi thế, theo Tổ Huệ Năng, định đâu tuệ đó hay tuệ đâu định đó, không thể phân rời. Hiểu theo đây thì bất luận đi đứng nằm ngồi hề rốt định là rốt luôn cả tuệ, cho nên luôn luôn phải được định tuệ soi chiếu mới không lạc vào ma đạo. Niệm thứ nhất bị mê muội là chúng sanh, niệm thứ hai có trí tuệ là Phật, niệm thứ ba lại mê thì trở lại làm chúng sanh. Vì vậy tu hành là phải luôn luôn thấp sáng ngọn đèn tuệ giác trong tâm:

*Phiền não ám trạch trung
Thường tu sanh tuệ nhật.*

(Lục Tổ, Đàn kinh)

(Trong nhà phiền não tối tăm,
Thường nên phát sinh mặt trời trí tuệ.)

Nói khác đi, phải “sanh kỳ tâm” luôn luôn, nghĩa là luôn luôn tỉnh giác, sáng chiếu. Mà tỉnh giác soi chiếu thì sẽ “chiếu kiến ngũ uẩn giai không,” thấy rõ năm uẩn (gồm thân tâm và cảnh ngoài) đều không phải ta hay của ta, như Tâm kinh Bát Nhã nói. Sở dĩ kinh dạy “ứng vô sở trú” (đừng bám víu cái gì cả) là vì thật sự tuyệt đối không có gì để ta có thể bám víu: “bản lai vô nhất vật.” Bám víu bất cứ gì cũng chỉ như bám víu bào ảnh, mộng tưởng, sương chớp... đặc tính của các pháp hữu vi [1], do đó dễ chuốc lấy khổ đau, tuyệt vọng. “Xưa nay không một vật, thì bụi bám vào đâu?” Tịnh vốn không có tướng, nếu quán tịnh thì bèn thành nhiễm. Do đó ngài Huệ Năng bác luôn cả chuyện quán tịnh hay khạn tịnh, một pháp môn dường như Tổ Hoằng Nhẫn vẫn dùng để dạy đại

chúng, được ngài Thần Tú trình bày trong bài kệ của ngài, theo đó thì cần giữ tâm cho thanh tịnh, đừng để nó bị mây mờ che lấp. Theo Lục Tổ, tâm đã vốn sẵn thanh tịnh, không cần phải thêm bớt gì cho nó: ở trong động nó không giảm, trong tịnh nó không tăng, nơi thánh nó không sáng hơn, nơi phàm nó không lu bớt.

“Sanh kỳ tâm” là luôn luôn sống với cái tâm ấy trong từng hành động uy nghi. Chính vì ngài Huệ Năng sống bằng cái tâm ấy nên Ngài không thấy có gương có bụi, không thấy có phiền não phải trừ, cũng không thấy có Niết bàn phải chứng.

Chính từ căn bản “chân không” của tâm nói trên mà vô số diệu dụng của Phật pháp có thể hiện khởi, nên ngài Huệ Năng mới kinh ngạc thốt lên như khám phá được một kho tàng kỳ diệu: “Nào dè tự tính vốn tự thanh tịnh, vốn không lay động, vốn bất sinh diệt, vốn sanh muôn pháp!” Kho tàng ấy theo kinh mô tả, chính là lục độ [2] của đại thừa giáo, mà tiêu biểu là bố thí [3] và nhẫn nhục [4] được kinh nhắc đến nhiều hơn cả.

Bố thí đến chỗ ba la mật [5] thì không còn thấy mình cho, người nhận và của bố thí (tam luân không tịch), ngay cả cái sự bố thí cũng không. Đó là kinh dạy. Lục Tổ Huệ Năng qua câu kinh “ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” đã trực nhận một cách sáng tạo rằng, chính từ chân không mà có thể sanh tất cả pháp. Vậy, hiểu theo Đàn kinh, có thể nói chính vì thấy tất cả đều không, mới có thể bố thí đến chỗ triệt để. Nhẫn nhục cũng vậy, vì không thấy có cái tôi, không thấy có cái nhục và người làm nhục nên mới có thể nhẫn tới mức độ gọi là vô sanh nhẫn, nghĩa là không sanh tâm. Quả vậy, nếu còn thấy nhục thì không thể nhẫn, không nhẫn được toàn vẹn (nếu nhẫn được thì đâu còn coi là “nhục”, đành từ bao hàm một sự uất hận). Nhưng nếu đã không có cái nhục, thì nhẫn cũng không còn được gọi là nhẫn. Nhẫn nhục ba la mật, hạnh cao cả nhất, khó làm nhất trong lục độ, cuối cùng dưới ánh sáng của trí tuệ Bát Nhã cũng trở thành không tịch. Nhưng chính trong cái không tịch ấy, triết lý hành động của kinh Kim Cương mới đạt đến mức triệt để, vi diệu khôn lường.

Từ một Bát Nhã phát sinh ra muôn vạn pháp đều không ngoài tâm, cho nên với Lục Tổ, quan trọng là chỗ “vận dụng” như lời Ngài đã dạy ở đầu Đàn kinh: “*Tự tánh Bồ đề xưa nay thanh tịnh, chỉ cần vận dụng tâm ấy tức thì thành Phật.*” Bát Nhã là để mà sống, hành động, thể hiện, chứ không phải để nói suông. Nói mà không làm thì Bát Nhã trở thành huyền ảo như sương chớp ảo ảnh, hay người đói mà chỉ ngồi bàn về các thức ăn, thì không thể no được. Miệng nói Bát Nhã mà vẫn sống và xử sự một cách ngu si, mê muội (trong tâm thường mê) thì không phải Bát Nhã. Chủ trương của Lục Tổ là “sống Bát Nhã”: sống Bát Nhã (trí tuệ) thì không thể khởi tâm tà vạy ô nhiễm, và đó là Giới. Sống Bát Nhã thì tâm không thể tán loạn, đó là Định. Sống Bát Nhã thì tâm không ngu si, và đó là Tuệ. Như vậy một Bát Nhã theo ngài, bao gồm cả tam học giới, định, tuệ nên không cần phải lập giới, định, tuệ làm gì.

Nhưng bản tính con người vốn ưa bám víu, sở hữu, dù trong địa hạt tâm linh không có gì để có thể chiếm làm sở hữu. Phật pháp là pháp “không hai,” thế nhưng người ta vẫn ưa tôn thờ một Tam Tạng pháp sư hơn là một người quê mùa không biết chữ, không có bất cứ một danh phận, nhân hiệu nào. Song kỳ thực chính con người ấy đã làm sống lại đạo Phật, làm sống lại pháp Thiền bằng chính sự sống và hành động của mình.

Tam học giới định tuệ cũng thế, do khuynh hướng thủ đắc của con người đã trở thành những sở đắc [6] thay vì được thể hiện trong hành động: học giới luật thì muốn thành luật sư, tham thiền nhập định thì đi đến chỗ tà thiền tà định mong khoa trương khoáng lác và biểu diễn thần thông, nghiên cứu Bát Nhã thì dễ trở thành triết gia chuyên lý luận. Sự “chuyên môn hóa” đã bóp chết cái sinh động của Phật pháp. Sự xuất hiện của Lục Tổ Huệ Năng, một con người “mọi rợ” thất học đến nổi tiếng nói chưa sửa [7], nhưng đã làm sống lại đạo thiền, giải oan cho Phật – sự xuất hiện ấy phải chăng tự bản thân đã là một công án kỳ diệu đánh vào khối vô minh của chúng ta, tựa như tiếng quát của Tổ trong Đàn kinh: “*Chư Phật diêu lý hà quan văn tự?*” (Diệu lý của chư Phật liên quan gì đến văn tự?). Nó nhắc nhở ta đến việc “sanh kỳ tâm,” nghĩa là phải thể hiện Bát Nhã trong mỗi hành động, mỗi hơi thở của đời mình.



(Tào Khê - Nam Hoa Tự)

- [1] Pháp hữu vi: conditioned things
- [2] lục độ: six perfections
- [3] bố thí: generosity
- [4] nhẫn nhục: perseverance
- [5] Ba la mật: perfection
- [6] sở đắc: possession
- [7] Tiếng nói chưa sửa: chưa lưu loát (tiếng địa phương)

TRƯỜNG CA LARUNG GAR

SAKYA NHƯ BẢO



Larung Gar! Larung Gar!
 Sừng sừng nguy nga
 Điện đài tráng lệ
 Ai đã từng đến với Larung Gar,
 Để ngắm mặt trời lên sáng ngời trên những ngọn
 đồi xanh ngát?
 Và trầm tư soi mình xuống thung lũng lúc về
 đêm?
Larung Gar! Larung Gar!
 Bỏ lại sau lưng những náo nhiệt phồn hoa
 Những lo toan tất bật
 Những danh lợi mịt mù
 Vượt những rặng núi tuyết cheo leo
 Những cung đường hiểm trở
 Những thảo nguyên hoang sơ nắng gió
 Qua những cánh đồng hoa cải mênh mông rực rỡ
 sắc vàng óng ả
 Ta về với *Larung Gar*
 Nơi giữa lưng chừng thời gian và trời đất
 Nơi mà bạc tiền và tri thức thế gian chẳng đáng
 giá một xu!
Larung Gar! Larung Gar!
 Học viện với ngàn ngôi nhà đỏ thắm kề nhau
 Được viền quanh bởi những ngọn đồi xanh mượt
 Đêm đêm trên thung lũng tuyết rơi gió hát
 Muôn vạn nến đèn rực rỡ ánh huyền linh
 Trong tĩnh mịch khói sương hoa cỏ hữu tình
 Tiếng Chuông ngân, tiếng Tù Và rền vang hòa
 trong lời Kinh trầm lắng:
 “Aum Mani Pad me Hum....”

Choáng ngợp, ngất ngây đêm Đông phương
 huyền bí
 Ôi! Larung Gar kỳ vĩ!
 Khiến bao kẻ đắm say, sững sờ, mê hoặc
 Tuyệt tác thiên nhiên, quà tặng của đất trời
 Ôi Larung Gar!
 Không phải trí *Du-già*
 Nào đủ sức ngợi ca!
Larung Gar! Larung Gar!

Đâu rồi dáng Tượng vương
 Lẫm liệt uy nghi trên đỉnh đồi cao ngất
 Đâu rồi tiếng *Ca-lăng-tần-già*
 Lảnh lót buổi ban mai?
 Đồi hoa đại trắng xóa li ti sáng nay
 Còn chưa tan những hạt sương đêm óng ánh
 Mà từng cọng cỏ non đã thẳng thốt trở mình,
 Nức nở mộng tàn canh!
Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!
 Thôi hết rồi một thuở hoàng kim
 Điện vũ vàng son, đèn đài lâu cát
 Nào nên, nào hoa, nào cờ, nào phướn
 Nào trầm hương thơm ngát những ngày vàng!
 Larung Gar hôm qua còn Phật viện thanh thang
 Muôn tịch cốc trùng trùng san sát
 Thung lũng đỏ giữa ngàn mây xanh ngát
 Bốn vạn Tăng sĩ mười phương
 Rợp đỏ rừng y diệu thường rực rỡ
 Sáng nay biết phải về đâu?
Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!



Từ nay, mỗi sớm mặt trời lên
 Sẽ không còn tiếng chuông ngân thanh thoát
 Tiếng Ốc Loa, chim hót
 Bánh xe Mani ngổ ngàng chệch choạng
 Những vòng quay bất chợt đứt lìa
 “Aum Mani Pad Me Hum”
 Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!
 Ngày hai mươi tháng bảy vừa qua
 Cuồng phong từ đâu ập tới
 Lửa cháy ngút trời
 Kèo cột rụng rơi
 Hàng ngàn tượng, tranh ứa lệ
 Muôn vạn Kinh sách oằn mình rũ rượi
 Lốp lốp Tăng chúng chơi vơi!
 Mạn-đà-la lấp lánh vỡ tan rồi!
 Ôi! Larung Gar! Larung Gar!
 Tuyết sơn sáng nay máu nhuộm đỏ đồi
 Những ngôi nhà gỗ bậc thang với hàng cờ ngũ sắc
 Những rừng y rục màu đỏ thâm
 Chìm trong biển lửa bạo tàn!
 Larung Gar! Larung Gar!
 Sáng nay chủ tiêu thơ ngây tung tăng đi tìm hoa dại
 Đâu hay đám sài lang kéo đến
 Nghiến nát nụ cười em
 Tuổi thơ trong veo em cất kỹ tận cuối chân trời
 Cách rất xa ngoài kia thế giới
 Những tương an bình, vuốt nanh không với tới
 Thế mà cũng chẳng thoát nổi móng sắc dài
 Của loài cọp sói hùm beo!
 Ôi Larung Gar! Larung Gar!
 Ráng đỏ chiều nay vàng vọt mất rồi
 Thung lũng tươi xanh ử ê mùi cỏ nát
 Rừng hoa dại hôm qua còn thơm ngát
 Chiều nay rúm ró nổi kinh hoàng!
 Trên đỉnh đồi từng cụm tuyết điểm nhiên đông đặc
 Chẳng nương tay ném thẳng xuống đất Phật bình an!
 Ôi Padmakara! Ôi Milarepa!
 Người có hay chăng?
 Larung Gar giờ này



Rã rời một bãi tha ma
 Rập rờn bóng rần rì, hòng sủng
 Những đàn chim Kên chờ chực
 Mùi tử khí bao trùm khắp rặng núi Tuyết đón đau!
 Những cánh hoa rừng quắc quéo tùm vào nhau
 Thung lũng chiều nay mặt trời ứa ra màu máu
 Núi không còn xanh, núi ngằn ngắt tím.
 Ba ngàn thế giới im lìm
 Nhìn Larung Gar trút hơi tàn vĩnh biệt!
 Larung Gar! Larung Gar!
 Tiếng kêu cứu chìm trong tuyệt vọng
 Bởi người ta đang bận dự Hội nghị Nhân quyền
 Người ta đang bận vỗ tay tán thưởng những Tham
 luận thiên miên
 Về một thế giới tự do, không bạo cường, không
 xâm lấn.
 Những giọng người vẫn hùng hồn trong những Hội
 trường kín mít
 Biết nói sao, Larung Gar đang hấp hối, cong oằn?
 Nghe làm sao tiếng gió rít trở trần?
 Tiếng giầy đinh đóng xuống đường nhức nhối
 Phật điện trang nghiêm lỗ nhỏ bọn sài lang phách
 lối
 Tầm tấp những cánh tay trụi trần hắc ám
 Và dùi cui giáng thẳng xuống đời nhau!
 Larung Gar! Larung Gar!
 Tiếng kêu cứu chìm trong tuyệt vọng
 Chỉ có núi rừng hoang vu gào thét xé lòng
 Đêm nay Larung Gar
 Không tiếng Kinh cầu
 Không tiếng Linh, Tiêu, Loa, Ốc
 Chỉ có tiếng ma quỷ rú lên ghê rợn
 Tiếng đập cánh hã hê của bầy Kên Kên, và Quạ, và
 Diều
 Loẹt xoẹt ngáu nghiêng trên những thân người sống
 sụt...
 Nhì nhùng.... day dứt...
 Những làn roi quất thẳng vào tim!
 Đau lịm thất trời xanh ôi, tình Linh sơn cốt nhục!
 Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!

Giác mộng *Nalada* một thời trôi tan vỡ!
 Larung Gar huy hoàng, Larung Gar điêu tàn
 Rừng núi xác xơ!
 Thung lũng đỏ chìm trong màn lửa đỏ
 Chiều nay, loang lổ trên vùng cỏ xanh tuyết trắng
 Rực lên, đỏ ối những phận người!
Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!
 Nỗi đau căm lặng
 Hong lên buổi chiều tàn thu
 Khói sập soài không dứt
 Trợn trạo rừng xanh nuốt không trôi niềm tủi nhục
 Quốc phá gia vong!
Vĩnh biệt Larung Gar! Vĩnh biệt Larung Gar!
 Gió vẫn rít từng cơn đau nhói
 Nền khuya nước nở nghẹn ngào
 Trảng hạt đứt lia lẫn lóc
 Hiền giả tôi, biết phải về đâu?
 Từ tạ nhé Larung Gar!
 Đêm trắng này ta tặng nhau khúc trường ca vĩnh biệt
 Như bao người, như bao loài có máu, có tim
 Qua khỏi đêm nay, tôi sẽ không nhớ về một
 Larung Gar kỳ ảo
 Ở tận vùng đất Tạng xa xôi
 Bởi trong tim tôi Larung Gar đã có sẵn đây rồi!
 Tượng Phật không còn, Điện đài thành tro bụi
 Nhưng có một điều nhân loại phải tin
 Rằng Phật Tâm vẫn bất diệt dầu vô hình
 Những ngôi Chùa tâm linh vẫn sáng ngời vững vàng hùng vĩ
 Trong muôn vạn tâm hồn Tăng sĩ nơi đây.
 Lửa dầu thiêu tàn hàng ngàn Kinh sách
 Đốt làm sao Trí tuệ bậc xuất trần?
 Đèn nến gãy rời, trảng hạt dầu đứt tung
 Ngăn sao nổi đạo tâm hàng Thượng sĩ?
 Chùa vẫn trong ta
 Phật đang trong ta
 Trời Tự Tánh bao la
 Tâm Kim Cương bất hoại
 Trí Bát Nhã nào xa!
Ngọc thiêu sắc vẫn trong ngần
Sen trong biển lửa thơm lòng trở hoa.^[1]

ĐTL, 23:30, 20/7/2016
Sakya Như Bảo

[1] Dịch ý từ hai câu cuối trong bài kệ Thị Tịch của Thiền sư Ngộ Ấn (thời Lý):
 “Ngọc phân sơn thượng sắc thường nhuận,
 Liên phát lô trung thấp vị cần.”



ĐỘNG, TĨNH

*Ồn ào nhất, lúc lặng thinh
 Niệm tương tục khởi, mê lầm bủa vây
 Xôn xao giữa chợ,
 Thông tay
 Tâm chánh định chẳng mảy may ưu phiền.*

CHÂN TU

*Giới tùy ta chọn, nhưng phải giữ
 Giữ giới trang nghiêm, người nhìn ngay ra
 Phong thái chân tu: Trí năng, đạo hạnh
 Hoa phải thơm hương,
 Mới thực hoa.*

ĐẠO VỐN KHÔNG LỜI

*Các pháp thế gian như giấc mộng
 Nương nhờ qua sông,
 Đạo vốn không lời
 Phút giác ngộ bừng soi ánh tuệ
 Cái ngộ tìm ra,
 Vẫn hằng hữu muôn đời!*

PHẬT TÁNH

*Vô thi vô chung, sáng ngời Phật tánh
 Nhận biết muôn loài, bản chất Như-Lai
 Vàng trắng soi bóng muôn sông biển
 Muôn bóng, cùng vàng trắng ấy,
 Không hai.*

thơ **HẠNH CHI**

NGHĨA A-HÀM

Thích Nữ Giới Hương



ĐỊNH NGHĨA A-HÀM

A-hàm nghĩa là pháp quy (nơi quy thú của muôn pháp), còn dịch là vô tỷ pháp (pháp tối thượng), giáo truyền (giáo pháp được lần lượt truyền trao nhau). Đại sư Tăng Triệu (374-414) nói về ý nghĩa của thuật từ 'A-hàm' như sau: "Kinh A-hàm này là yên phủ của mọi điềm lành, là khu rừng tóm thu hết thảy, vừa yên bác vừa bao la, thuyết minh dấu tích của hiền ngu tội phước, phân tích căn do của chân nguy dị đồng, ghi chép bao nhiêu việc cổ kim thành bại, bao hàm hết cả vạn loại đất trời. Đạo từ đây mà ra. Pháp từ đây mà tồn tại. Ví như biển cả, trăm sông đều dồn về, nên gọi là 'pháp quy'."

Pháp là vạn pháp, quy là quay về. Pháp quy nghĩa là tất cả vạn pháp đều quy về một loại kinh A-hàm này. A-hàm là một khu rừng bát ngát mênh mông, như chương 1 đã cộng lại bốn bộ A-hàm có khoảng 2086 bản kinh và bốn bộ Nikaya có khoảng 12.601 bản kinh, cũng như các đoàn chánh văn của chương 3 và 4 (tập 1) đến chương 1 và 2 (tập 2) đã cho chúng ta thấy A-hàm này đã chứa đựng bao nhiêu ngàn bài kinh hướng thượng rất quý giá.

Thuyết là nói, minh là làm cho tỏ, phân tích cho sáng thêm ra. Khu rừng A-hàm này đã thuyết minh rõ những nguyên do của đường lối chân nguy dị đồng, soi tỏ đường đi của kẻ ngu và người trí. Người hiền thì thích làm phước, còn kẻ ngu thì thích làm tội. Thuyết minh như thế để cho chúng ta tránh đi vào đường ngu mê tội lỗi, sanh tử đọa đầy mà hãy chọn lấy đường thánh hiền giải thoát an lạc.

CHÂN NGUY DỊ ĐỒNG

Nguy là sự không đúng với lẽ phải, chân là chân thật. Chữ chân đối với chữ nguy. Ví như chúng ta cầu tu tập để cho thiên hạ người ta cúng dường thế thì là nguy, xảo trá. Chúng ta hiện cái tướng tựa hồ như hay nhưng nó lại là dở, cho nên gọi là nguy, trong chữ nguy có tính xảo trá. Chúng ta tu tập để coi bỏ những sự thấy sai lầm và suy nghĩ sai lầm từ lịch kiếp để sống với sự thật của thân, thọ, tâm, pháp mà Tứ niệm xứ dạy thì cái đó gọi là chân. Còn nếu tu tập để cầu tiền cầu bạc, hoặc để cầu cho người ta khen chúng ta tu giỏi thì cái đó là nguy.

Đồng là giống nhau, tuy công việc có khác nhau nhưng đồng một mục đích. Ví như bây

giờ có người không tu Tứ niệm xứ nhưng vì ấy một lòng một dạ chân thật chăm sóc bệnh nhân, làm việc từ thiện, như phái đoàn bác sĩ đi chữa bệnh cho những người ốm đau, bệnh tật; hay những nhà mạnh thường quân đi cúng dường tam bảo; hay các nhà từ thiện đi bố thí cứu giúp những nạn thiên tai lũ lụt, sóng thần, động đất, dịch tả, vv... thì những người ấy đối với những người ngồi tĩnh tọa tu Tứ niệm xứ vậy là đồng, là giống với người tu tập ấy. Bên ngoài tựa hồ như những vị ấy không tu nhưng thật ra những vị ấy vẫn đang làm việc Phật, tâm Phật. Đó là vì tất cả cùng đồng một mục đích.

Dị là khác nhau, tuy hình tướng giống nhau nhưng sức tập trung hay mục đích đạt được không giống nhau. Ví dụ cùng là hai Phật tử mặc áo tràng đến chùa tu tập nhưng mục đích khác nhau. Một vị thì ít nói chuyện để tâm được tĩnh mà quán thiền minh sát tuệ nhưng một vị thì đến để gặp bạn bè trong chùa để tâm sự, chứ ở nhà vắng vẻ, ít người thì buồn quá. Hoặc có hai người cùng ngồi tu tập Tứ niệm xứ suốt ngày ngồi từ sáng đến tối, đóng bít cả cửa lại, bít cả tai lại để thiền quán. Một người tuyên bố với mọi người là tôi đang tịnh khẩu, cấm hết không ai được phá rối để cho tôi ngồi được yên. Rồi trong lúc tĩnh tọa mà tâm của vị ấy tính toán việc này việc kia, không biết chú nhập tì vi chiếu phim gì, không biết bạn A, B của mình đang làm gì thì vị ấy so với người tĩnh tọa chân thật và miên mật kia là dị. Tuy là cùng để mục Tứ niệm xứ với nhau, cùng ngồi trong đạo tràng chuyên tu yên tĩnh, nhưng hai tâm đi hướng khác nhau. Nên việc ngồi tĩnh tọa ấy chỉ mất thì giờ vô ích vì tâm chạy theo sáu thức, theo ngũ triền cái sai sử mà lại thọ nhận sự kính trọng và sự ủng hộ của Phật tử cho nên gọi là dị, là khác.

CHÂN NGUY LÀ DO ĐÂU?

Có những người sống chân thật nhưng cũng có những người sống nguy. Nguyên do làm sao có người gieo nhân lành nhưng cũng có người khác gieo nhân xấu? Vì có người học A-hàm biết được sự thật rằng thân bất tịnh, thọ thì khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Vị ấy hiểu được lẽ phải, biết thân này là đất nước gió lửa nên tha hồ ai chê bai, ai nói chuyện tròn, chuyện méo, nói cái gì cũng được, đó là việc của họ. Còn chúng ta cứ sống theo cuộc đời của

mình, đường lối tu tập của mình bởi vì mình biết thân này là đồng đất hư vọng mai sẽ tan đi, mà chính những ai mới nói kia cũng là những đồng đất tạm hợp rồi mai tan đi, sắp sửa đem bỏ vào quan tài đưa đi chôn cả. Do giác biết như thế, chúng ta không bị tham sân chi phối, không làm những sai quấy, hư ngụy, không bận lòng với thị phi mà bình tĩnh, thần nhiên, an ổn, sống chân thật, không hư ngụy cho nên không bị đọa lạc. Còn người không giác biết Tứ niệm xứ, cứ tưởng thân bằng đất này là thân mình thật, cho nên sáu căn xúc sáu trần liền khởi lên nào là giận hờn, hiềm hận, chuyện tròn chuyện méo, mua oán kết thù, sống hư, sống ngụy tạo đủ thứ khổ, đều là do hai chữ giác biết hay không giác biết.

Do sự không giác biết này, Đức Thích Ca vì lòng từ bi phải giảng sanh xuống thế gian này để giảng A-hàm để khai thị cho chúng ta đừng mê muội nữa, khai tỉnh cho chúng ta biết sự thật, hiểu lẽ phải thì chúng ta mới sống đúng con đường, đúng với sự thật. Đức Phật phải thuyết pháp nhưng không phải chỉ một bài mà vô số bài pháp thoại. Bốn bộ A-hàm có khoảng 2.086 bản kinh và bốn bộ Nikaya có khoảng 12.601 bản kinh (chưa kể Tiểu Bộ). Như vậy, nguyên do A-hàm hay Nikaya này phân tích nguyên do nguồn gốc của sự khổ, sự mê, điều xấu để chúng ta tỉnh ra, biết sự thật và hiểu lẽ phải, còn từ trước tới giờ chúng ta cứ ngụy, cứ dối láo là bởi vì chúng ta không biết, không hiểu, chung quy bởi chỉ vì mê lầm.

ĐƯỜNG LỐI CỦA HIỀN NGU VÀ TỘI PHƯỚC

Từ chương 3 và 4 (tập 1) đến chương 1 và 2 (tập 2) trong tác phẩm này là bao nhiêu bài pháp thoại phân tích những căn nguyên và quả báo của nghiệp thiện ác để chúng ta tự chọn con đường đi, để chúng ta thấy hình tướng của sự tu hành và đọa lạc, thấy đường lối của hiền ngu và tội phước. Mỗi khi thấy người bạn mình nổi sân, hay người ta nói một lời nói sai, chúng ta phải tìm nguyên do cái chỗ không hòa giữa các chị em để chúng ta đem sự hòa ấm lại cho hai người. Cho nên thật tình làm cái gì cũng phải thấy được cái gốc, cái nguyên do của nó.

Trong A-hàm, Đức Phật không những nói về các bậc hiền và kẻ ngu trong hiện tại mà còn thuyết minh những tội phước của hiền ngu trong quá khứ và tương lai. Kinh Tứ Châu (Trung A-hàm, số 26, phẩm số 6), Đức Phật giảng về nhân thể nào, quả thể nấy qua câu chuyện của vua Đảnh Sanh. Vua là một vị Chuyển Luân Vương ước được sanh lên cõi trời. Bởi vì phúc đức của vua rất lớn, cho nên vừa nghĩ đến thì thân ngài liền bay được lên trời. Vua Đế Thích trông thấy ngài liền chia nửa tòa ngai và hai vị ngai chung với nhau trên một tòa ngai vàng quý giá sang trọng. Ngài được vua Đế Thích nhường cho nửa tòa ngai nhưng mà trong thâm tâm ngài lại muốn chiếm trọn



ngai vàng ấy, muốn cướp ngôi vua Đế Thích để mình được làm vua cõi trời vĩnh viễn, ngay khi niệm thất đức ấy vừa dấy khởi thì khiến cho ngài bị rớt ngay xuống thế gian. Rồi bởi trên cõi trời sung sướng và xinh đẹp quá nên thân ở trần gian mà tâm ngài cứ tưởng nhớ đến ngũ dục của cõi trời và chán ở thế gian vì thấy cái gì cũng không vừa ý, cũng ô uế, bệnh hoạn, xấu xí, không đẹp và lâu bền như trên trời, cho nên vua Đảnh Sanh chết trong trạng thái không thỏa mãn, sầu bi khổ ưu não. Thế thì, chúng ta thấy là một vị vua Chuyển Luân Vương có phúc đức lên tận trên cõi trời rồi mà ngài lại chết trong khổ não vậy thì lỗi tại ai? Tại lòng tham không đáy. Cho nên chúng ta, việc thiết yếu là phải quay về mà soi mình, phải biết mình có những chỗ sai, chỗ phải, cái nào hay dở của mình. Chúng ta phải thấy, phải biết rồi sửa trị mình, làm chủ được mình, ấy là gốc của sự bình an và gốc của bậc hiền thánh quân tử, còn nếu không làm chủ được mình thì như vua Đảnh Sanh, cứ để cho tâm tham lam phóng túng ấy lôi đi rồi cứ một bề nhắm mắt mà theo đường mê đến nỗi có đại phước giàu sang và quyền vị như thế mà trở thành một con người chết trong sầu bi khổ ưu não. Đó là do lòng tham dẫn dắt và đưa đến kết quả thất bại như vậy. Còn các bậc hiền nhân quân tử đã làm những việc lành và giữ tâm mình trong sáng, không theo đường mê, cho nên thành công trong sự nghiệp tu hành tốt đẹp của mình.

PHÂN MINH TÀ CHÁNH

Hễ chúng ta học A-hàm là chúng ta sẽ giác tỉnh được liền vì kinh dạy thế nào là tà, thế nào là chánh rất phân minh như đêm và ngày. Ban đêm tối đen chúng ta không trông thấy đường đi, còn bây giờ mặt trời mọc lên thì thấy sáng tỏ. Chúng ta phân biệt được ngày với đêm hai mặt khác nhau rõ rệt, cũng thế, chúng ta sẽ phân biệt được điều tà điều chánh, điều phải điều trái, người hiền người ngu rõ ràng hiển nhiên như thế và dễ nhận ra, ai cũng thấy cũng biết. Chúng ta sẽ thấy đêm với ngày rõ ràng trong lời nói, hành vi và tâm tưởng của chúng ta. Nói lời tà, mình biết là mình tà; nói lời chánh mình biết mình chánh; chứ nhiều khi nói

láo ba hoa mà cứ cho tôi là người hay người giỏi tài. Số đông những người ngu thường hay như vậy. Cho nên đây Đức Phật, chư Tổ mới khuyên chúng ta nên học A-hàm để biết rõ về chánh tà, hiền ngu khác nhau như sự trái hẳn nhau giữa sáng và tối. Người ngu làm việc sai mà lại cứ cho là mình hay lắm, thế cho nên đây là người ngu. Chính những người hay vênh váo, cho ta hay, ta tài giỏi, những vị ấy trong A-hàm gọi là những người ngu, còn những người khiêm tốn nhún nhường, không có tự mãn thì trong A-hàm gọi là những người hiền.

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

Nhân quả báo ứng tuy khó nhận nhưng học A-hàm chúng ta sẽ thấy nhân quả sẽ chắc chắn xảy ra như vang theo tiếng, khiến chúng ta phải tin là chắc chắn chứ không có mơ hồ. Bây giờ đi ăn cắp tiền của người ta thì chắc chắn mai đây phải làm con trâu, con bò để kéo cày trả nợ. Những con chim, con cá ấy cứ bị bắt để bán bởi vì những con chim, con cá ấy nợ người bán hàng cho nên chúng phải đem thân cho người ta bán để người ta lấy tiền. Người ta bán được mấy đồng một con chim, một con cá; đấy là chúng được giảm nợ, rồi chúng phải có những cái thân khác để giảm nợ nữa, cứ thế cho đến hết nợ thì thôi. Thế cho nên bây giờ ngoài chợ vô số người đang bán những giống sinh vật như cá, cua, tôm, ốc, chim, vv... là tại chúng mang nợ ngày trước, cho nên bây giờ phải làm những cái thân ấy để đền nợ mà trả biết bao giờ cho hết. Vì trong khi làm thân đền nợ ấy, làm cái thân mê muội tối tăm ấy thì chúng đâu có biết giữ giới trì trai, nên thay vì hết nghiệp thì lại tạo thêm nghiệp khác, do vậy, từ mê vào mê. Đường mê lại càng cứ đi mãi, trả xong cái nợ này lại còn cái nợ khác cho nên không biết đến bao giờ mới tỉnh ra. Thật tội nghiệp! Vì vậy, A-hàm dạy cho chúng ta phải học để tin chắc rằng việc báo ứng không sai chạy, đừng có để người xem thường. Bây giờ cứ ăn trộm của người ta thì mình lấy làm sung sướng, vì có tiền mua xe, mua nhà, đi chơi, đem tiền về cho gia đình, đem tiền về cho người này người kia, thấy vui vẻ sung sướng tưởng thế là mình khôn, đâu có dè rằng tạng thức của chúng ta ghi tất cả những hành động thiện ác của thân khẩu ý, giống như một cái máy thân (record) lặn lẽ mình (thấy), ký (nhớ), ức (niệm), trì (giữ) hết. Tạng thức ghi như thế để tâm thức của chúng ta dần dần chuyển biến, cho nên bây giờ đang làm một người đàng hoàng nhưng mà đi ăn cắp, nói dối, phạm giới, phá trai thì tạng thức nó đang ghi



và tạng thức đang chuyển biến khiến kiếp sau mang thân súc sanh làm con trâu, con bò để trả nợ. Chúng ta bây giờ có thể chỉ trông thấy là một vị Phật tử rất thuần thành đấy thôi chứ không ngờ rằng sắc thân ấy đang sửa soạn làm thân con trâu kéo cày trả nợ một khi thân người này tan hoại tựa như chiếc bánh sắp mốc và rã ra.

Cũng như câu chuyện có một thầy Tam Tạng tỳ kheo đã chê một vị tăng già là tụng kinh như chó sủa. Thế là tạng thức của thầy Tam tạng minh, ký, ức, trì các lời chê bai ấy; rồi tạng thức ấy chuyển biến khiến kiếp sau thầy bị làm con chó mà tới 500 đời phải làm chó. Bây giờ chúng ta chỉ thấy là một thầy tỳ kheo pháp sư, chứ chúng ta không ngờ là vị thượng tọa ấy sẽ ẩn hiện trong lớp chó chỉ vì một lời chê bai. Thân Thầy tỳ kheo ấy sắp tan rã đi và thân con chó sẽ hiện ra. Chúng ta cũng vậy, đang làm một bậc xuất gia được mọi

người kính ngưỡng, hay một vị Phật tử thuần thành hộ pháp nhưng không khéo trong thân khẩu ý thì thân này sẽ dễ chuyển sang thân trâu, bò, chó, ngựa, bởi vì Đức Phật đã dạy: "Cõi diêm phù đề này nhất cử nhất động đều dễ rơi vào tam đồ". Nơi đây, chúng ta sẽ dễ sơ xuất khiến bị rơi vào súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Xác thân người đang dần dần phai đi và thân con trâu đang dần dần hiển lộ do những ác hạnh nơi thân khẩu ý của mình. Đây là những việc chúng ta không trông thấy nhưng mà có thật hiển nhiên cho nên trong A-hàm dạy rằng việc báo ứng rất là khó nhận, chúng ta khó biết đấy nhưng mà chắc chắn như

vang theo tiếng. Y như vào một cái hang hay vào một cái nhà kiếng, chúng ta kêu lên một tiếng thì nghe có âm vang của chúng vọng lại. Đây là âm vang ứng theo thanh, vang theo tiếng chắc chắn, không thể nào mà tránh được. Nếu đã thốt lên một tiếng ở chỗ đó thì thế nào cũng phải có âm vang đáp lại, không thể nào mà không có, cho nên gọi là chắc chắn như vang theo tiếng.

NHƯ BÓNG THEO HÌNH

Giữa trưa chúng ta đứng ngoài trời thì có cái bóng ngả của thân ta. Khi chúng ta đi tới lui cũng có cái bóng hiện theo, cứ cái thân đi đâu thì bóng hình nó hiện lên đấy. Cái thân ở đâu này thì cái hình nó hiện ở đâu này; đến lúc cái thân đi xuống góc phố kia thì cái hình nó cũng hiện theo góc phố kia. Chúng ta không thể bảo cái bóng đứng đấy, chỉ để thân mình đi đến phía trước thôi bởi vì cái bóng không phải là một thực thể riêng rẽ mà nó luôn luôn theo cùng với cái thân. Do ánh sáng chiếu vào cái

thân và ảnh chiếu ra, nên bóng từ xác thân ta mà hiện ra. Cũng thế, việc báo ứng, nhân quả của lời nói, việc làm cũng vậy. Chúng ta làm lành, làm ác thì sẽ có quả tương ứng cũng giống như người lớn thì cái bóng sẽ lớn, người nhỏ thì cái bóng phải nhỏ, cái người nghèo đói ở đẳng này thì cái hình sẽ nghèo đói ở đẳng này, bởi vì bóng hình là từ người ấy mà ra. Thế thì đây cũng thế, từ việc ăn trộm ăn cắp thì nó sẽ khiến ra hậu quả của ăn trộm, ăn cắp. Từ lời nói bất chính sẽ ra cái quả báo bất chính, không tránh được, cho nên nói chắc chắn như bóng theo hình. Mỗi khi chúng ta làm một việc bậy thì nên biết chắc chắn rằng thế nào cũng có quả bậy chứ không thể nào trật được, làm cái việc lành thì chắc chắn điều lành sẽ đến chắc chắn. Vậy người khôn nên thế nào? Biết được điều tốt đẹp, điều lành chắc chắn sẽ đến với mình vì thế mà cố gắng làm lành. Biết mình nói lời sai, làm việc sai thì chắc chắn có cái quả báo sẽ đến, biết chắc chắn như vậy cho nên đừng làm điều sai nữa.

SỐ KIẾP TỰA XA VỜI

Số kiếp tựa xa vời mà gần kề như sáng tối. Cái gì là số kiếp tựa xa vời và vì sao số kiếp lại xa vời với chúng ta? Xưa kia chúng ta làm con bò, bây giờ làm người, rồi mai lại là con trâu. Đó là số kiếp, là đời sống của chúng ta. Còn bây giờ đi ăn trộm tiền của người ta để có tiền ăn chơi du hí tha hồ vui vẻ, tưởng như cái chuyện làm trâu đối với mình xa vời lắm, gần như là không nghĩ tới là về sau phải kéo cày trả nợ. Thế cho nên mới bảo là số kiếp mình tưởng như xa lắm, thế nhưng thật ra gần kề như buổi sáng với tối, vừa mới sáng xong thì đã tối, vừa mới tối đã đến sáng. Hai buổi sáng với tối tiếp nhau như thế cho nên gọi là gần kề. Không biết rằng ngay lúc chúng ta đưa tay ăn trộm của người thì cái thân trâu ở ngay trong tâm mình, ở ngay trong tạng thức mình rồi nhưng mà chúng ta cứ tưởng là xa xôi lắm, còn lâu lắm.

PHÁT SANH ĐỊNH VÀ TUỆ

Học kinh A-hàm là để tránh ác làm lành, giữ gìn thân khẩu ý, do đó tâm không tán loạn. Do tâm điềm tĩnh, không loạn mà phát sanh trí tuệ sáng suốt. Như vậy, chúng ta học A-hàm với mục đích nuôi dưỡng sự điềm tĩnh và trí tuệ.

Vì sao có bao nhiêu sự tích, bao nhiêu chuyện, bao nhiêu thứ rất cần để học trên đời mà trong A-hàm, Đức Phật chỉ nhấn mạnh cần

có hai là trí tuệ và sự an định của tinh thần? Tại sao chúng ta lại cần sự an định và trí tuệ? Vì buông lung tán loạn mất sự điềm tĩnh thì không thể an định, có an định thì mới có trí tuệ. Người an định, có trí tuệ là do sáng suốt, biết được việc này việc kia, việc xấu việc tốt, việc hiền ngu, tội phước, còn buông lung tán loạn, mất sự điềm tĩnh, mất sự an ổn của tinh thần thì không có cái sáng suốt, mà sáng suốt là then chốt để chúng ta sống yên ổn trong đời.

A-hàm có khả năng cứu tế đạo và đời, nghĩa là không những ích lợi cho người trong chùa mà cả người thế gian. Những người tại gia cũng cần phải học kinh A-hàm này để cứu tế cả đạo và đời. Đạo là đời sống của những người xuất gia, còn đời là đời sống của những người thế gian. Tất cả đều cần kinh A-hàm này để giúp chúng ta yên ổn trong gia đình và trong chốn thiền môn.



KHU RỪNG PHONG PHÚ BAO LA

Trong A-hàm này, Đức Phật kể nhiều câu chuyện về thành bại, hiền ngu, phước tội của loài người, chuyện của chư thiên ở trên trời, chuyện địa ngục, nga quỷ, súc sanh, chuyện trên rừng dưới biển, bao hàm vạn loài trong trời đất, thế cho nên gọi là pháp quy (vạn pháp quay về đây) như trăm sông dồn về biển cả tức là dồn về một mục đích. Vì có cả rừng của 2.086 bản kinh nên Đức Phật giảng dạy

rất nhiều khía cạnh của các cõi và tất cả những loại pháp đều quy tụ về đây nên gọi là A-hàm. Nhờ công đức nói về vạn pháp bao la này mà đạo từ đây phát khởi, pháp do đây tồn tại.

ĐẠO TỪ ĐÂY PHÁT KHỞI

Đạo là con đường, Phật là sáng suốt. Nhờ Đức Phật nói những con đường tâm linh mà ngài chứng nghiệm và chư tổ tiếp nối thực hành thấy hiệu nghiệm truyền xuống, rồi chúng ta học tu theo. Như vậy là Đức Phật vạch một con đường cho chúng ta đi, con đường sáng suốt, con đường đi vào trí tuệ cho nên gọi là Đạo Phật.

Nhờ học lý thuyết và hiểu khi thực hành A-hàm, chúng ta mới thấy con đường tỏ rõ ra. Con đường từ mê đến tỉnh, từ khổ đến an vui, từ phạm phu lên hiền thánh, rồi chúng ta mới một lòng đi con đường này để hiển lộ đạo lên nên gọi là đạo do đây, tức đạo do A-hàm mà phát khởi. Vì thế, chúng ta phải phát tâm học và hành theo A-hàm.

PHÁP DO ĐÂY TỒN TẠI

Pháp là những phương pháp tu hành, các pháp môn giải thoát hay những gì Đức Phật dạy như giới luật, tứ niệm xứ, bảy giác chi, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vv... Pháp do đây mà tồn tại tức từ A-hàm mà đạo được vạch tỏ, đạo được phát khởi, nghĩa là chúng ta học bộ A-hàm, chúng ta hiểu điều phải, hiểu con đường chân thật, chúng ta nắm được đường thật, nắm được các pháp môn thì chúng ta nhất định tu, nhất định thọ trì. Nhờ vào tu tập và thọ trì mà các pháp môn của Đức Phật mới tồn tại. Vì Đức Phật thuyết giảng cách đây 2600 năm mà không có người học, người hiểu, không có người thọ, người trì thì bây giờ chúng ta không biết đến pháp Phật nữa. Đã 2600 năm trôi qua, những liệt vị tổ sư đã bắt nhịp cầu tiếp nối từ vị này truyền vị kia, vị kia truyền xuống vị nọ, cho tới ngày nay A-hàm còn lại cho chúng ta để học. Cho nên, nhờ A-hàm này mà các pháp môn tu tập thành thánh hiền của Đức Phật mới còn tồn tại. Nếu mà không có các bộ A-hàm còn lại thì chúng ta bây giờ đâu có biết tội phước, nhân quả mà tu. Những pháp môn tu phải do các Tổ đã thọ trì và truyền lại để chúng ta bây giờ cũng thọ nhận và duy trì để ngày mai chúng ta cũng có thể giữ được đạo và truyền lại cho người sau, thế là pháp do đây mà tồn tại như Kinh Phật Thuyết Nguyệt Dụ dạy:

"Tỳ kheo an trụ vào sự hiểu biết chân chánh, rời các nhiễm ô như luyện vàng ròng; khử trừ chất uế, thấy pháp như thể, chứng pháp như thể, là pháp có thể lìa sanh già bệnh chết, sầu bi ưu não. Dùng pháp như thế vì người khác nói, khiến người kia đạt được sự nghe pháp như thế, theo đó tu hành, ở trong đêm dài được lợi lạc lớn. Do đó, chánh pháp được tồn tại lâu dài."

Tóm lại, kinh nói trăm sông đổ dồn về biển cả, tức là chuyện đẹp xấu, chuyện hay dở, tội phước căn bản của loài người và các loài khác đều bao gồm hết trong A-hàm này. Nhiều việc nhờ kinh A-hàm này mà chúng ta mới hiểu được hết, nhất là những việc ra khỏi vòng luân hồi sáu cõi này. Đây là biển kinh (chứ không phải vài cuốn kinh) chứa đủ hết, là một khu rừng uyên bác, bao la, phong phú có đủ hết. Tâm ý của Đại sư Tăng Triệu khuyên chúng ta không nên đi tìm học ở đâu đâu mà hãy quay về căn bản với A-hàm này bởi lẽ chính ở đây mới đáp ứng được tất cả những nhu cầu tâm linh và những hướng dẫn tu tập căn bản để chúng ta có thể xa rời cảnh giới phàm phu mà bước lên nấc thang thánh vị.

Thích Nữ Giới Hương



YÊU VÀ THÍCH

*Vội tay ngắt một bông hoa
Mang về chưng ở góc nhà ngắm chơi
Chỉ trong phút chốc rồi thôi
Ta lao vào những mộng đời loanh quanh*

*Bỏ quên, hoa úa tàn nhanh
Cánh rơi lá tả trợ cảnh héo queo
Đó là thích, chẳng phải yêu
Yêu là che chở, sớm chiều hỏi han*

*Bản chất hoa nở cũng tàn
Nhưng ta tưới tắm hoa càng tươi lâu*

*Yêu mà chiếm đoạt lẫn nhau
Người ngắt, kẻ hái làm rầu rĩ hoa
Tới khi ta kịp nhận ra
Thì hoa đã úa, đã xa thật rồi!*

*Mai sau về phía cuối trời
Có gì đâu, một kiếp đời mỏng manh!
Yêu là cho, chẳng giết giành
Thương là thương ở cái tình bên trong*

*Kìa xem trăng lướt qua sông
Gió reo đỉnh núi, mây bồng bênh mây...*

thơ HÀN LONG ÂN

BỒ THÍ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Bồ thí mà để kẻ nhận tủi buồn là một hành động độc ác.

Bồ thí để mọi người biết ta nhân từ là một hành động đạo đức giả.

Bồ thí mà để cho kẻ khác mang ơn là có ý, mưu đồ.

Bồ thí cho người hoan hỉ, ta mãn nguyện sung sướng, là tâm ta còn cầu hưởng quả nhưn thiên phước báu chưa đúng thành ý của Phật.

Cách đây đã hơn 30 năm, tôi có đọc cuốn Class de Francaise của thầy Phạm Tất Đặc có câu chuyện một người bộ hành gặp một lão ăn xin trên đường phố ăn vận bẩn thiếu chống gậy, thân hình chỉ có da bọc xương. Lão đứng không vững, mắt lão trắng dã, và những đường gân máu nổi

lên trên vồng mô giật giật. Lão chìa đôi tay run bần bật lên cầu xin người bộ hành bồ thí.

Người bộ hành lật đật móc túi nhưng tiền không, đồng hồ không, một chiếc mùi xao cũng không, mồ hôi anh ta và ra. Lão ăn mày cũng đứng đó. Anh ôm chầm cả hai tay lão ăn mày mà rằng:

“Người đồng bào ơi! Tôi chẳng có một thứ gì cả người đồng bào ạ.”

Mắt lão già ăn xin sáng lên, và dịu lại, chan chứa một niềm hân hoan. Lão siết tay người bộ hành mà rằng: “Đừng buồn, tôi rất sung sướng, vì đó cũng là một cách bồ thí người đồng bào ạ.”

Đến đây lòng ta cảm thấy bàng hoàng một niềm xúc cảm sung sướng. Ta không còn phân biệt nổi ai là kẻ bồ thí? Ai là người nhận sự bồ thí? Bấy giờ chỉ còn tâm nguyện lớn là mong hết thầy chúng sanh thân tâm đều an lạc, không còn ai chịu quả báo đói rét đau thương. Đó mới chính là chân bồ thí, hợp với báu hoài ba đời mười phương chư Phật vậy.

(**Thị Nguyên**
Nguyễn Đình Khôi,
52 Câu Chuyện Dưới Cờ)





TỨ NHIẾP PHÁP

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

I/ Định nghĩa:

Tứ là 4; nhiếp là thu phục; pháp là phương pháp. Lợi tha là làm lợi ích cho người khác. Tứ nhiếp pháp là 4 phương pháp lợi tha để thu phục chúng sanh quay về với Phật pháp.

II/ Tứ nhiếp pháp gồm 4 phương pháp là: Bố thí nhiếp, Ái ngữ nhiếp, Lợi hành nhiếp và Đồng sự nhiếp.

1. Bố thí nhiếp:

Bố thí nhiếp là đem những gì mình có để cứu giúp người khác, cảm phục họ, để họ thân mến mình mà quay về với đạo.

- **Bố thí có 3 phần:** Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

a. Tài thí: (tài là tiền của, vật chất) là đem tiền của, vật chất mà bố thí, để cứu giúp người đang nghèo khổ, hoạn nạn.

b. Pháp thí: (Pháp là giáo pháp của Đức Phật) là đem những giáo pháp quý báu của Đức Phật mà bố thí, giảng dạy cho chúng sanh. Hoặc đem những phương pháp làm ăn, nghề nghiệp dạy cho người khác, giúp họ sinh sống một cách ổn định.

c. Vô úy thí: (vô úy là không sợ hãi) là mang đến sự không sợ hãi cho chúng sanh, che chở, bảo vệ, giúp họ được bình tĩnh, yên ổn.

- Trong tài thí có mấy phần?

Tài thí có 2 phần là ngoại tài và nội tài.

- Ngoại tài là tiền bạc, vật chất mình sở hữu.

- Nội tài là tài sản ngay nơi tự thân của chính mình, như thân thể, công sức. Người nghèo không có tiền bố thí thì vẫn giúp đỡ được người khác bằng công sức và thân thể của mình, như hiến máu nhân đạo, hiến xác cho khoa học, hoặc bỏ công ra đắp lại đoạn đường hư, dắt cụ già qua đường v.v...

2. Ái ngữ nhiếp:

Ái ngữ nhiếp là khéo léo dùng lời hòa nhã, an ủi, khuyên lơn, làm cho chúng sanh thân phục, rồi từ đó họ mới theo ta về với đạo.

3. Lợi hành nhiếp:

Lợi hành nhiếp là làm lợi ích cho người bằng ý nghĩ, lời nói, hay hành động, khiến người sinh lòng cảm mến mà theo ta học đạo.

Thí dụ: đắp đường, bắc cầu, đẩy giúp cỗ xe nặng, giới thiệu giúp công ăn việc làm, xây nhà mồ côi, viện dưỡng lão, nấu cơm từ thiện cho bệnh viện...

4. Đồng sự nhiếp:

Đồng sự nhiếp là tạo điều kiện cùng làm chung một

công việc, xem công việc như một phương tiện để gần gũi, giúp đỡ cho những người làm công việc ấy, để họ cảm phục ta mà về với đạo.

Đồng sự nhiếp là phương pháp hiệu quả nhất vì chúng ta có thể làm thường xuyên mỗi ngày, và nhờ ta chung đụng với họ trong cùng một môi trường công việc nên hiểu tâm tư, ước muốn của họ hơn, có thể giúp đỡ một cách thiết thực hơn. Và mỗi ngày ta đều nêu tấm gương tốt của người Phật tử cho họ nhìn thấy, họ sẽ rất cảm kích.

III. Tứ nhiếp pháp có những lợi ích:

- **Về phương diện cá nhân:** Ta sẽ gieo những hạt giống thiện lành cho chính ta sau này gặt hái kết quả tốt đẹp.

- **Về phương diện gia đình:** Mọi người đều vị tha, đức độ, thì gia đình sẽ trong ấm ngoài êm.

- **Về phương diện xã hội:** Ta sẽ gây được ảnh hưởng tốt lành và hoàn cải được phần nào hoàn cảnh xã hội. Số người tu tập Tứ nhiếp pháp càng nhiều thì xã hội càng thuần lương, thịnh trị.

(tài liệu của **Bậc Trung Thiện – Ngành Thiếu, GDPTVN**)





ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI ĐỘI CHÚNG TRƯỞNG

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của **GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới**

I. Mở Đầu:

Phàm làm một việc gì muốn thành công và đạt được kết quả, chúng ta phải luôn vững lòng tin. Đức Phật dạy rằng Phật Pháp tuy rộng bao la nhưng nếu vững tin thì có thể hiểu được thấu đáo rõ ràng. Ngài lại dạy, để có lòng tin vững chắc, chúng ta phải có nhận thức sáng suốt và hiểu biết chân chánh. Là một Phật tử, với nhiệm vụ của Đội Chúng trưởng, chúng ta cần phải hiểu thế nào để có Đức Tin, và làm sao để duy trì đức tin ấy.

II. Đức Tin là Gì?

Chữ Tin nói theo thông thường là chấp nhận một sự kiện đúng với sự thật của nó. Là Phật Tử chúng ta phải đặt lòng tin của mình cho đúng chỗ, không nên mê tín dị đoan, không nên tin vào những điều sai với chánh Pháp, phản lại khoa học.

III. Đặt Đức Tin vào đâu:

A. Tin vào Đạo Pháp, vào Tam Bảo:

1. Tin vào Đức Phật vì ngài là một đấng giác ngộ, là một vị Thầy vĩ đại có khả năng dẫn dắt mọi người, mọi loài từ mê ngộ, giúp con người giải thoát được khổ đau, để tìm sự an lạc.

2. Tin vào Đạo Phật vì đó là Đạo của sự thật. Giáo Pháp của Đức Phật là một chân lý bất biến, một đường lối toàn hảo đã được chứng nghiệm từ bản thân Ngài. Giáo Pháp ấy còn được xây dựng trên một suy luận vững chắc và nhận thức sáng suốt, không hề đi

ngược với khoa học.

3. Tin vào Tăng-già (shangha) vì đó là đoàn thể những người xuất gia tu hành thanh tịnh, chân chính. Chúng ta cần tin tưởng vào Tăng già để noi theo những gương sáng, học hỏi và tu tập Đạo giác ngộ để thoát khổ đau cho mình và giúp mọi người tiến lên trên đường giác ngộ.

B. Tin vào Tổ Chức Gia Đình Phật Tử:

Gia Đình Phật Tử là một tổ chức vô vụ lợi có mục đích cao cả xây dựng tuổi trẻ về phương diện tinh thần và vật chất, góp phần vào việc giúp nước và giữ Đạo. Là Đội Chúng Trưởng chúng ta phải có lòng tin vào tổ chức cho dù tổ chức có đang trên đà phát triển hay suy yếu. Có như thế chúng ta mới tinh tấn vượt mọi khó khăn để tiếp tục thắp sáng lý tưởng cao đẹp của mình.

C. Tin vào chính mình:

Chúng ta phải có lòng tin vào chính mình, vào khả năng của mình để có thể dũng mãnh tiến bước trên con đường tu học và sinh hoạt. Đức Phật dạy: "Các con hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi." Mọi người chúng ta đều có khả năng giác ngộ và tìm thấy sự thật. Nếu chúng ta không đặt niềm tin vào mình thì chúng ta đặt niềm tin vào ai?

D. Tại sao phải có Đức Tin?

- Đức Tin là yếu tố cần thiết để đưa ta đến mục đích. Khi làm bất cứ việc gì ta cần phải có hướng đi. Chỉ khi nào tin chắc rằng mục đích đó sẽ đưa đến kết quả tốt đẹp, ta mới cố gắng tiến tới. Cũng vậy, mục đích của người Phật tử chúng ta là thoát khỏi khổ đau do tham sân si gây nên. Muốn thoát khỏi khổ đau, ta phải có Đức Tin. Tin vào Đức Phật, vào giáo lý chân thật của Ngài sẽ đem con người đến an lạc và hạnh phúc. Ngoài ra, có tin vào tổ chức chúng ta mới không quản ngại khó khăn để góp phần vào việc xây dựng xã hội tốt đẹp hơn, mang niềm vui lại cho mọi người chung quanh, thực hiện lý tưởng của mình.

E. Làm thế nào để có Đức Tin?

- Muốn có Đức Tin, chúng ta phải tu học, thực nghiệm (như ngày xưa Đức Phật đã trải qua bao thử thách), phải dùng sự suy nghĩ của mình, kiến thức học hỏi để tìm hiểu sự thực và từ đó sẽ phát khởi lòng tin vào Đạo. Đồng thời ta cũng tìm hiểu và sinh hoạt với tổ chức để thấy được giá trị thực của tổ chức GDPT trên con đường sinh hoạt của mình. (tinh tương thân tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến lên).



F. Làm thế nào để duy trì Đức Tin?

- Có được Đức Tin đã khó, muốn giữ gìn Đức Tin lại càng khó khăn hơn. Vì vậy muốn giữ gìn Đức Tin, chúng ta phải biết làm bạn với những người bạn tốt, cùng nhau tu học, là việc thiện, và thực hành những điều luật của mình. Các người bạn tốt không cần tìm đâu xa mà là những Bậc Thầy, Cô trong chùa, các anh chị Trưởng, các bạn trong GDPT... Ngoài ra chúng ta còn cần phải mở mang trí tuệ bằng cách tìm tòi học hỏi không ngừng, tập sống thương yêu, biết giúp đỡ và mang niềm vui lại cho mọi người. Thực hành những điều luật của mình cũng là phương pháp hữu hiệu để duy trì Đức Tin.

IV. Kết Luận:

Đức Tin rất quan trọng trong đời sống của người Phật tử và của người Đội Chúng Trưởng. Có Đức Tin thì cuộc đời ta mới có ý nghĩa, có hướng đi và lý tưởng. Đức tin còn cho ta sức mạnh vô biên giúp ta vượt qua khỏi những khó khăn chướng ngại để đạt đến mục đích cao đẹp của mình. Để có Đức Tin và duy trì Đức Tin, chúng ta phải tìm tòi học hỏi và thực hành lời Phật dạy. Trên con đường sinh hoạt GDPT, niềm tin đôi khi có thể bị lung lay do bởi định luật vô thường biến chuyển; nên để giữ vững niềm tin ta cần phải gần bạn tốt, học hỏi thêm kinh sách, mở rộng lòng từ bi, hỷ xả và luôn giữ tâm mình trong sáng.

(tài liệu hướng dẫn cho Trại A-nô-ma /
Ni-liên – GDPTVN Trên Thế Giới)



LỖ HẸN

*Đỉnh gió hát
Trần gian ngăn ngủi
Đến và đi quán trọ vạt mây
Đôi mắt xanh rồi cũng hao gầy
Thu ngàn cỗi sao long lạnh khoé mắt
Hãy nhìn kia sơn hà trước mặt
Có còn không hay lệ nóng chảy tràn?
Đỉnh gió hú hồn ai vẫn miên man
Ôi sông núi thác ghềnh quê ta đó!
Đỉnh gió hú hẹn thề chưa tỏ
Về đi thôi quán trọ buổi hoàng hôn...*

KIỆP PHONG TRẦN

*Đi hoang nửa kiếp phong trần
Sông dài biển rộng bao lần ngược xuôi
Trăm cay đắng trăm ngậm ngùi
Thấy trong tuyệt vọng niềm vui trọn đầy*

*Bao hạnh phúc ai dựng xây
Có mầm đau khổ khỏi mây bập bênh
Sợ mưa vạt nắng không tên
Mà sao thanh thản... bồng bênh... thong dong*

*Đi hoang mới biết long đong
Rọi soi cõi vắng mênh mông bạt ngàn
Vô chung vô thủy hợp tan
Nghiêng vai trút hết... trắng vàng vừa lên.*

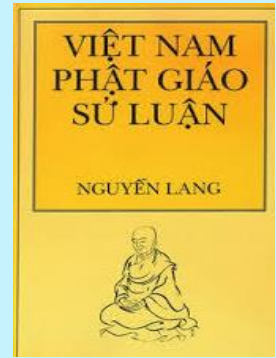
thơ BẠCH XUÂN PHÊ

THIỆN SƯ HUYỀN QUANG

(1254-1334)

(Chương XIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



VỀ SÁCH TỔ GIA THỰC LỤC

Phần ghi chép về thiền sư Huyền Quang vị tổ thứ ba của Giáo hội Trúc Lâm, không mang tên tác giả và người hiệu khảo. Phần này mang nhan đề là *Tổ Gia Thực Lục* — theo lời dẫn in ở cuối thì vào khoảng những năm Tuyên Đức nhà Minh (tức là vào cuối đời Hồ), một bản *Tổ Gia Thực Lục* đã được thượng thư Hoàng Phúc người Minh lược lấy đem về Trung Hoa (hồi Minh thuộc, tướng Trương Phụ thu gom hết tất cả sách vở tại Đại Việt chở về Kim Lăng, ít sách đã còn có thể giữ lại). Hoàng Phúc thường nằm mộng thấy Huyền Quang bảo phải gửi phải trả tập sách này về Đại Việt, nhưng chưa có dịp làm như thế. Thấy Huyền Quang linh ứng, ông mới lập chùa thờ, đặt tên chùa là “An Nam Thiền Sư Huyền Quang Tự.” Đến khoảng năm Gia Tĩnh nhà Minh, Tô Xuyên Hầu nhà Hậu Lê đi sứ sang Trung Hoa gặp được cháu bốn đời của Hoàng Phúc là Hoàng Thừa, mới nhận được tập sách mang về nước. (Tô Xuyên Hầu tức là Lê Quang Bí, làm quan đến chức Binh bộ thị lang, đậu hoàng giáp năm 1526). Khi về nước ông đã đưa tập truyện Huyền Quang cho ông Nguyễn Bỉnh Khiêm xem, từ đó sách lại được phổ biến. Lời dẫn nói rằng Hoàng Thừa, cháu của Hoàng Phúc, cũng nằm mộng thấy Huyền Quang nhiều lần nhắn gửi tập sách về Đại Việt, cho nên khi Tô Xuyên Hầu qua, ông ta đã tìm gặp để gửi sách.

Trong sách *Vũ Trung Tuy Bút*, tác giả Phạm Đình Hổ cũng có nói chuyện thiền sư Huyền Quang và có ghi rằng ông có thấy chuyện này trong sách *Trúc Lâm Truyền Đăng Lục*. Ta chưa từng thấy mặt mũi sách *Trúc Lâm Truyền Đăng Lục* này. Có thể đó là một bản in gồm có chuyện của Trúc Lâm, Pháp Loa và Huyền Quang, nội dung tương tự hay đồng nhất với nội dung sách *Tam Tổ Thực Lục*, ta chỉ có thể nói rằng *Tổ Gia Thực Lục* đã tìm ra và ghép với hai phần trước (sách nói về Trúc Lâm và Pháp Loa) để thành ra sách *Tam Tổ Thực Lục* và lưu hành rộng rãi vào giữa thế kỷ thứ mười sáu.

Ai đã chép truyện Huyền Quang? Theo tài liệu của Phúc Đường hòa thượng trong sách *Đại Nam Thuyền Uyên Truyền Đăng Lục* (quyển hạ) thì người truyền đăng của Huyền Quang là An Tâm quốc sư. Có thể An Tâm đã chép truyện Huyền Quang chăng? Tại sao trong *Tổ Gia Thực Lục* không thấy có ghi chép những thiền ngữ và những bài kệ tụng của

Huyền Quang? Cả đến bài kệ *Thị Tịch* của Huyền Quang cũng không thấy ghi lại. Đúng về phương diện biên chép ngữ lục, đây là một khuyết điểm lớn: người kế thế của Huyền Quang không thể có khuyết điểm như vậy được. *Tổ Gia Thực Lục*, cũng như lời dẫn nằm ở cuối sách, nói nhiều tới tính cách linh ứng của Huyền Quang. Đời của vị thiền sư bị phủ trong một bức màn thần dị linh thiêng; người thờ phụng đã chỉ chú ý tới mặt này mà không để ý tới mặt tư tưởng và giáo lý của thiền sư: phải chăng điều này phản chiếu trạng thái suy đồi của Phật Giáo cuối thế kỷ thứ mười bốn và trong suốt thế kỷ thứ mười lăm vào thời Hậu Lê? Lịch sử Phật Giáo Trúc Lâm sau Huyền Quang đã không còn lại những ghi chép nào đáng kể có lẽ cũng vì lý do đó: quần chúng Phật tử chỉ biết thờ cúng cầu nguyện mà không chịu học hỏi về lịch sử và giáo lý đạo Phật. Ông đã để lại tập thơ *Ngọc Tiên*. Hai mươi ba bài thơ trong *Ngọc Tiên Tập*, *Toàn Việt Thi Lục* và *Hoàng Việt Thi Tuyển*, có lẽ nhờ tính cách nhẹ về danh từ Phật Giáo của chúng. Ngoài 23 bài thơ bằng chữ Hán ấy, ta còn tìm lại được bài phú bằng chữ Nôm vịnh chùa Hoa Yên, gọi là *Vịnh Hoa Yên Tự Phú* cùng một bài kệ bằng chữ Nôm theo sau bài phú nói trên.

CUỘC ĐỜI CỦA HUYỀN QUANG

Tổ Gia Thực Lục có ghi nhiều chi tiết về những sự kiện liên hệ tới Huyền Quang, ví dụ như tên họ của tổ tiên ông từ đời Lý Thần Tông, khiến ta có thể tin rằng sách đã viết trên những căn cứ xác thực. Tuy nhiên vì tác giả dựa trên những điều thuật lại mà không căn cứ vào thư tịch có trước, cho nên sách cũng có một số chi tiết không phù hợp hoàn toàn với sự thật. So với hai phần trước trong sách *Tam Tổ Thực Lục*, giá trị lịch sử của phần này hẳn là kém hơn một bậc. Quê của Huyền Quang là ở làng Vạn Tải, lộ Bắc Giang (đời Lê đổi lại là làng Vạn Tư, huyện Gia Định). Nhà ông ở phía đông nam chùa Ngọc Hoàng. Ông sinh năm 1254, lớn hơn Pháp Loa tới 30 tuổi. “Ông thể mạo kỳ dị, mà có chí khí của bậc dị nhân. Cha mẹ ông rất yêu quý, dạy cho học văn chương. Ông nghe một biết mười, có tài của Nhan Hồi Á Thánh, do đó ông được cha mẹ đặt tên là Tái Đạo. Năm 20 tuổi ông thi Hương đậu. Năm sau đậu luôn thủ khoa kỳ thi Hội.”

Cha mẹ định cưới vợ cho ông nhưng ông chưa

chịu đấm nào. Vua định gả công chúa Liễu Nữ, cháu của An Sinh Vương cho ông, ông từ chối. Làm quan trong triều, ông đã từng phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc, bởi vì ông thông thạo thư tịch, trích dẫn kinh nghĩa và ứng đối mau lẹ như nước chảy. Ông làm quan vào khoảng 20 năm. Đến năm 51 tuổi (1305) ông xuất gia theo học với thiền sư Bảo Phác. *Tổ Gia Thực Lục* nói ông từng tháp tùng vua Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa thuyết pháp, nhân đó có ý muốn xuất gia. Sau đó ông dâng biểu ba lần xin từ chức và xuất gia, thụ giáo với quốc sư Pháp Loa. Chi tiết này không đúng, bởi người chép truyện nghĩ rằng Huyền Quang, người kế vị Pháp Loa, phải được xuất gia theo học với Pháp Loa. Thực ra năm ông xuất gia với thiền sư Bảo Phác, thì Pháp Loa mới xuất gia được một năm. Thiền sư Bảo Phác hồi đó ở núi Vũ Ninh, chưa được suy tôn quốc sư. Có lẽ Huyền Quang đã thụ giới sa di tại chùa Vũ Ninh do Bảo Phác trú trì. Năm 1306, khi Pháp Loa được lập làm giảng sư chùa Siêu Loại, Bảo Phác có đem Huyền Quang về dự lễ này. Trúc Lâm lại gặp Huyền Quang trong hình thái tăng sĩ, rất mừng biết Huyền Quang là một văn tài, liền đề nghị Bảo Phác để Huyền Quang lại phụ tá với mình. Từ đó Huyền Quang tùy tùng Trúc Lâm trong cuộc sống hành đạo. Huyền Quang chỉ được theo học đạo với Trúc Lâm và phụ tá cho Trúc Lâm trong hai năm, bởi vì cuối năm 1308 thì Trúc Lâm tịch. Trong hai năm đó, Trúc Lâm đã nhờ Huyền Quang soạn những sách thực dụng sau đây để lưu hành trong giáo hội Trúc Lâm:

1) *Chư Phẩm Kinh*: tuyển tập những phẩm kinh thiết yếu và thực dụng.

2) *Thích khoa giáo*: tập sách giáo khoa về đạo Phật.

Tổ Gia Thực Lục chép rằng Trúc Lâm rất bằng lòng với công việc sáng tác của Huyền Quang; khi đọc xong bản thảo *Thích Khoa Giáo*, vua ngự bút phê như sau: “Phẩm sách đã qua tay Huyền Quang biên soạn hiệu khảo rồi thì không thể thêm hay bớt một chữ nào nữa.” Trúc Lâm liền bảo thợ cho khắc in những sách ấy. Các sách này hẳn đã được đưa vào *Đại tạng* đời Trần. Huyền Quang cũng đã được Trúc Lâm cho đi vân du khắp nước thăm các danh lam và thỉnh thoảng cũng đăng đàn thuyết pháp. Có lần Huyền Quang được Trúc Lâm cho ngồi trên pháp tòa làm bằng trầm hương của mình để giảng kinh. Sau đó ông được lập làm trú trì chùa Vân Yên núi Yên Tử. Mên phục sức học quảng bác của ông, tăng ni theo về học đạo có đến khoảng 1.000 người. Chính trong thời gian này Huyền Quang đã sáng tác bài phú *Vịnh Vân Yên Tự*.

Năm 1313 (Quý sửu, *Tổ Gia Thực Lục* chép lầm là Quý mão - Quý mão là năm 1303, hồi Huyền

Quang chưa xuất gia), ngày rằm tháng giêng âm lịch, ông về quê làng Vạn Tải thăm cha mẹ. Hồi đó ông 60 tuổi cha mẹ ông đã già yếu. Muốn gần gũi hai vị đó trong một thời gian, ông liền lập ngôi chùa ngay trong làng, sát mé tây của nhà cha mẹ, đặt tên là chùa Đại Bi. Nghe ông lập chùa, nhiều người ở kinh đô về ủng hộ. Ngày khánh thành chùa, ông mở pháp hội lớn, mời chư tăng bốn phương về tham dự. Hàng vạn người dự hội tổ chức trong bảy đêm bảy ngày. Những phẩm vật và tiền bạc dâng cúng ông đem ra cúng dường chư Tăng và tặng phát cho người nghèo khổ. Có lẽ pháp hội được tổ chức trong dịp Vu Lan rằm tháng bảy, mùa báo hiếu cha mẹ. Sau khi đại hội chấm dứt, ông có tổ chức một bữa tiệc nhỏ mời họ hàng thân thích và láng giềng trong làng Vạn Tải đến để dự gây thêm tình thân mật. Chiều hôm đó ông khởi hành về chùa Vân Yên núi Yên Tử nơi ông chịu trách nhiệm trú trì. Như vậy là ông rời nhiệm sở chưa đầy một năm.

CÂU CHUYỆN THỊ BÍCH

Sách *Tổ Gia Thực Lục* đã dành nhiều trang để kể về chuyện hàm oan của Huyền Quang dính líu tới một người cung nữ tên là Bích. Sự việc này xảy ra hồi ông trú trì chùa Vân Yên, có lẽ dưới triều Minh Tông. Một hôm vua Minh Tông tổ về thần phục cuộc đời đạo đức trong sạch của thiền sư Huyền Quang với các quan trong triều. Nho thần Mạc Đĩnh chi nói: “Vẽ cọp thì vẽ da, làm sao vẽ tới xương được, biết người thì chỉ

biết về bề ngoài chứ làm sao biết được trong tâm. Xin bệ hạ cho thí nghiệm.” Vua Minh Tông liền sai cung nhân Điểm Bích hiệu là Tam Nương đi chinh phục Huyền Quang. Người cung nữ này nhan sắc chim sa cá lặn, lại thông bác kinh sử. Vua nói: “Vị tăng kia vốn giới hạnh cao nghiêm, chưa từng có ý sắc dục. Nhà người có nhan sắc, biết kinh sử, hãy đến tìm hiểu cho trẫm. Nếu quả vị ấy còn quyền luyến sắc dục thì người hãy dụ xin cho được kim tử bằng vàng đem về cho ta. Nếu man trá thì bị tội.” Kim tử này là một vật báu vua tặng cho thiền sư ngày xưa. Thị Bích liền đem theo một tiểu tỷ. Đến chùa Vân Yên gặp một ni sư già, Bích nói là muốn xuất gia học đạo. Vị ni sư này chấp nhận cho ở lại tập sự và cho sai bảo trà nước sớm khuya. Một hôm thiền sư thấy dung mạo Thị Bích, biết không phải là người có chủ tâm đi học đạo bèn gọi vị ni sư lên quở. Thị Bích thấy thiền sư giới hạnh nghiêm mật; khó dùng sắc đẹp để chinh phục, liền nảy sinh một kế: đêm ấy Bích khóc với vị ni sư, nói rằng mình là con nhà lễ khoa bảng, vì cha thu thuế xong bị kẻ cướp cướp mất không có đủ tiền để đền nên sẽ bị triều đình làm tội. Nếu đến kỳ hạn mà không chạy ra đủ số tiền thì không những ông ta bị tội mà cả vợ con cũng sẽ bị liên lụy và điền sản tịch thu. Ni sư đem câu chuyện nói lại và trong đại chúng ai



NHỮNG NĂM CUỐI CỦA HUYỀN QUANG

Tổ Gia Thực Lục chép sau đó Huyền Quang về ở Thanh Mai tròn sáu năm, rồi về trú trì chùa Tư Phúc ở Côn Sơn, soạn in lại *Chư Phẩm Kinh* để lưu lại hậu thế. Ông mất ngày 23 tháng giêng năm Giáp tuất (1334) thọ 81 tuổi. Câu chuyện Thị Bích có thể không có thật, nhưng nhờ đó mà ta biết rằng tín ngưỡng về ẩn quyết và trì chú trong thời đại này rất quan trọng. Chi tiết phù hợp với những điều ta biết về ảnh hưởng Mật Giáo trong Thiền đạo vào các triều đại Anh Tông và Minh Tông.

Người nối tiếp Huyền Quang là trú trì chùa Vân Yên là An Tâm quốc sư. Huyền Quang sau khi giao phận sự cho An Tâm đã về núi Thanh Mai và Côn Sơn. Tại các núi này năm 1329 (cũng trong vùng Hải Dương), Pháp Loa đã lập cơ sở hoàng đạo cho giáo hội Trúc Lâm. Ở Thanh Mai sáu năm. Ông dời sang Côn Sơn, ở chùa Tư Phúc. Chùa này tục gọi là chùa Hun, được lập ra từ đời Lý, và đã được Pháp Loa mở mang. Huyền Quang đến đây tiếp tục mở mang cơ sở. Ông có xây một tòa tháp có thể xoay được, gọi là Cửu Phẩm Liên Hoa.

Huyền Quang mất ở Côn Sơn năm 1334, nhưng ta không biết ông đã lưu trú bao nhiêu năm tại đây. Vì vậy ta không biết ông rời chùa Vân Yên năm nào, và câu chuyện Thị Bích xảy ra năm nào. Ông mất ngày 23 tháng giêng năm Giáp tuất, nhưng tin ông mất về tới làng Vạn Tải ngày 24. Vì vậy dân làng Vạn Tải còn lấy ngày 24 tháng giêng làm ngày kỵ tổ. Vua Minh Tông ban hiệu cho Huyền Quang là “Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tỳ Pháp Huyền Quang Tôn Giả.” Sách *Bắc Ninh Phong Thổ Tọa Ký* nói rằng Huyền Quang đã đi thăm nhiều chùa, trong đó có chùa Ninh Phúc ở Bút Tháp; tại đây ông cũng đã dựng một đài “Cửu phẩm liên hoa” và cho khắc in nhiều kinh điển. “Tòa Cửu Phẩm” ở chùa Ninh Phúc là một cái tháp có thể xoay tròn được. Trong những ngày lễ lớn, tín đồ tới chùa tay xoay đài, miệng trì chú hay niệm Phật. Tháp xoay có chín tầng và tám mặt. Mỗi mặt của tầng dưới hết chạm nổi hình ảnh sự tích Phật, trong đó có hình Cực lạc thế giới và đức Phật A Di Đà. Tòa Cửu Phẩm tại chùa Côn Sơn chắc cũng tương tự như vậy.

Hình ảnh chiếc tháp xoay này cho ta thấy, một lần nữa, ảnh hưởng của Mật Giáo - Mật Giáo từ Tây Tạng truyền đến.

Vua Minh tông cúng dường mười lạng vàng để xây tháp cho Huyền Quang phía sau chùa Côn Sơn. Vua cũng ban ruộng cho chùa để tổ chức kỵ giỗ hàng năm cho ông, kể cả các nơi cúng dường là 150 mẫu năm sào.

(còn tiếp)



cũng cảm thương. Huyền Quang hứa sẽ về kinh sư điều trần xin tội tha cho cha Thị Bích, nhưng có một chú tiểu nói: “Pháp luật là pháp luật, để mất của công thì chịu tội, ta không nên vì tình riêng mà can thiệp, như vậy pháp luật còn có nghĩa gì. Tốt hơn nên quyền tiền giúp họ.” Huyền Quang cho là phải, liền lấy kim tử vua ban cho Thị Bích. Trong chúng, ai có tiền thì cũng đều đem cho. Được kim tử, Bích trở về cung kể chuyện như sau cho vua nghe: “Thiếp đến Vân Yên Tự, giả làm người xin xuất gia, vị ni sư già cho thiếp bưng trà thang hầu thiên sư. Một tháng trôi qua mà sư chưa từng hỏi tới thiếp. Một đêm kia, sư lên chính điện tụng kinh. Đến canh ba, sư và đại chúng mỗi người trở về tầng phòng của mình để nghỉ ngơi, thiếp mới tìm tới bên cạnh tầng phòng của sư để nghe động tịnh, thì nghe sư ngâm bài thơ nôm như sau:

*Vàng vặc trắng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc ngâm senh
Người hòa tươi tốt cảnh hòa lạ
Màu Thích Ca nào thử hữu tình!*

Sư ngâm bài ấy tới ba lần. Thiếp mới vào tầng phòng của sư mà tạ từ xin về nhà thăm cha mẹ, nói rằng năm tới sẽ xin lên học đạo. Sư lưu thiếp lại một đêm, tặng thiếp kim tử.” Vua nghe nói mặt rồng không vui, than rằng: “Việc này nếu quả thực có thì chính ta là người thả lưới bắt chim; còn nếu không thì cũng không khỏi gieo sự nghi hoặc.” Vua liền mở đại hội Vô Già, thỉnh Huyền Quang đến chủ lễ. Trên bàn cúng bày biện đủ loại, lục phẩm, ngũ cúng, cà sa, pháp y và cả những tạp vật như vàng bạc châu ngọc... Huyền Quang biết mình bị hàm oan, liền “ngửa mặt lên trời thổi một hơi, lên đàn ba lượt, xuống đàn ba lượt, vọng bài thánh hiền mười phương, tay trái cầm bình bạch ngọc, tay phải cầm nhánh dương xanh, mật niệm thần chú rưới khắp trên dưới pháp điện. Bỗng thấy một đám mây đen hiện lên, bụi bay đầy trời mù mịt. Một lúc trời sáng thì mọi tạp vật trên pháp điện đều bị cuốn bay hết chỉ còn lại hương đăng và lục cúng. Ai ai cũng đều thất sắc kinh hoàng. Vua thấy hạnh pháp của sư thâu cả thiên địa, liền rời chỗ ngồi, lạy xuống để tạ lỗi... từ đó càng thêm tôn kính, xưng ngài là “Tự Pháp.”

Không

HUỆ TRÂN



Những ai học thiền, nhìn thấy chữ “Không” thì đều nghĩ ngay đến công án mang cái tên ngắn ngủi, đơn sơ này. Tưởng là ngắn ngủi mà bao thiền sinh đã khóc hận vì miệt mài đi suốt cuộc đời không gặp; tưởng là đơn sơ mà bước vào như khu rừng rậm chẳng chừa chẳng thấy nổi đường ra!

Nhưng bài viết này không nói đến thiền, đến công án. Chữ “Không.” Trong bài này là âm thanh cuối cùng thốt lên từ một nhà sư bị giam cầm, tra tấn triền miên hàng chục năm trời vì tội *“dám nói lên những sự thật mà nhà cầm quyền không cho phép nói!”*

Khi nói lên sự thật về việc dân tộc đang bị chà đạp nhân phẩm, bị đọa đầy trong ngu dốt và đói nghèo, bị tước đoạt hết mọi quyền

tự do mà tự do tôn giáo là điều thiêng liêng nhất, nhà sư đã bị ghép tội *“Âm mưu lật đổ chính quyền.”* Với tội danh này, nhà sư đã bị giam cầm từ nhà tù này sang nhà tù khác, nơi đâu cũng bị xiềng xích, bỏ đói, bỏ khát, thẩm cung, tra vấn, đánh đập...

Một nhà sư gầy ốm, tiểu tụy, đôi tay gân guốc, đôi chân khẳng khiu mà sao có sức mạnh chịu đựng nổi bao đập vùi tàn độc như thế!? Sao Sư không chấp nhận chỉ nhắm mắt tụng kinh gõ mõ, nói điều nhà nước muốn Sư nói, làm điều nhà nước muốn Sư làm, để không còn bị tra tấn dã man, để được trở về chùa, yên ổn ngày đêm tu tập, thăng hoa trí huệ cho riêng mình?

Những ai đã từng - dù chỉ một lần - khởi lên câu hỏi đó, có từng được nghe hỏi lại: “Tinh thần Bất Nhị của quý vị ở đâu?”

Đường đời nhiều lối, đường tu cũng nhiều ngã nên mới có Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa, Bồ-tát-thừa. Chỉ Bồ Tát mới mang đại-nguyên: *“Đời ác ngũ trước con nguyện xin vào trước và nhận chịu khổ lụy thay chúng sinh.”* Thế nên, nơi nào tối tăm nhất, khổ nhục nhất, là nơi Bồ Tát dẫn thân để thắp sáng sự sống nơi cõi chết.

38 năm trước, trên bản đồ toàn cầu, ở một tọa độ vùng Đông Nam Á, miền Nam nước Việt Nam, trong trại giam X4, Bộ Nội Vụ, những tù nhân ở phòng giam kế cận đều nghe rõ từng tiếng dấm đá, tiếng thân người rơi, va vào bàn ghế, tiếng chửi rủa tục tằn của kẻ đang tra tấn, nhưng tuyệt nhiên không có tiếng rên la của người bị tra tấn!

Người đang bị tra tấn không rên la nhưng những tù nhân phòng bên đều như nghe thấy tiếng vọng thâm thiết tự đáy lòng mình vì họ đều biết người đang bị tra tấn là ai!!!

Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát.

Nhà sư đang bị cơn giông bão đòn thù điên cuồng giáng xuống trên thân xác tả tơi là Hòa Thượng Thích Thiện Minh, thế danh Đỗ Xuân Hàn!

Nam Mô Đông Minh Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Những tù nhân phòng bên đều ôm đầu, nhắm mắt, co rút thân mình như chính họ đang bị tra tấn. Rồi những tiếng quát tháo vọng sang:



- Sao? Ăn đòn đủ chưa? Có ký vào giấy nhận tội không?

Người phòng bên đều nín thở. Và nghe một tiếng thều thào:

- K...h...ô...n...g...

Lập tức, tiếng roi da vút trong gió tới tấp, tiếng đấm, đá bạo cuồng... điên dại... 5 phút... 10 phút... 20... 30 phút... hay thiên thu!!!!???

- Sao, ký giấy nhận tội hay còn cứng đầu?

Bao nhiêu trái tim ở phòng bên như đều ngừng đập. Không ai bảo ai, mọi người đều chấp tay, nước mắt chan hòa khi vị Bồ Tát dùng tàn lực thắp bùng lên ánh hào quang Vô Uy qua âm thanh của tiếng sét ngang trời:

- KHÔNG!

Địa ngục sôi sục máu lửa vô minh...

Sống hay chết? Người hay vật? Mặt trăng hay mặt trời đều trộn vào máu thịt tả tơi...

Một sát na hay một kiếp đang trôi qua?

Rồi im lặng...

Chỉ còn dư âm tiếng "KHÔNG" rơi vào đất trời mệnh mang vô tận.

Tiếng "Không" này không còn đơn giản là lời phủ nhận một câu hỏi nữa. Tiếng "Không" trước khi vị Bồ Tát rời cõi Ta-bà là Cửa Không vừa mở ra, là tiếng "Không" trong Bát Nhã, là tiếng "Không" trong Tam-Giải-Thoát-Môn, là tiếng "Không" của Vô Ngã, là tiếng "Không" của 49-năm-ta-chưa-nói-lời nào...

Đó là buổi sáng ngày 17 tháng 10 năm 1978 tại trại giam X4, Bộ Nội Vụ (hay trại tù Hàm Tân?) thành phố Saigon, ngày Hòa Thượng Thích Thiện Minh xả bỏ báo thân trong quần quai, đau đớn tột cùng dưới tay chân thô bạo của những kẻ cùng màu da, cùng sắc mầu; ngày Phật tử Việt Nam nghe trên thánh không có nhạc trời đón Bồ Tát về miền Tịnh Độ...

Hôm sau, trước sân chùa Quảng Hương Già Lam ở Gò Vấp, đại lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ cầm tờ giấy báo tử trên tay, đôi giòng lệ lăn dài rơi trên mảnh giấy vô tri, nhòa nhạt tên người vừa về đất Phật. Trong thăm sâu cõi lòng đau đớn, hẳn vị sư già đang liên tưởng tới cái chết quần quai nhục thân của Đại Đức Mục Kiền Liên hơn 2600 năm trước.

Trong những đại đệ tử của Đức Thế Tôn, Đại Đức Mục Kiền Liên nổi tiếng là người dũng mãnh về thể chất lẫn tinh thần. Đại Đức luôn làm đúng, nói thẳng, nói thật dù điều đó gây nên bao ty hiềm, oán ghét với các giáo phái khác. Một sáng sớm, Đại Đức ra khỏi thiền viện với hai đệ tử thì bị một nhóm người của giáo phái đối nghịch rình chờ sẵn. Họ tấn công ba thầy trò bằng dao găm, mã tấu, gậy gộc. Khi tiếng kêu cứu của hai đệ tử vọng vào thiền viện cũng là lúc Đại Đức Mục Kiền Liên thét lên tiếng gầm của Sư Tử, rung chuyển đại địa, nghiêng ngả rừng cây khi bọn sát nhân cầm pháp nhát dao cuối cùng trên tấm thân bê bết máu.

Sự việc này xảy ra khi Đức Thế Tôn đang



hoảng pháp ở miền Nam Ấn, lúc trở về thì nhục thân Đại Đức đã được làm lễ trà tỳ, tro xương được gom trong bình cốt nhỏ.

Đức Thế Tôn lặng lẽ nâng bình tro cốt người đệ tử thân yêu bằng hai tay và cảm nhận được bao tiếng nấc nghẹn bi thương của tăng đoàn đang quỳ mọp xung quanh. Lặng sâu quán niệm trong giây lát, xong, Đức Thế Tôn nhìn một lượt khắp tăng đoàn và chậm rãi nói:

- Nay các vị Tỳ-kheo, được làm người rất khó mà đời người lại quá mong manh. Các vị hãy tinh tấn tận dụng kiếp huyền giả này, lấy việc làm lợi ích chúng sinh là hành trang trên đường nỗ lực tìm giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Các vị sẽ thanh thản trước lễ hợp tan khi các vị biết dừng mãnh nhìn sinh tử như hoa đốm giữa hư không.

Cả tăng đoàn chấp tay, cúi đầu lãnh ý.

Vì ganh ghét, Đại Đức Mục Kiền Liên đã bị thảm sát! Nhưng đó chỉ là sự ganh ghét từ một giáo phái.

Vì nói lời chân thật bảo vệ Đạo Pháp và dân tộc, Hòa thượng Thích Thiện Minh đã bị cả một tập đoàn nhà nước liên tục hành hình cho tới chết!!! Cả một tập đoàn với đầy đủ quyền uy, dư thừa khí giới đã thẳng tay sát hại một người tu hành gầy ốm không tác sát trong tay!

Chỉ hình ảnh tương phản này thôi, đủ nói lên nỗi sợ hãi tột cùng của bạo quyền trước hạnh -vô-úy của vị Bồ Tát vào đời độ sinh, sống vì Đạo, chết vì Đời, trong sinh tử không nhiễm ô, nơi Niết Bàn không diệt độ.

38 năm đã qua, ngọn đuốc Thiện Minh vẫn rực sáng vì đuốc đó được đốt lên bằng Lửa Bản Thể của người quyết đi trên con đường Trung Đạo. Những ai tự nguyện tuân lời Phật dạy: "Hãy tự đốt đuốc lên mà đi" phải nghĩ gì, làm gì, để ngọn đuốc của mình không tàn lụi trước khi qua được Bồ Đề Kia?

"Gate! Gate! Paragate! Parasamgate! Bodhi Savaha!"

Huệ Trân

(Năm vóc sát đất, một nén trầm hương kính dâng Bồ Tát)

TIỀN BẠN

*Buổi sáng sớm tiếng chim kêu gọi đàn
Tung cánh bay chào đón một ngày tươi
Một ngày mới với bao điều huyền diệu
Xin chấp tay hưởng trọn một ngày vui*

*Nhưng cuộc đời bao giờ như ý nguyện
Thoáng bên tai người bạn đã ra đi
Lòng bồi hồi nhớ lại những ngày xưa
Chung bóng dưới một mái trường Phật học*

*Trường Đại Tòng Lâm - Ni Viện Thiện Hòa
Lớp cơ bản rồi đến lớp cao đẳng
Suốt tám năm lục hòa chung vui vầy
Chong đèn sách rèn luyện thể dục đức*

*Bao kỷ niệm một thời ni sinh trẻ
Ước mơ nhiều sứ giả của Như lai
Tung cánh đi mỗi người nhiều ước vọng
Phụng sự đời để báo Phật ân đức*

*Rồi mỗi người theo hạnh nguyện ra đi
Nhiều đưa bạn ra phương trời hải ngoại
Bạn trở về Thành Nội xứ Thần Kinh
Thay sư phụ kẻ vai làm Phật sự*

*Tôi nơi đây hình dung bóng hình bạn
Nụ cười hiền đôi má lúm đồng tiền
Trong tông môn thì gọi là Sư Chú
Tuy tuổi nhỏ nhưng chức cao vời vợi*

*Ngày mai này thân trả về cát bụi
Nền tâm hương xin vọng hưởng cố đồ
Tiền bạn hiền thanh thân chôn liền trì
Cùng câu hội chư Bồ tát bạn lữ.*

Hương giải thoát tung bay lan ngào ngạt
Nhã nhạc thiền mát dịu chốn nhơn thiên
Về Cực lạc Tây phương miền tịnh cảnh
Lại ta bà chí nguyện độ quần sanh.

(Kính viếng bạn Thích Nữ Hương Nhã
trụ trì chùa Thành Nội Huế)

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Chùa Bát Nhã, California, USA, 01/9/2016



Mùa nước trong xưa

THU NGUYỆT

Trong nỗi nhớ, hồi trước, đất trời quê ta chỉ có hai mùa: Mùa nước trong và mùa nước đục.

Mùa nước đục bắt đầu từ mừng năm tháng năm âm lịch, dân mình kêu bằng con nước quay. Lúc này, con sông đậm ngọt màu gạch non, màu của phù sa đất đai từ nhiều vùng trôn lại. Nhìn sông lúc này lòng cũng thấy như trộn lẫn mấy nỗi bồi hồi, man mác, da diết... một điều gì đó rất xa. Có lẽ đó là dư âm ký ức của những mùa nước nổi quá ấn tượng, đã in sâu vào trong tiềm thức người miền Tây Nam bộ. Hễ nhìn nước đục là biết sắp đến mùa nước đổ. Đôi khi người ta còn nhìn màu nước mà đoán mực nước năm đó sẽ cao đến bao nhiêu.

Mùa nước trong là mùa bắt đầu những cơn gió chướng. Khi cái lạnh se se thổi, là những hạt phù sa hiền khô của đất phước Nam - vốn thường quen nắng ấm - lau nhau trôn lạnh, lặn núp xuống đáy sông, nhường lại cho dòng nước trong veo trôi nhẹ hững.

Mùa nước trong cũng là thời điểm cắt lúa mùa. Những ghe chở lúa mùa từ đồng sâu nối đuôi nhau về xóm, chui qua những chiếc cầu tre soi bóng xuống dòng nước trong vắt, nhìn thấu suốt đến tận chân cầu.

Giữa mùa nước trong là những ngày dành cho các cô thôn nữ miệt ruộng như mình tập tành công-dung-ngôn-hạnh. Đó là mùa chuẩn bị đón Tết.

Với mình, quê đẹp xôn xao và hực hỡ nhất là những ngày nước trong. Các cây cầu bến

sông trước nhà ríu rít tiếng nói cười, hỏi thăm, chỉ vẽ nhau cách làm bánh mứt, dưa cà dưa kiệu của mấy cô, mấy dì, mấy thiềm. Nhà ai cũng có một cây cầu bến sông. Mình thích nhất là mang rau cải xuống bến để rửa vào những ngày này. Trời ơi nó đẹp! Có lần, má mua mấy chục cải làm dưa, kêu đem xuống bến rửa. Mình đội



thúng cải xuống bến, hứng chí quăng rài hết mấy chục cây cải xuống dòng nước trong xanh đang chảy nhẹ như ru. Những cây cải bẹ xanh như những cái hoa bèo vĩ đại, trôi lật nghiêng lật ngửa giữa dòng nước xanh trong. Mình thích chí đứng ngó đã đời rồi mới nháy ồm xuống vớt! Vui muốn chết!

Thích nhất là những món quà vớt được bất ngờ từ sông. Khi thì trái mận chín, khi thì trái dưa bị chuột cắn cuống, rớt tạt vào sông; thậm chí có khi là một trái dưa hấu to tròn, xuống ai chờ đấy, lặn xuống trôi theo dòng nước. Những thứ ấy nhiều khi không ăn được, nhưng vẫn mừng hóm như bắt được lộc

trời. Hồi nhỏ, tắm sông chẳng đứa nào mà không vớt được vài thứ gì đó. Sông giàu thiệt!

Mùa nước trong, tắm sông, con sông thì hẹp, xuống người này người kia bơi qua bơi lại liên liên, là con gái có ý tứ thì phải luồn tay đập cho động nước mỗi khi có xuống ai bơi qua kể bên mình, bởi nước xanh, mặt nước mà yên là sẽ trong suốt như một tấm gương, nhìn thiếu điều thấy luôn tới cẳng. Mấy chuyện này má hồng dạy nhưng nhiều đứa con gái tự biết. Tóm lại, tắm sông mùa nước trong, mọi tay hơn mùa nước đục.

Mà vui...

Nước bây giờ biết có còn trong đẹp như xưa? Những dòng sông bây giờ khác lắm. Lúa mùa hầu như không còn nữa, cầu khi cũng vắng bóng dần; bánh mứt, dưa cải dưa kiệu bốn mùa đều có, cầu bến thưa dần những bóng người í ới gọi nhau. Gió chướng vẫn se lạnh như ngày nào mà sao nước sông dường như ít trong hơn trước? Có phải những hạt phù sa ngày nay không còn nhát lạnh, hay trong dòng trôi bây giờ nước không chỉ chứa phù sa của đất đai. Tất cả đã ô nhiễm quá nhiều!

Mà thôi, thời gian luôn mang đi và mang đến những điều ắt phải. Đất trời vẫn bốn mùa thay đổi hồn nhiên, ta đại gì ăm ức mãi cho phiền!

Sông vẫn đó, vẫn hết mùa nước đục đến mùa nước trong; trong đục mỗi thời đâu thể mãi giống nhau. Mọi điều cũng vậy.

Ta biết, đâu đó giữa đời, ngược xuôi trôi dạt khắp nơi, đâu chỉ mình ta vẫn dạt dạt trong lòng những mùa nước trong như thế.

The Story of Uttara the Lay-Disciple

Dhammapada, Verse 223

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (223) of this book, with reference to Uttara, a female lay-disciple.

Uttara was the daughter of a farm laborer named Punna and his wife. Punna worked for a rich man named Sumana, in Rajagaha. One day, Punna and his wife offered alms-food to Thera Sariputta soon after his arising from sustained deep mental absorption (nirodha samapatti), and as a result of that good deed they suddenly became very rich. Punna came upon gold in the field he was ploughing, and the king officially declared him a royal banker.

On one occasion, the family of Punna offered alms-food to the Buddha and the Bhikkhus for seven days. and on the seventh day, after hearing the Buddha's discourse, all the three members of the family attained Sotapatti Fruition.

Later, Uttara the daughter of Punna married the son of the rich man Sumana. That family being non-Buddhist, Uttara did not feel happy in her husband's home. So, she told her father, "My father, why have you put me in this cage? Here, I do not see any Bhikkhu and I have no chance to offer anything to any Bhikkhu." Her father felt sorry for her and sent her fifteen thousand in cash. With this money, after getting permission from her husband, Uttara engaged a courtesan to look to the needs of her husband. So it was arranged that Sirima, a well-known and very beautiful courtesan, was to take her place as a wife for fifteen days.

During that time, Uttara offered alms-food to the Buddha and the Bhikkhus. On the fifteenth day, as she was busy preparing food in the kitchen, her husband saw her from the bedroom window and smiled, and then muttered to himself, "How foolish she is! She does not know how to enjoy herself. She is tiring herself out with this alms-giving ceremony!" Sirima saw him smile, and forgetting that she was only a paid substitute wife felt very jealous of Uttara. Being unable to control herself, Sirima went into the kitchen and got a ladleful of boiling butter with the intention of pouring it over the head of Uttara. Uttara saw her coming, but she bore no ill will towards Sirima. She reflected that because Sirima had stood in for her, she had been able to listen to the dhamma, make offerings of alms-food for fifteen days, and perform other acts of charity. Thus she was quite thankful to Sirima. Suddenly, she realized that Sirima had come very close to her and was going to pour boiling-hot butter over her; so she made this asseveration: "If I bear any ill will towards Sirima may this boiling-hot butter burn me; if I have no ill will towards her may it not burn me."

As Uttara had no ill will towards Sirima, the boiling butter poured over her head by Sirima was just like cold water. Then Sirima thought the butter must have gone cold; and as she went for another ladleful of boiling butter, the attendants of Uttara fell upon her and beat her hard. Uttara stopped her attendants and instructed them to rub Sirima with medicinal ointment.

Then, Sirima remembered her true position and she regretted that she had done wrong to Uttara and asked Uttara to forgive her. To her Uttara replied, "I have my father; I shall ask him whether I should accept your apology." Sirima then said that she would readily go and apologize to the rich man, the father of Uttara. Uttara then explained to Sirima, "Sirima, when I said 'My father', I did not mean my real father, who had brought me into this round of rebirths. I was referring to my father, the Buddha, who had helped me break the chain of rebirths, who had taught me the Dhamma, the Noble Truths." Sirima then expressed her wish to see the Buddha. So it was arranged that Sirima should offer alms-food to the Buddha and the Bhikkhus on the following day at the house of Uttara.

After the meal, the Buddha was told everything that had happened between Sirima and Uttara. Sirima then admitted that she had done wrong to Uttara and requested the Buddha that she should be forgiven, for otherwise Uttara would not forgive her. The Buddha then asked Uttara how she felt in her mind, when Sirima poured boiling butter on her head, and Uttara answered, "Venerable Sir, because I owed so much to Sirima, I had resolved not to lose my temper, not to bear any ill will towards her. I sent forth my love towards her". The Buddha then said, "Well done, well done, Uttara! By not bearing any ill will you have been able to conquer one who has done you wrong through hate. By not abusing, you should conquer one who abuses you; by being generous you should conquer one who is stingy; by speaking the truth you should conquer one who tells lies."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 223: Conquer the angry one by loving-kindness; conquer the wicked by goodness; conquer the stingy by generosity, and conquer the liar by speaking the sole truth.

At the end of the discourse Sirima and five hundred ladies attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

NĂM GIỌT MẬT

thơ

Ngày xưa có kẻ tử tù
Một ngày vượt ngục chạy như điên cuồng
Trốn cho mau, vội tìm đường,
Phía sau lính gác rộn ràng rượt theo
Xua hai voi dữ hiểm nghèo
Vòi vươn dài thướt, miệng kêu vang ầm,
Trong con hốt hoảng tâm thần
Chẳng may chàng lại sa chân dọc đường
Rơi vào miệng giếng thâm thương
Giếng sâu hun hút khiến chàng hoảng kinh
Vung tay quờ quạng quanh mình
Thấy cây buông rể rung rinh lưng chừng
Chàng ôm thật chặt, vui mừng
Phen này tưởng thoát. Tìm đường trèo lên
Nào ngờ ngay miệng giếng trên
Hai con voi dữ đến bên kiểm người
Rống vang náo động đất trời
Cỏ cây giẫm đạp toại bởi thị uy.
Chàng tù hãi sợ kể chi
Tính đường tụt xuống đáy kia cho rồi
Nhưng khi nhìn xuống, chao ơi!
Ba con rồng lớn uốn người dưới sâu
Giờ nanh, múa vuốt, vươn đầu
Phun tia lửa nóng, phun màu đỏ thiêu
Muốn bay lên chỗ dây leo
Nuốt chàng vượt ngục đang trèo nơi đây.
Chàng bèn bám chặt rễ cây
Tưởng rằng lưng lẳng thế này tạm yên
Ác sao ngay ở phía trên
Hai con chuột cống cắn liền đầu dây
Một đen, một trắng to thay
Đua nhau gặm nhấm rễ này mãi mê.
Nhìn quanh thành giếng cận kề
Chợt trong hang hốc bốn bề nhô ra
Bốn con rắn độc hít hà
Ngóc đầu thè lưỡi mổ qua thân người.
Chàng toan leo tuốt lên thôi
Mong tìm đường thoát khỏi nơi chốn này
Nhưng đuối sức, lại yếu tay
Miệng khô, cổ cháy, thân đầy mồ hôi Anh

chàng giữa mặt thốt lời:
"Trời ơi sao nữ hại tôi thế này!"
Chùng như sắp tắt thở ngay
Trong cơn tuyệt vọng dâng đầy tim cô
Anh chàng há miệng lấy hơi
Thở vào một chút khí trời thanh thang.
Một bầy ong chọt bay ngang
Làm rơi mật xuống miệng chàng ngọt thơm
Đủ năm giọt mật vàng ươm
Chàng bèn nhấp mật vào luôn miệng chàng
Ngọt ngào, thơm phức, mơ màng
Thế là mê tít tâm can mất rồi
Và trong giây phút tuyệt vời
Đã quên đi mất giếng khơi hiểm nghèo
Quên đi tình cảnh cheo leo
Quên đi tính mạng đang treo chỉ mảnh.

*

Ngẫm trong kiếp sống mong manh
Đủ năm lạc thú vây quanh chẳng rời:
Tiền tài quyến rũ con người
Từng gây bạc bẽo từ thời xa xưa;
Ái tình, sắc dục đong đưa
Tắm gương kim cổ đã thừa đón đau;
Miếng mồi danh vọng đua nhau
Như bong bóng nước tan mau mất hồ;
Chuyện ăn uống mãi ham lo
Từng gây nhục nhã ra cho bao người;
Chuyện ham ngủ nghỉ thành thói
Chăm lo thân xác tức thời mau quên
Tắm thân "tứ đại" chẳng bền
Sớm tan như giọt sương trên cỏ làn.
Chúng sinh "ngũ dục" mãi ham
Như ham năm giọt mật tan miệng người
Thơm ngon, quyến rũ tuyệt vời
Khiến người quên mất cuộc đời hiểm nguy
Khổ đau quên mất còn chi
Nhớ đâu đường đạo từ bi mà về.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

THỊ KÍNH

Ns. Thích Nữ Như Thủy

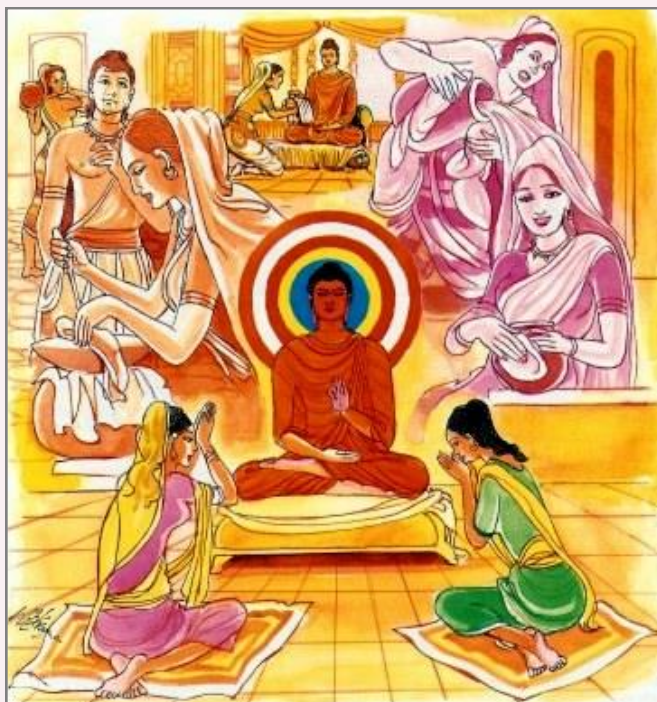


Thị Kính là một thiếu nữ con nhà khuê các, công dung ngôn hạnh đều đầy đủ, được cha mẹ gả cho Thiện Sĩ, một chàng trai phong nhã, thuộc hàng hộ đối môn đăng.

Nhân một việc hiểu lầm, Thị Kính bị chồng tử hôn và gởi trả về nhà cha mẹ. Chán chê cho cái phận nữ nhi trong thời phong kiến, Thị Kính bèn giả dạng tu mi, xuất gia tại một ngôi chùa quê, quyết đoạn tuyệt với cái thế gian đa sự.

Nào ngờ, dung mạo dễ coi của chú tiểu giả trai này lọt vào mắt xanh của nàng Thị Mầu. Bên vô tình bên hữu ý... nhưng rồi cuộc, Thị Mầu cũng đổ cho chú tiểu tội dụ dỗ mình và bắt nuôi đứa bé không cha.

Mọi việc chỉ rõ ràng khi chú tiểu lìa đời. Đó là đại ý câu chuyện của nàng Thị Kính, một thiếu nữ Cao Ly mà người ta cho rằng hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm.



Em thân mến!

Câu chuyện của nàng Thị Kính đã được các văn nhân, thi sĩ cùng các nhà viết tưởng, kịch chèo... khai thác khá nhiều nên tôi không

cần kể lể dài dòng. Tôi chỉ muốn bổ túc thêm những gì mà người ta chưa đề cập đến (theo kiểu điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa ấy mà).

Chúng ta đã hiện diện trên cõi đời này thì phải thuộc vào một trong hai phái thật rõ ràng nam hay nữ.

Sau khi phân loại về giới tính, chúng ta còn phải trải qua một loạt phân loại nữa: đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, khôn hay ngu, giỏi hay dở, may hay rủi, v.v...

Lẽ dĩ nhiên là ai cũng ao ước được như bà Thị Kính: đẹp đẽ, giàu sang, may mắn... kiếm được một tấm chồng ưng ý... thì dùng một cái "bụng con mắt dậy thấy mình tay không." Sự mất mát quá to lớn khiến bà chịu không nổi và không thể nào nguôi ngoai được. Như một con chim bị đạn, bà né luôn những cành cây cong. Bà đổi giới tính từ nữ ra nam, đổi nếp sống giàu sang thành cơ cực, đổi sự đa đoan của thế tục bằng nếp sống của nhà tu... thì lại gặp ả Thị Mầu. Lần này thì vô phùng thoái thác và trốn tránh, bà đành ẩn nhẫn nuôi đứa trẻ bơ vơ... không giận hờn hay oán trách gì hết. Đến lúc ấy, thể nhân mới thỏa thuận và tôn bà là Bồ Tát, là Phật Bà Quan Âm... là hóa thân chẳng hạn...

Em thân mến!

Ngày hôm qua tôi về thăm thành phố trên một chiếc xe ca. Suốt ba giờ ngồi bó rọ trên xe, tôi và người chung quanh đã bị hành hạ không ít vì một chú bé gần ba tuổi. Chú bé này không chấp nhận nỗi sự bình lặng ù lì của một chiếc xe đang chạy giữa cơn mưa với các hành khách ngồi ngủ gà ngủ gật, nên sau khi ăn quà và nghịch chán chê với cái lưng ghế, chú ta nhất định đòi xuống xe cho bằng được. Chú ta hét, gào khóc vật mình vật mẩy, hành động hoại thể chú, làm điều đứng bà mẹ và điếc tai người chung quanh chỉ vì một ý định không tài nào thực hiện được.

Chúng ta có giống chú bé con trên không nhi? Chúng ta ước ao hạnh phúc nhưng không chấp nhận nỗi cái hạnh phúc bình thường, tẻ nhạt đều đều của một nếp sống quân bình: ăn, uống, ngủ, nghỉ, đi làm, bệnh, già rồi chết. Chúng ta luôn luôn đòi hỏi, vò vĩnh cái bất khả, hết như thăng cu con trên chuyến xe vậy. Ta phải là người đẹp nhất, khỏe nhất, sang nhất, được chịu đựng nhất... ta phải trẻ mãi

BÃO TAN...

*Gió thổi
Mây về
Cuồn cuộn góc trời Đông
Ngọn lúa phát phơ
Dân nghèo chưa kịp gặt
Nước lũ tràn về theo những cơn giông...*

*Tự hỏi chính ta bão thiên nhiên hay bão cõi lòng
Ngàn năm đó ngập trời vàng lá úa ?*

*Bão tố cuồng quay
Gió thổi... trắng màu kỷ ức
Được hay mất ai nào phân biệt rõ
Còn lại bầu trời một khoảng sáng trong veo...*



thơ HỒ BÍCH HỢP

không già, đẹp hoài không xấu, sống nhàn... không bao giờ chết. Chúng ta không chịu nổi sự biến dịch vô thường nhưng cũng không chịu nổi cái vĩnh hằng, bất biến. Không được thì buồn, mà được thì cũng buồn cũng chán. Buông cái này chụp cái kia, phải thay đổi sở thích hoài hoài là trò chơi của con trẻ, gặp sự bất như ý thì khóc la gấu ó và làm phiền người chung quanh bằng các lời cằn nhằn cửi nhửi của mình... Đó là hành động của chú bé con trên chuyến xe ca, của nàng Thị Kính khi bị từ hôn và của toàn thể nhân loại đang tu hành trong thế gian này vậy.

Khi chú tiểu Kính Tâm bằng lòng ra tam quan ở, bằng lòng nuôi đứa trẻ, cho nó gọi mình bằng cha, ẵm nó vào xóm làng nhận tất cả những lời mắng nhiếc mỉa mai, để xin sữa cho nó bú... thì chú tiểu đã có thái độ của một người lớn đi xe. Không phải chuyện khi không mà chúng ta hiện diện trên cõi đời này. Phải chen lấn, xếp hàng, giành giật, trả tiền, năn nỉ... mới chiếm được một ghế. Tưởng là vui lắm ai dè buồn hiu. Sau một hồi khóc lóc vật vã và khóc kể đòi xuống không được đành phải chấp

nhận đi đến đích cuối cùng là bến đỗ.

Khóc la, phản đối, làm ầm ĩ lên, hành hạ mình và người chung quanh là hành động của đứa bé con, của hàng phàm phu tục tử; chấp nhận thực tại, không làm khổ mình và người bằng những đòi hỏi viển vông bất khả, tự tại và tự do khi đến và đi, lên và xuống là thái độ của một hành khách người lớn, đã tự lập, không còn nương tựa, bám víu vào ai... Đó cũng chính là thái độ của một vị Bồ Tát, một con người giác ngộ... Vẫn ăn ngủ hít thở trên đời như bao nhiêu người khác, vẫn sinh già bệnh chết hết thường nhân. Có khác chăng là Bồ Tát chấp nhận thể giới hiện thực với một nụ cười thay cho lời than thở, gây gổ... và nhất là không làm phiền người khác bằng những ước vọng điên cuồng, ích kỷ, bất khả thực hiện của cá nhân mình... Vì các ngài không còn mong ước. "Vô sở cầu hạnh" là một trong những lối để vào cửa thiền thất là thế!

(trích từ Hư Hư Lục
của Ns. Thích Nữ Như Thủy)

VÔ THANH SẮC TƯỚNG

Lê Huy Trứ

Hakuin Ekaku (Bạch Ẩn Huệ Hạc, January 19, 1686 - January 18, 1768) là một thiền sư Nhật nổi tiếng đã có công gây dựng lại dòng thiền Lâm Tế ở Nhật Bản với lối dạy rất cụ thể về tọa thiền và công án. Ngài cũng là tác giả của công án 'Âm thanh của một bàn tay.' Chúng ta đã nghe quá nhàm tiếng vỗ của hai bàn tay, cũng như được nhiều sách vở giảng về thế nào là tiếng vỗ tay của một bàn tay nhưng không ai nghe tiếng vỗ tay của 'độc thủ đại hiệp' hay bằng 'hiệp sĩ mù nghe gió kiếm.'



Thiền sư Hakuin Ekaku, tự họa

Hakuin viết "Núi, sông và mặt đất này tất cả đều là tai của ta. Những gì ngập tràn tai ta, từ nguyên thủy của nó không phải là âm thanh [white noise, tiếng ồn. THL]. Ta có thể lắng nghe sâu sắc mà không cần đến lỗ tai của mình... mà thật ra không có mắt, không có tai mới chính là cái thấy [quán quang sắc] và cái nghe [quán âm thanh] chân thật nhất."

Trong bài Âm thanh của một bàn tay, Nguyễn Duy Nhiên viết: Mỗi bức tranh của thiền sư Hakuin là một bài pháp thoại, một công án cho người xem. Ông sử dụng những hoàn cảnh bình thường trong sinh hoạt hằng ngày để đưa chúng ta bước vào thế giới chân thật. Như trong bài Tọa Thiền Hòa Tán, The Song of Zazen, thiền sư Hakuin viết

*Tất cả chúng sinh bản lai là Phật
Cũng như băng với nước
Ngoài nước, không đâu có băng
Ngoài chúng sinh, tìm đâu ra Phật?
Đạo gần bên mình mà chẳng biết*

*Bao người tìm kiếm xa vời — Đáng thương!
Đó cũng như người nằm trong nước
Gào khát cố xin được giải khát
Và như nếu chúng ta biết nghe được tiếng
vỗ của một bàn tay thì,
Đạo bản lai thanh tịnh hiện thành
Thế giới này là thế giới của Liên hoa tạng
Và thân này là Pháp thân của Phật.*

*

*Nirvana is right here, before our eyes,
This very place is the Lotus Land,
This very body, the Buddha
(Nguyễn Duy Nhiên)*

Tương tự như trong truyện Tam Quốc, Quan Công Đốn Ngộ, khi Sư Phổ Tịnh nghe và biết (quán và kiến) tiếng kêu đòi trả lại thủ cấp của Quan Vân Trường, rung rợn thê lương như tiếng sấm rền nổ trên chân không, liền bước ra khỏi am, cầm cây phất trần gỗ vào cửa chùa (cửa Không) mà hỏi "Vân Trường an tại?" Câu hỏi đơn giản đó nghe như tiếng hét sư tử hồng của Lâm Tế. Phổ Tịnh một tay cầm phất trần, gỗ vào cửa Không (cửa chùa) cũng như câu chuyện thiền Nhật Bản, tiếng vỗ của một bàn tay. Tôi xin gọi đó là tiếng gõ cửa Không (vô môn quan).

Nên biết, cái âm thanh như sấm rền trên chân không cũng như tiếng gõ cửa không lẫn những đối thoại, nghe và ngộ của người phát âm và kẻ nghe âm thanh đều không phải là những âm thanh mà kẻ còn vô minh nghe được bằng lỗ tai phàm tục. Chỉ có kẻ giác ngộ mới quán được âm bát nhã giai không bằng Phật nhĩ – tiếng động vô thanh.

Trong Lời Phật Dạy Và Khoa Học, Toàn Không viết: Có một lần Phật bảo các Tỷ-kheo: "Âm thanh của ta, các ông, và của mọi người không mất, nó sẽ còn mãi mãi."

Toàn Không giải thích tiếp, "Ngày nay chúng ta đã giữ được âm thanh, có đài phát thanh, truyền hình, vô tuyến điện thoại, băng, đĩa, DVD, CD... Ngoài ra, các nhà khoa học còn cho biết họ đã nhận được nhiều tín hiệu từ rất xa ngoài hành tinh của chúng ta, mặc dù chưa tín hiệu nào được xác nhận chính thức..."

Tóm lại, những làn sóng âm thanh (tiếng động) và ngay cả vô lượng động nghiệp vượt thời gian và không gian như dòng tâm thức tìm đến nhau, hợp tan bởi những điều kiện nhân duyên phức tạp rồi lại tạo ra những nghiệp quả

và cứ luân hồi biến chuyển vô thường như thị, không bao giờ ngừng trôi với không-thời gian trong vũ trụ. Ngày nay, khoa học còn chứng minh và phân tích được những tầng siêu thanh mà lỗ tai của con người không thể nghe được. Đây có thể là thâm ý viên diệu của thiền sư Hakuin khi ngài đã quán sắc âm và ngộ được chân lý cho nên viết ra công án: Tiếng vỗ của một bàn tay!

Khi chúng ta ở ngoài khí quyển, trong không gian tĩnh tĩnh, như các phi hành gia, hay thậm chí đảo bị ngạt, qua bờ tối bên kia (dark matter and dark energy) thì chúng ta không những sẽ nghe được tiếng vỗ của 'một bàn tay' mà còn nghe được tiếng vỗ sấm sét của 'không bàn tay' của bờ bên kia) – Quán được luôn cõi vô thanh vô sắc giới của vũ trụ.

Trong cuốn sách *Phật Giáo và Vũ Trụ Quan*, Chương 8, Vũ Trụ vạn pháp trong lỗ chân lông, tôi đã viết: Bồ Tát trụ ở Phép giải thoát không thể nghĩ bàn có thể biến tất cả âm thanh trong thế giới mười phương thành tiếng vô thanh của Phật, diễn ra những tiếng vô thường, khổ, không, vô ngã. Một tiếng chuông, tiếng mõ, một tiếng chim kêu, tiếng ngói vỡ, lá trúc reo, tiếng sóng vỗ, hay một tiếng sư tử hống, ... ở trần ai đã nói lên tất cả các pháp Phật vô thanh. Tiếng động vô thanh của độc thủ vỗ tay trong Chân Như tịnh tĩnh làm ta bừng tỉnh ngộ.

Khi đã bàn về Quán Âm (nghe âm thanh) thì không thể không bàn luôn về Quán Quang (thấy quang minh tạng) vì chúng đi đôi với nhau như hình với bóng. Trong sắc (light) có thanh (noise,) trong thanh có sắc.

Tôi xin phân tích và nhận định chương Thập Như Thị, tác Giả Nikkyō Niwano, Anh Ngữ dịch Kōjirō Miyasaka, Việt Ngữ dịch Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn như sau:

Sự hiện hữu của tất cả các sự vật (chư pháp) nhất định có sắc tướng. Đây gọi là Như Thị Tướng (tướng nó như vậy.) Tuy nhiên, Như Thị Tướng này chỉ áp dụng được cho cõi sắc giới sum la vạn tượng chứ không như thị tri kiến được cho cõi vô sắc giới, (không sắc tướng, dark matter).

Cái gì có một sắc tướng thì nhất định có một bản tính. Đây gọi là Như Thị Tính (tính nó như vậy.) Điều này bổ sung cho điều trên. Hơn nữa, chúng ta lần khoa học cho đến bây giờ vẫn chưa biết vô sắc giới của bờ bên kia có bốn tính hay không? Nhưng Phật Giáo đã nói đến Tính Không này từ 2600 năm về trước.

Cái gì có một bản tính thì nhất định có một

chất thể. Đây gọi là Như Thị Thể, (thể nó như vậy, thể tích, khối lượng, không gian và thời gian). Như 2 điều trên, chúng ta chưa biết thể vô sắc giới bản lai diện mục như thế nào?

Cái gì có một chất thể thì nhất định có năng lực. Đây gọi là Như Thị Lực (năng lực như vậy, chân khí, energy kể cả dark energy). Điều này thì con người đã biết từ lâu và khoa học đã chứng minh nhưng họ chỉ suy ra là dark energy có thể hiện hữu do từ đo đạt được sóng trọng trường (gravitational waves).

Khi nó có năng lực, nhất định nó tạo ra nhiều chức năng hướng ngoại khác nhau. Đây gọi là Như Thị Tác (như thị tương dung, tương tác, luật nhân duyên và nghiệp quả cấu tạo ra vũ trụ). Vô số vật thể có hình thể hiện hữu trong vũ trụ. Vì thế, các chức năng hướng ngoại của chúng có liên hệ hỗ tương với tất cả các sự vật. Không có cái gì trong vũ trụ là một hiện hữu riêng lẻ không có liên hệ gì với các sự vật

khác. Tất cả các sự vật đều có nhưng liên quan phức tạp với nhau. Chúng phụ thuộc lẫn nhau và qua tác động hỗ tương của chúng, chúng tạo ra nhiều hiện tượng khác nhau. Nguyên nhân tạo ra những hiện tượng như thế được gọi là Như Thị Nhân.

Dù có một nguyên nhân, nguyên nhân ấy cũng không tạo ra kết quả nếu nó không tiếp xúc với một cơ hội hay điều kiện nào đó. Một cơ hội hay điều kiện như thế được gọi là Như Thị Duyên (nguyên nhân thứ yếu như thế). Khi một nhân (nguyên nhân chủ yếu) gặp một duyên (nguyên nhân thứ yếu) thì một hiện tượng, tức kết quả, được tạo nên. Đây gọi là Như Thị Quả.

Một kết quả không chỉ tạo ra một hiện tượng mà còn để lại một dấu vết hay tồn dư nào đó. Cái chức năng để lại một dấu vết hay tồn dư được gọi là Như Thị Báo.

Như thị tôi thấy, 3 cái Như Thị Nhân Quả Báo trên đây kinh Phật đã nói đến và được diễn tả tuy ngắn gọn nhưng tương đối rõ ràng như thị ở trên cho nên không cần phải bàn thêm. Tuy nhiên, bờ bên kia có thể không có/còn nhân-quả-báo để mà như thị?

Theo tôi, 9 Như Thị trên chỉ áp dụng cho cõi thanh sắc giới thường xảy ra liên tục trong cá nhân, xã hội con người và trong cái tổng thể tương quan của vũ trụ mà con người có thể như thị được trong khả năng hạn hẹp của ngũ uẩn. Như Thị Vũ Trụ liên hệ với nhau một cách chặt chẽ và rất phức tạp bởi vô lượng cộng nghiệp lẫn biệt nghiệp (infinite probabilities and combinations) như Lưới Đế Châu khiến cho trong hầu



hết những trường hợp, con người không thể phân định được trước sau cái nào là nhân, cái nào là quả, và cái nào là báo? Nhưng hình như các như thị này không bao giờ không vận hành theo quy luật của chân lý phổ quát và không chúng sinh nào, không sự vật nào và không chức năng nào trong cõi sắc giới thoát khỏi quy luật này. Mọi sự vật đều vận hành theo Luật Thập Như Thị của vũ trụ, từ tướng cho đến báo, tức là từ đầu cho đến cuối. Đây là ý nghĩa của “như thị bốn mặt cứu cánh đẳng” (tổng thể cơ bản rốt ráo từ đầu đến cuối, universal life cycle of as-is law.)

Tôi nghe như vậy: Tất cả các pháp kể cả con người, và những liên hệ giữa các pháp với nhau, điều này được thiết lập bởi quy luật gọi là Thực Tính của Toàn Bộ Hiện Hữu (Chư Pháp Thực Tính.)

Những cõi sắc nêu trên đây được vận hành theo 10 cách mà Luật Thập Như Thị đã nêu rõ. Tuy nhiên, kinh điển dù có đề cập đến Vô Sắc Tướng nhưng chưa thấy nói đến Luật Bất Thập Như Thị của Vô Sắc Giới. Cho nên chưa có gì bảo đảm là 10 cái như thị này có áp dụng được và thị nổi cho bờ ‘anh minh nhưng tối thui’ (dark side) bên kia không? Vô Sắc (không vật) kéo theo Vô Thanh (không âm) nơi đó không có ánh sáng lẫn tiếng động để quán Quang Âm mà chiếu kiến ngũ uẩn giai không như cõi âm thanh sắc giới. Vì không thấy và biết được qua 18 căn trần thức và vì chúng ta vô minh nên gọi bờ bên kia là ‘Vô Minh’ (dark, không sáng, tối đen). Theo tôi, Vô Thanh Sắc Tướng của bờ tối bên kia không có hay cần luật như thị vì khi không có ngũ quan (không mắt, không tai, ...) thì không cần đặt ra luật thập như thị để ngũ quan như thị sai lầm về như thị. Ở đó, không thể nghe thấy để thuật lại ‘tôi nghe như vậy,’ không thấy như vậy để như thị tri kiến được, không ngôn ngữ, danh tự để như thị ngã văn nhưng ở bên đó là bất khả tư nghĩ vì không biết cái bản lai diện mục của nó là cái gì để mà tư nghĩ.

Chúng ta phải biết mở tâm trí để buông xả đi những thành kiến, phân biệt nhị nguyên và những kết luận tiên kiến sẵn có của tập tục vô minh từ vô lượng kiếp dựa vào phương tiện của 18 lăng kính căn trần thức được cấu tạo từ ngũ uẩn giai không, thay đổi vô thường trong sát-na, mới có thể nghe được âm thanh của tiếng vỗ của một bàn tay, như thiền sư Hakuin nói: Thật ra không có mắt nhưng không đui, không có tai nhưng không điếc, vô trí thức nhưng không phải bất trí tuệ, mới chính là cái thấy,



cái nghe và cái biết chân thật nhất. (Trong *Đạo Phật Ngày Nay: Một Diễn Dịch Mới Về Ba Bộ Kinh Pháp Hoa*, Tác Giả: Nikkyō Niwano - Anh dịch: Kōjirō Miyasaka - Bản Dịch Anh ngữ: *Buddhism For Today: A modern Interpretation Of The Threefold Lotus Sutra*, Kose Publishing Co. Tokyo - Việt dịch Cư Sĩ Trần Tuấn Mẫn, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam TP. HCM ấn hành 1997 - Nhà xuất bản Phương Đông tái bản 2010). Lý Học Phật góp thêm ý kiến: Thập Như Thị (As It Is) tổng quát hóa các chức năng của “tất cả các pháp và những liên hệ giữa các pháp với nhau” (All Things). Khảo sát “Cái Như Là / Thing As It Is” chính là khảo sát sự biến chuyển 10 cái mô hình (patterns) này qua các chức

năng của nó trong từng lãnh vực chính là khả năng trực nhận những tầng lớp (layer) và chi phối lẫn nhau (connected influences) của các lực đáng tác động vào văn đề.

Như đã nói, dụng cụ ‘10 như thị’ này chỉ tương đối đúng ‘như thị tri kiến, và tôi nghe như vậy,’ khi dùng chúng như là phương tiện để nghe thấy sắc thanh và quán cái ngũ uẩn giai không trong cõi sắc giới (5% của vũ trụ) qua cái đài gương đầy ‘bụi vô thủy vô minh’ với tập quán sai lạc của 18 căn trần thức của chỉ riêng con người chứ không phải tất cả chúng sinh. Vô thủy vô minh như một lớp ô nhiễm thâm căn cố đế che mờ Như Lai Tạng thì chỉ có chư Đại Bồ Tát và chư Phật có thể nhận diện và diệt tận. Nhưng cái Nam Nhạc tôn giả gọi là “hữu thủy vô minh” cũng duy trì một sự hình thành riêng biệt vượt trên từ ngữ của Kinh Thắng Man và Kinh Lăng Già. Cái dụng cụ cổ lỗ sĩ hữu thủy vô minh từ 70,000 kiếp nhân sinh này không thể ứng dụng thích hợp được trong cõi vô sắc (dark matters) vô tam muội chân hóa (dark energy) chiếm cứ lấy 95% của vũ trụ. Tiếc thay, kinh điển quên ghi lại cái lỗ hổng tổ bố, cái không biết (si) vô lượng, vô cực này của con người? Theo tôi đề nghị muốn quán cái cõi vô sắc giới này thì phải dùng phương tiện Bát Nhã Quantum Bất Thập Như Thị qua tuệ nhãn của Phật mới kiến được vũ trụ giai không hay giai hữu?

Trong Luận về Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Nghĩa, 3.2 Như Lai Tạng, Nam Nhạc Tuệ Tư Thiền Sư trưng dẫn những diễn đạt sâu sắc liên hệ đến khái niệm về một sự giác ngộ chân thực, với nhiều khái niệm trình bày rất vững chắc về Như Lai tạng – kinh Đại Bát Niết Bàn, Ương Quật Ma La, Thắng Man, Lăng Già, trong Tuy Tự Y Tam Muội:

"Bồ tát sơ phát tâm nhận biết có hai loại thức: thứ nhất là chuyển thức, còn gọi là giác tuệ, biết rõ tất cả pháp, dùng trí tuệ mà giải thích không sai trái. Thứ hai là tàng thức, sâu dày không đổi. Phương Tây bảo rằng là thức A lại da, đây cũng có tên là Phật tánh, cũng gọi là tự tính thanh tịnh tàng, cũng là Như Lai tàng. Nếu [có người] tùy thuận với sự [tướng] thì đó là bản tánh của trí tuệ. Khi nhận biết tường tận các pháp thì đó là tự tánh thanh tịnh tâm. Thức với tâm, hai cái dụng mỗi khác. Sáu thức của người phàm gọi là thức phân biệt, tùy theo nghiệp mà thọ quả báo trời, người hoặc thú. Bồ tát chuyển thức thứ bảy thì có thể chuyển được tất cả ác nghiệp đưa đến sanh tử, đó chính là Niết Bàn. Hiểu rõ được sáu thức phân biệt của phàm phu, thời không dời đổi, chính đó là tàng thức. Bảy thức này gọi là trí kim cang có thể phá tất cả kết tập của vô minh, phiền não, tức là Phật pháp."

Như thị tri kiến trên internet có rất nhiều lời hay ý đẹp được Tây Mỹ Ta gán cho tam thể Phật oan, từ kim khẩu Đức Thế Tôn. Cũng như các Tổ ngày xưa khi lìa kinh nhất tự phải trả ngại nói đó là lời Phật thuyết vì nếu không nói như vậy thì khó mà giáo huấn nổi cái đám thượng mạn nhân. Như Ngũ Tổ muốn truyền y bát mà phải giấu diếm các đệ tử vì sợ chúng hại mạng. Ngay cả Huệ Năng sau khi được Ngũ Tổ bí mật truyền y bát vào ban đêm cũng phải vội vã xuôi Nam chạy lấy thân. Có thể vì vậy mà sau đó Lục Tổ truyền chúc "Tổ Trác" lại cho tất cả đệ tử thay vì thất Tổ? Những tranh đoạt ngôi vị này vẫn luôn luôn xảy ra trong bất cứ tôn giáo nào, bất cứ thời điểm nào. Thì ra quyết tâm chí đi tu không những phải có cam đảm từ bỏ cõi trần tục, bỏ nhà trốn vợ con chạy đi tu mà cũng còn rất nguy hiểm đến tánh mạng trong lúc tu hành tinh tấn sắp thành tựu. Nhất là khi múa kiếm giữa trận tiền... mà kiến toàn tánh tiền và vọng danh sắc.

May thay, các 'Sư Tổ internet' bây giờ chỉ gán lời hay ý đẹp cho rằng Đức Phật nói này nói kia là để cho cái đám nhân sinh thượng mạn cứng đầu bướng bỉnh, và phản đối khi nghe giảng đạo pháp trí tuệ cùng kiến thức và ngôn ngữ hiện đại. Thật ra những bất thiện tri thức này chỉ là kinh dạy từ mượn ý Phật để đồng tâm thuyết chữ đa số những bậc chân chính này không có một tham vọng làm tổ trác, nói láo ăn tiền vì lợi lộc cá nhân như những giáo phái khác?

Mà truyền Đạo online trên internet đỡ cực nhọc thân thể hơn, không phải khổ thực mà lại truyền được nhanh chóng cho cả thế giới và nhất là rất an toàn cho tính mạng của người

truyền giảng. Vì trong số nhiều ngàn đọc giả bao dung trầm lắng đó vẫn có vài tên điên, ngu muội vì không đủ trình độ trí thức lẫn trí tuệ để hiểu nổi cái thâm ý 'tiểu ngạo giang hồ' của thực tại nên tự ái nổi sân chề bai, chửi bới, dạy đời, thượng mạn phi báng. Hình như, Phật có dạy: Chúng sinh tuy đồng 'nhất thể vô minh' nhưng căn tánh trí tuệ bất đồng cho nên những bậc thiện tri thức ngoài tự mình tục diễm truyền giảng tu học cũng nên sẵn lòng từ bi và kiên nhẫn để dạy cho những kẻ vô minh này. Vì họ có duyên tương ngộ online nhưng bất tương đồng trí tuệ nếu được mỗi một chút lửa trí tuệ từ cây đuốc của những người đi trước dù chỉ là một bước thì sớm muộn gì những kẻ u muội này khi mà thấy được ánh sáng của lửa trí tuệ tam muội rồi thì không còn thể trở lại sống trong bóng tối của vô minh được nữa?

Thật ra, những kẻ u mê này không ai xa lạ vì họ chính là chúng ta của ngày hôm qua. Cho nên chúng sinh/chúng ta đáng thương hơn đáng ghét. Đó là điều thứ 11, Như Thị Tự Nhiên, ta thương ta nhất trên đời hơn là ta ghét ta nhất thế giới. Họ là ta tuy hai mà một, không ai hơn ai về ngu muội, toàn là những tên chột cổ dui dắt những kẻ đui để cùng nhau mong đảo bị nạn. Tất cả nhân sinh cùng chung hội chung thuyền đang lênh dênh, khổ đau, và kiệt sức trên biển cả mê mông đầy sóng thần vô minh. Nên nhớ chúng ta như những người mù vượt biển trên con thuyền ma nhỏ bé trôi nổi giữa đại dương bao la không bờ bến, chưa ai thấy đất liền ở hướng nào.

Đang làm thư ký không công cho Phật thì ... Bỗng nhiên Đức Thế Tôn yên lặng vài giây. Một lát sau, Ngài lại nói: "Thôi đủ rồi, Ta không cần nói nữa và Mi cũng không cần gõ computer để đăng chùa (free online) nữa." Tôi không hiểu vì sao ngài lại sa thải tôi? Nhưng tôi nghe họ xì xầm như ri: Pháp mà Đức Phật đã thành tựu là Pháp chủ yếu, thế gian chưa từng có, rất khó hiểu cho chúng sinh chỉ có những bậc cao tăng mới có đủ tư cách để giảng dạy chứ đừng cả gan mà tư nghị đa luận. Cái lối suy luận này không có trí tuệ và dân chủ như Đức Thế Tôn chủ trương mà rất đối trá đồng với ngoại đạo thuyết giảng kinh thánh cho đám tín đồ mê tín ngu muội. Tổ nói, có đại nghi mới đại ngộ hay tương tự như Phật dạy đừng tin bất cứ ai nhưng phải tự mình chứng nghiệm trước đã.

Họ cũng dựa vào kinh mà dọa: Chỉ có Phật cùng với Phật mới thấu hiểu chân tướng của tất cả các Pháp, tức là mọi hiện hữu có hình thái như thế (như thị tướng), bản tính như thế (như thị tính), biểu hiện như thế (như thị thể), năng lực như thế (như thị lực), hành tác như thế

(như thị tác), nguyên nhân như thế (như thị nhân), duyên cớ như thế (như thị duyên), kết quả như thế (như thị quả) báo đáp như thế (như thị báo) và toàn bộ nền tảng rốt ráo như thế (như thị bốn mặt cứu cánh).

Thấy họ tiếp tục xì xào, cãi cọ làm tôi đại đa nghi là họ cứ tưởng là mình đọc và hiểu được ý Phật rồi nên đồng nhau lia kinh, mạnh ai nấy thuyết? Còn riêng tôi chỉ là thằng thư ký ngu dốt, chỉ có tài khôn đánh máy computer bảo sao gõ vậy chứ có hiểu gì đâu mà sợ oan cho Phật, lo tội cho Ma hay thuyết giảng cho ai nghe?

Tôi đoán như vậy: Tánh thấy, tánh nghe và tánh biết - quán tâm, quán âm và Tri Kiến Phật phải từ tuệ nhãn (Phật Nhãn, quán quang) chứ không thể qua ngũ quan và ý thức của nhục thể. Chúng ta không thấy thật tại (không kiến tánh) qua cái thấy của nhục nhãn, không ghi nhận đúng âm thanh (không quán âm của vũ trụ) từ cái nghe của tai, không biết trí tuệ qua kiến thức mà phải từ Phật Nhãn. Thật ra có mắt không trông, có tai không nghe, có tâm bất nhị mới chính là cái thấy, cái nghe và cái biết chân thật.

Trong thời gian rất gần khi mà Quantum Phật Giáo phát triển để bổ khuyết và giúp cho Quantum Technology đảo bẻ ngạn, con người không những nghe được tiếng độc thủ vô tay mà còn quán âm được tiếng sấm vô của 'Không bàn tay.' Vô thủ vô tay!

*Vô thủ, không âm quảng trường mộng,
Quán âm, vô tiếng thanh tịnh tâm.*
(Lê Huy Trứ)

Viên diệu hơn, nếu chúng ta **kiến được quantum chân hòa tam muội và nghe được tiếng vô sấm sét yên lặng của không bàn tay** của bờ bên kia thì chúng ta đã đảo bẻ ngạn và đã hành thâm bát nhã, 'không nghe, không thấy mà biết' Quang Âm Bồ Tát lần Vô Sắc Vô Thanh Bồ Tát trọng tự tâm, chiếu kiến biết được ngũ uẩn lần vũ trụ giai không, và tự độ nhất thiết khổ ách.

*Quán âm trì giới sạch nghiệp trần
Quán quang như tục diệm truyền đăng
Quán duyên trí tuệ vô ngàn kiếp
Quán quả từ bi đẹp diệu vời*
(Lê Huy Trứ)

Tương tự như khoa học gia thường nói: Nếu bạn học, thấy và hiểu biết về quantum physics và quantum mechanics thì bạn sẽ trở thành một con người khác xưa. Tôi xin bổ túc thêm, nếu khoa học biết áp dụng triết lý Phật Giáo vào thế giới quantum của khoa học thì trí tuệ của nhân loại sẽ vượt xa hơn bây giờ và thế giới sẽ sống an bình với vô lượng công đức.



ĐƯỜNG VỀ CÔI TÂY PHƯƠNG

*Nửa đêm bừng tỉnh giấc mộng huyền
Tâm Từ chợt dậy niềm xót thương
Chánh sinh lặn hụp trong biển khổ
Vô minh che lấp tánh hiền lương.*

*Lấy tham, sân làm niềm lạc thú
Côi Ta-bà mê mãi lang thang
Phật Từ thuyết Tỳ Diệt Đế
Độ chúng sanh thoát khổ trầm luân.*

*Nửa đêm bừng tỉnh giấc mộng huyền
Tâm Từ chợt dậy niềm lạc an
Bát Chánh Đạo đường về quê cũ
Thuyền Bát Nhã vượt khổ trùng dương.*

*Đức Di Đà tiếp dẫn đài sen
Bỏ tát vây quanh bạn thân quen
Cùng nhau bàn học Kinh, Luật, Luận
Hân hoan trong cõi Vô Lượng Quang.*

*Nửa đêm bừng tỉnh giấc mộng huyền
Ôi đêm dài ngỡ đã ngàn năm
Tâm Từ chợt nhớ về quê cũ
Tịnh độ đường về cõi Tây phương.*

thơ

TRẦN CÔNG DANH

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



NGUY KINH

Năm ấy quốc gia tổ chức hội thảo về kinh điển Phật học. Các trường phái khác nhau cùng thảo luận rất thẳng thắn. Có vị nêu vấn đề nguy kinh và dẫn chứng rằng:

- Phật giáo bắc truyền có nhiều nguy kinh và biến tướng, cụ thể như trong truyền Mục Liên có bánh bao-thịt chó, trong nhiều kinh có đốt đèn diên thọ, sớ... đều là yếu tố Tào lộng vào Phật pháp.

Nhiều người tán đồng, vị chủ tọa nhận xét:

- Hai trăm thế kỷ truyền thừa không khỏi sai lệch, người Tào thêm bớt cũng có... nhưng cứ y nghĩa bất y văn, hơn nữa học Phật phải có chánh kiến. Ngày xưa các cụ chỉ có một nguồn từ hán văn, ngày nay có nhiều nguồn và phương tiện để học, để đối chiếu... Mong các vị tinh tấn.

Tiếng vỗ tay vang dội hội trường.

DỪNG NGHIỆP SÁT

Cuộc nhậu rất xôm tụ vui vẻ. An cũng tham gia cho có với bạn bè nhưng tuyệt đối không động đũa. Trong nhóm có người khích tướng:

- Thắng An ăn chay chắc muốn làm Phật.

An điềm tĩnh giải thích:

- Ăn chay không phải làm Phật mà vì thương con vật bị giết thảm và cũng thương mình nên mới dừng nghiệp sát. Bạn xem đi trong chiến tranh bao nhiêu người chết thảm nhưng cũng có rất nhiều người bình an vô sự. Có người vừa ra đi thì bom dội xuống nhà... Ấy chẳng phải phước báo dừng nghiệp sát sao?

Nhiều người tán đồng An mặc dù vẫn chưa bỏ được thú

vui ăn thịt:

- Chúng tôi cũng tin vậy nhưng từ bỏ ăn thịt quả không dễ chút nào!

KHAI TRƯỜNG

Không biết phước-họa thế nào mà triều đình cử đại quan về trường quận dự khai trường. Mọi người tíu tít cả lên, học sinh ăn mặc chỉnh tề, cờ xí, khẩu hiệu đỏ cả trường. Chín giờ tất cả đã tề tựu, mười giờ quan còn điểm tâm với các quan sở tại, mười một giờ quan đến và đọc diễn văn dài mướt chỉ cà tha. Học sinh mồ hôi ướt mặt không kịp. Xong quan nhả nhừ:

- Các cháu chăm học, ngoan ngoan kéo phụ công quan tâm của triều đình.

Mười hai giờ học sinh túa ra cổng gặm ngấu nghiền bánh mì để còn kịp học buổi chiều.

Riêng quan được đưa thẳng đến nhà hàng sang nhất quận mở đại tiệc mừng khai trường thành công rực rỡ.

NÓ XẤU MÌNH CŨNG XẤU NỐT

Hãng mấy trăm công nhân, làm việc khá căng thẳng đã vậy đốc công có lòng tư vị, cư xử bất minh, kẻ được người thua thiệt gây nên sự bất bình. Giờ ăn trưa có người chửi:

- Bà mẹ nó! ăn ở bất công.

Trong nhóm có người tính quậy tương lên hoặc ngăm chơi lại nó. May thay có bạn tốt can gián:

- Nó xấu mình làm vậy cũng xấu nốt! Và lại chắc quá khú có rắc rối với nó, trả thù nó rồi chủ nhật đi chùa gặp Phật sao đánh lễ cho an đây?

Mọi người ngó ngoai bèn thôi.

TIN TỨC

Ngành truyền thông mở hội nghị lớn, công bố những thành quả mới. Mọi người vui vẻ tự hào:

- Khoa học phát triển cao độ nên ngành truyền thông cũng phát triển theo, bây giờ tin tức cập nhật từng giây phút.

Có vị đại biểu khác nói:

- Tin tức nhanh chóng nhưng mặt trái cũng khá nhiều, bao nhiêu chuyện tào lao, sai trái, thật giả... lẫn lộn. Không phải ai cũng đủ bản lĩnh để tiếp nhận hay phân biệt!

Tiếng vỗ tay tán thưởng rào rào, lại có vị khác hài hước rằng:

- Tin tức tức toàn những cái tin không thể tin mà nếu tin thì sẽ tức!

THÀ RẰNG ĐỪNG LÀM

Thấy người ta đăng trên báo lá cải:

- "Lạy Phật, lạy Chúa... xin phù hộ cho gia đình con. Nam đọc bảy lần, nữ đọc chín lần thì cầu gì được nấy..."

Chị vợ bảo chồng:

- Anh gọi tòa soạn đăng một trang cầu phước.

Anh bảo chị rằng:

- Dân mình thường lấy báo lá cải về lột bàn ăn, gói đồ... trong ấy có hình Bồ tát, có những lời cầu mê muội này, vậy thì tôn phước chứ làm gì có phước, thà rằng đừng làm.

ọi bảo vệ đời sống hoang dã mà chúng chẳng chịu hồi tâm.

STEVEN N

Atlanta, tháng 8/2016



NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

HỎI SÔNG

Cúi xuống hỏi sông vậy
Hỏi muôn nghìn trôi qua
Làm thinh, dòng nước chảy
In bóng trời xanh xa...

ĐÊM QUA

Đêm qua anh cùng em
Dặm đường nghe gió biếc
Đêm nay em nhìn lên
Thấy một vầng trăng khuyết

XIN LỖI

Đừng bật thêm đèn nữa
Ngày đã sáng lắm rồi
(Xin lỗi)
hay vì con mắt tôi
Đã quen rồi bóng tối...

DƯỜNG NHƯ

Khi tôi nói về đớn đau
Tôi nghe dòng nước chảy
Khi tôi nói về hạnh phúc
Thì dường như tôi đang vẽ đám mây bay

THOÁNG GIẤY

Ngồi bên con nắng hôm nay
Nhìn lên, một thoáng mây bay mất rồi

Ngồi bên một bóng nhỏ tôi
Dòng sông vừa mở, mảnh trời đã tan

Vừa hay chiếc lá đang tàn
Rơi. Rơi xuống trên mặt bàn vừa lau
Hỏi nó nằm đó bao lâu...

ASKING THE RIVER

I crouch to the river and ask
about millions of things flowing
Silently, the river flows
The afar blue sky reflecting...

LAST NIGHT

Traveling miles last night
you and I heard the wind sound blue
Gazing up tonight
I see a crescent moon

SORRY

Don't turn on the light
The daylight is enough
(Sorry)
or that my eyesight's now
already adjusted to the dark

SEEMINGLY

When I speak of the painfulness
I hear a stream flowing
When I speak of the happiness
I seemingly draw a cloud floating

THE MOMENT

Sitting beside the sunlight today
I gaze up and see the trail of a passing cloud

Sitting beside my shadow
I see a running river and a scattering sky

Just knowing a leaf is withering
Fell off. Falling onto the just cleaned table
How long would it be there...



PHAN TẤN HẢI dịch

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN HUẾ CHAY VEGAN ROYAL HUẾ NOODLE SOUP

(Hồng Hương sưu tầm)

Nguyên liệu (4 phần ăn)

- 5 chén nước súp chay
- 1 gói bún sợi lớn
- 1 3/4 chén đậu hũ (14 ounces)
- 2 chén nấm rơm tươi
- 1 cây giò lụa chay
- 1 cây mì căn
- 5 tép sả lớn
- Rau răm, ngò, chanh, giá, ớt tươi
- Ớt miếng loại khô và ớt bột màu
- Tương ớt, dầu ăn canola, boarô

Gia vị:

- Muối, đường, bột nêm chay
- 1 muỗng canh ớt miếng
- 1 muỗng canh ớt màu
- 1 củ boarô phần trắng

Sửa soạn:

- Đậu hũ để ráo nước, cắt miếng vừa ăn, ướp tiêu, muối, boarô, bột nêm chay, cho thấm rồi chiên vàng.
- Nấm rơm tươi: rửa sạch, cắt làm ba.
- Bún khô: luộc nước sôi, để ráo.
- Mì căn: cắt miếng vừa ăn, ướp nước tương, bột nêm, đường cho thấm.
- Giò lụa chay: cắt lát.
- Rau răm và ngò: mỗi thứ một bó, rửa sạch, cắt nhỏ.
- Sả: ba tép cắt khúc, thả vào nồi nước súp, hai tép còn lại lấy phần củ cắt nhỏ rồi xay nhuyễn.
- Boarô: băm nhỏ.

Cách làm ớt màu chay:

- Để 2 muỗng canh dầu, boarô thái nhỏ, và một ít sả băm nhỏ vào chảo nóng.
- Khi thấy sả có màu vàng và thơm, cho ớt miếng khô và ớt bột màu vào, tắt lửa ngay.
- Đổ ra lọc lấy dung dịch lỏng (bỏ xác) dùng để đổ vào nồi nước súp.



Cách làm nhân:

- Cho 2 muỗng canh dầu và boarô vào chảo nóng khử vàng, cho mì căn vào.
- Khi thấy mì căn vừa vàng thì cho đậu hũ và nấm rơm vào.
- Khi nấm vừa chín thì tắt lửa.

Cách làm nước súp chay:

- Cho nước súp đã nấu sẵn (có thể dùng cà-rốt, bắp cải, củ sắn, củ hành tây, nấm rơm v.v.) vào nồi vừa đủ số lượng người ăn (5 bát cho 5 người ăn), cho sả cắt khúc vào.
- Nêm chút đường, bột nêm chay, muối.
- Nấu sôi nước súp khoảng 15 phút, nêm nêm vừa miệng.
- Khi sả chín và nước súp có mùi thơm thì vớt bỏ khúc sả ra.
- Đổ dung dịch ớt màu nói ở đoạn trên vào.

Trình bày:

- Cho bún vào tô, sắp giò lụa chay, nấm, đậu hũ, mì căn, "ham" chay (tùy thích).
- Khi dùng, chế nước súp đang sôi vào tô bún, vớt một ít nước màu rưới lên trên.
- Cho rau răm, ngò, chanh và tiêu.

Nguyên tắc:

Nước súp phải trong, ngọt, phảng phất mùi sả, và thật cay mới đúng hương vị Huế. Ngoài ra phải cần có mùi vị rau răm khi ăn mới phù hợp món ăn miền Trung này.

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Trăng và Chị

BIỆN THỊ THANH LIÊM

Buổi sáng chị thức dậy thật sớm. Đêm vẫn còn. Lặng lẽ.

Một ngày mới sẽ bắt đầu. Một ngày như mọi ngày, công việc vẫn thế. Vào tuổi chị, mọi việc đến hay đi, đã bấy lâu tròn đều như nhịp thở.

Dường như có tiếng hót của bầy chim nhỏ vừa rù nhau về làm tổ trên bàn thờ Thiên mà anh đặt bên mái nhà cạnh cây hồng giòn xum xuê tàn lá. Mấy hôm trước chị đã ra hái vài trái chín đầu mùa để cúng Phật. Mẹ anh chừng như rất thích con dâu làm công việc này, vì cái sân nhỏ sau nhà bấy lâu, đã như thành cái không gian riêng lẻ của bà.

Những buổi sớm... bà đi loanh quanh trong vườn. Khom lưng... tách vài chiếc lá trên đám artichoke đã héo úa hay xối chút đất cho ẩm gốc nhóm aloe vừa mới trồng qua mùa hạ. Thỉnh thoảng bà soạn lại khay trà xưa lỉnh kỉnh với ấm trà một tổng bốn quân đem ra sân chùi rửa, rồi lại hong nắng cho khô. Đó là khay trà khi cụ nội còn mà bà đã không quên cất gói thật kỹ đem sang đây như một bảo vật. Nó là hình bóng chấp chùng của khổ đau và vinh hạnh của bà với quãng đời làm dâu trưởng trong dòng tộc nhà chồng. Bà là cái bóng còn sót lại của quá khứ. Đơn độc và lặng thầm. Cơ hồ như theo tháng năm... đã phủ kín màu thời gian, buồn bã. Cũng như chị như anh, đang đi lui dần vào quá khứ của đời mình. Chỉ khác một điều, quá khứ của bà chỉ là những tưởng niệm. Còn quá khứ của chị của anh thì vẫn như những đám mây bàng bạc trên trời thu...

Chị với tay cầm quyển

báo nhỏ vừa nhận từ hộp thư về. Bất ngờ. Như chạm vào cánh cửa quá khứ, thoáng chút hương dĩ vãng... mơ hồ như ánh trăng đổ tràn giữa hai bên bờ của trí nhớ và lãng quên. Những người bạn xa xưa như trong chuyện cổ tích trăm năm, vẫn còn đó, vang rền những màu sắc và âm thanh hỉ nộ. Đời sống mà. Con người luôn bơi mệt nhoài trong những nỗi sợ hãi vô cùng. Thời gian đã như dòng nước tuôn đổ qua thác ghềnh hay đồng ruộng. Hoa trái của cuộc đời không chỉ là mật ngọt, đôi lúc đắng cay cũng cần thiết để hương vị thêm chất đậm đà. "Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã"... vậy mà sao vẫn cứ thích làm người hong nồng kỷ niệm, nhìn ngắm và lắng nghe nhau về khoảng thời khắc đã lui xa. Như hình bóng mẹ anh ngồi lặng lẽ hàng giờ... bên bộ khay trà cũ xưa... xa tích. Chị cười ngớ ngĩnh với chính mình, dường như ai cũng... thích "ghiền khổ cho vui!"

Mấy hôm nay trời sang mùa. Cây lá trong vườn cũng trở màu, lặng lẽ. Cái lặng lẽ như một điều có thật bên trong những biến động từ dòng đời xôn xao trôi chảy. Tuổi ở chị là tuổi đi dần vào quá khứ, tuổi của quay về, yên lặng. Nhìn ra đời sống như nó đang là hiện có, mà không phan duyên hay đối kháng. Như nhìn tờ lịch ngày âm 16 thì trăng lại tròn. Rồi sẽ khuyết. Đời sống luôn chuyển động vì có sự phân ly ở hai bờ nhị nguyên đối đãi. Vượt qua... là con đường phải đi của mỗi hành giả trong cuộc hành trình chuyển hoá

tự thân như loài nhộng nằm trong kén chờ đôi cánh của bướm để bay vào khoảng trời cao rộng.

Vượt thoát hay sự trải nghiệm là một trở về với yên nguyên bất nhị của tánh không, để nhận ra cái năng lượng này hàm ẩn trong mỗi chính mình. Khả năng nhận ra tự tánh mà ai cũng có, đồng lúc hiểu thấu ra không ai có thể ban tặng cho mình dù là đấng toàn năng toàn giác. Những năng lực bên ngoài tự ngã chỉ là ngón tay chỉ ra ánh sáng của vắng trắng vẫn toả sáng tự thuở nào.

Đêm qua. Chị không ngủ được vì trăng như ngọn nước tràn vào gian phòng nhỏ. Chị bước ra khỏi phòng để nhìn trăng. Ô! ánh trăng. Không bị giam hãm im lìm trong phòng nhỏ mà ánh trăng đã nhảy múa khắp nơi và thênh thang mọi chỗ, bất kỳ nơi nào chị có thể nhìn thấy. Điều này xem chừng đơn sơ nhưng lại khó nhận nhìn. Ôi cái tầm lượng bao la không ngăn mé của mình của trăng và của vạn pháp. Trống rỗng không chứa, sáng trong xuyên suốt và tĩnh lặng bao dung không đảm mẽ cũng không đối kháng. Ánh trăng làm chị bất giác nhớ về ngôi chùa cổ trong





những hôm mong tám ngày
rằm Thầy cho thọ Bát Quan
Trai. Chùa nơi chị guy y thọ
giới khi xưa nay vẫn còn uy
nghiêm với đôi liên đối khắc
sâu trước cổng: "Tây qui độc
điều thiên chơn bửu / Tạng
xuất hàm linh địa chánh
hương."

Vào những ngày rằm,
trăng nơi đây thật đẹp. Đời
sống quá nhiều bận rộn làm
chị đôi khi quên nhìn thấy
được sự yên lặng của vầng
trăng. Bao năm tháng trầm
luân trong khổ ách, con người
đã như đánh mất chính mình.
Nỗi sợ hãi, yếu đuối... đã trùm
lấp, xâm lấn dần con người
thật có của mình. Con người
chỉ hiện hữu nhỏ nhoi trong
niềm cô đơn huyền hoặc bởi
cái ngã độc tôn thao túng. Đó
là sự ngăn ngại đầy giao quyết
của chính tâm thức đã đưa
mình êm thấm xa dần bờ bi
ngạn.

Ánh trăng năm xưa và
ánh trăng của hôm nay, muôn
thuở vẫn là.

HAI MẶT TRẦN GIAN

*Thấy sao hai mặt trần gian
Song song tương phản hai phần âm dương
Thấy gì trong cõi vô thường
Bên Không, bên Sắc tang thương đôi bờ.
Giữa đời thực lẫn với mơ
Ta vừa thức giấc lại vừa chiêm bao
Tuổi xanh thâm thoát qua ào
Hết sinh đến tử tiêu hao thân gầy
Rượu càng đắng uống càng say
Tình làm thương nhớ ngát ngây tâm hồn.
Bình minh ngã bóng hoàng hôn
Trong vui ẩn giấu nỗi buồn chia phôi
Lá rơi dễ lộn đậm chồi
Đông tàn là để đất trời sang xuân
Tiếng cười xen lẫn tiếng than
Tuổi còn xanh mộng đã tàn sắc hương.
Đời ngắn ngủi tường miên trường
Sướng vui mấy thuở, sâu thương ngập lòng.*

thơ

DIỆU VIÊN

VÀI Ý NGHĨ RỜI VỀ HOẰNG PHÁP

Nguyễn Giác

Những suy nghĩ trong bài này rất rời rạc, không hệ thống, có nhiều tính chủ quan, và từ một góc nhìn riêng. Thực tế, có lẽ cũng không ai nhìn hết toàn cảnh Phật giáo Việt Nam từ trong ra ngoài nước cho toàn triệt. Những sai sót trong bài này hẳn nhiên sẽ có, nhưng hy vọng tất cả đều là góp ý khả dụng cho một số trường hợp. Vấn đề là, làm thế nào để giúp việc hoằng pháp thuận lợi hơn.

Điều Thân

Trước tiên, để nói chuyện điều thân. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy hầu hết nơi chánh điện các chùa đều là gạch bông. Thời xa xưa tại Việt Nam, có thể chỉ là sàn xi măng. Không thấy ghế ngồi. Thường, chùa có nhiều giá kinh, sẽ để trước mặt để những cuốn kinh cho Phật tử tụng đọc theo quý tôn túc tăng ni.

Dĩ nhiên, nếu để ghế ngồi, sẽ là y hệt như tôn giáo khác. Nhưng có lẽ, nên để thêm vài hàng ghế hai bên chánh điện giành cho những người cao niên không ngồi xếp bằng trên gạch được. Thêm nữa, chỉ trừ các chùa Thiền Tông, hầu hết các chùa không có nệm và tọa cụ. Có chùa chỉ có tọa cụ, nhưng không có nệm dưới tọa cụ. Ngồi như thế, ngay cả trẻ em tại Hoa Kỳ cũng thấy đau chân, không thể ngồi dài lâu. Người đi chùa hải ngoại hiện nay đa số là cao niên, đa số chỉ dắt theo trẻ em vào chùa khi có tang sự. Và khi các em ngồi chừng một buổi trên sàn gạch bông, có thể các em không muốn tới lần thứ nhì nữa. Do vậy, khi mỗi em vào chùa đều nên có cả nệm và tọa cụ sẽ giúp

ngồi yên, thoải mái hơn, và nếu lúc đó được hướng dẫn ngồi thở dịu dàng chừng mười phút, đó sẽ là kỷ niệm đẹp. Vì không nên mong đợi trẻ em hải ngoại hiểu được lời tụng kinh hay thuyết giảng; hãy để trẻ em cảm nhận ưu thắng của hình ảnh ngồi thiền.

Được điểm may mắn, đa số (có lẽ, hầu hết) các chùa tại Nam California đều nấu ăn ngon. Điều này rất cần thiết, vì sẽ cho các thiếu niên kỷ niệm về ăn cơm chùa. Các em quen ăn mặn ở trường học, bây giờ khi ăn cơm chùa, vừa ngon, vừa giúp cơ thể nhẹ nhàng... đó sẽ là kỷ niệm rất đẹp.

Đức Phật quan tâm chuyện điều thân, xem đây là việc rất quan trọng, nếu chúng ta nhớ rằng Ngài dạy về niệm hơi thở, dạy về niệm 32 chi phần cơ thể. Thêm nữa, trong bộ luận Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) nói rằng người tập thiền nên cẩn trọng về thức ăn, có người ăn ngọt tốt, có người ăn chua sẽ tốt; có người thích hợp với khí trời ấm, có người hợp với khí trời mát.

Một số chùa tu thiền chú trọng vào ngồi nhiều. Nhiều thầy nói rõ như thế. Điều này gây cảm tượng cho Phật tử rằng hễ ngồi lâu, ngồi nhiều là tốt. Như thế là không nên. Vì sẽ có rất nhiều người không thể ngồi lâu, dù là ngồi trên tọa cụ và nệm, huống gì chỉ ngồi trơn trên sàn gạch bông. Có rất nhiều trường hợp, nên để các vị cao niên ngồi ghế tiện hơn.

Bộ luận Thanh Tịnh Đạo nói rằng, có người phù hợp ngồi thiền, có người phù hợp đứng thiền, có người phù hợp nằm thiền, có người phù hợp đi bộ thiền. Và bộ luận nói, người tu nên thử các tư thế đó, cứ 3 ngày một tư thế, và tư thế nào cho tâm an tịnh là nên giữ, và nên hiểu rằng các tư thế khác không thích nghi. (1) Nhưng khi ngồi tập thể, dĩ nhiên không thể thử hết các tư thế. Do vậy, thích nghi nhất, nên luân chuyển hai uy nghi: ngồi thiền và đi bộ thiền. Nhưng trong các khóa thiền cho trẻ em, nên cho xoay vòng cả 4 tư thế đi, đứng, nằm, ngồi... vì như thế, các em sẽ thấy vui hơn. Dĩ nhiên, chỉ là đề nghị thôi, vì nằm trong chánh điện sẽ không trang nghiêm, nhưng ở hội trường sẽ phù hợp hơn. Và nếu ở hội trường, cũng nên dạy các em tư thế thể dục căn bản, vừa vui, vừa có lợi cho trọn đời các em.



Điều Tâm

Bây giờ, nói chuyện điều tâm. Một điểm cần ghi nhận rằng, không nên để bất kỳ Phật tử nào nghĩ rằng mỗi ngày tụng hai thời kinh là đủ. Huống gì là mỗi tuần chỉ tới chùa có vài giờ, có khi tụng kinh, có khi ngồi thiền. Thiệt thòi lớn cho Phật giáo là, đa số Phật tử cả năm chỉ tới chùa vài ngày lễ lớn. Cũng tốt, còn hơn là không đi chùa.

Nhưng Đức Phật luôn luôn nhắc rằng ngay cả các cư sĩ, rằng sáng trưa chiều tối, hiểu là 24 giờ/ngày (nói theo kiểu thời nay), rằng phải hộ tâm trong mọi thời. Lời dạy này do Đức Phật trực tiếp dạy cho cư sĩ Mahanama về sáu pháp niệm (Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bồ Thí, niệm chư Thiên) rằng, như phần niệm chư Thiên:

“Mahanama, con hãy niệm chư Thiên trong khi con đang đi bộ, trong khi con đang đứng, trong khi con đang ngồi, trong khi con đang nằm, trong khi con đang bận làm việc, trong khi con đang nghỉ ngơi trong nhà với con cháu vây quanh.” (2)

Nghĩa là khi niệm Phật, hay niệm Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên... người Phật tử phải niệm cả trong khi bận tay làm việc, cả trong khi ngồi nghỉ ngơi ở nhà với mọi người khác vây quanh. Nghĩa là, khi đã chọn một pháp để niệm, là 24 giờ không rời niệm (niệm nơi đây, nên hiểu là nghĩ, nhớ, giữ tâm lặng lẽ trên đề mục).

Nghĩa là, mỗi tuần có đi chùa vẫn không đủ, không thấm vào đâu. Nếu tất cả Phật tử -- già trẻ lớn bé -- đều tu học trong 24 giờ, mới phần nào đúng ý Đức Phật.

Nói chuyện điều tâm, là nói về hiểu nghĩa Kinh Phật. Tụng Kinh nên bằng tiếng Việt đơn giản, không nên sử dụng các văn bản Hán Việt quá nhiều. Thực tế, ngay cả người lớn cũng không hiểu hết đa số kinh văn, huống gì nói tới trẻ em (cả trong nước và ngoài nước). Đó là chưa kể, khi tụng kinh bằng ngôn ngữ địa phương vùng miền; người miền Nam nghe giọng miền Trung, miền Bắc có khi cũng gian nan.

Dĩ nhiên, nếu giữ tâm kham nhẫn, người nghe kinh dù không hiểu cũng vẫn có niềm vui riêng. Nhưng không phải ai cũng thế. Bản thân người viết đã từng ngồi ở rất nhiều ngôi chùa, nghe tụng kinh trong nhiều ngôn ngữ -- tiếng Việt, tiếng Tây Tạng, tiếng Nhật, tiếng Pali, tiếng Quan Thoại... -- và xem chuyện nghe kinh tiếng khác là bình thường, là tất nhiên, cứ nghe như nghe nhạc là vui rồi (cũng vì cương vị phóng viên, nên mọi chuyện này là tất nhiên).

Nhưng hãy hình dung một thiếu niên tới chùa (ghi nhận: đa số trẻ em tới chùa chỉ vì tang sự cho người thân), nghe kinh và không hiểu gì hết. Phản ứng tất nhiên là, các em sẽ xem Đạo Phật như là chuyện của ba mẹ, của ông bà... nghĩa là, của quá khứ, không phải của các em, và cũng không phải của tương lai.



Như thế, mô hình nào nên có cho Phật giáo hấp dẫn hơn? Nói thế, không có nghĩa là kêu gọi rời bỏ các thời công phu hàng ngày. Nơi đây, chúng ta chỉ muốn nói bổ túc thêm cho thời khóa nhật tụng, để suy nghĩ về cách tiếp cận với Phật tử và đặc biệt với thế hệ tương lai.

Có một mô hình đã có sẵn, là các chùa thỉnh thoảng có những ngày thọ Bát Quan Trai, có một số chùa mở khóa tu Một Ngày An Lạc, có nơi mở nhưng khóa tu dài ngày như Các Khóa Anapana Cho Trẻ Em Hè 2016 do Trung tâm Ucenlist ở VN thực hiện, hay Khóa tu tiếng Việt “Khơi suối yêu thương” tại Làng Mai, Thái Lan, hay các Khóa Tu Phật Thất tại VN, và vân vân.

Đó là những khóa tu làm chùa bận rộn cả ngày, hay bận rộn nhiều ngày. Có thể không thích hợp với nhiều chùa, vì phải chuẩn bị công phu quá.

Tuy nhiên, mỗi chùa có lẽ nên tìm mô hình chỉ cần có 2 hay 3 giờ đồng hồ mỗi tuần để hướng dẫn Phật tử, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Người viết đã dự một buổi sinh hoạt với các bạn Giới Trẻ Mây Từ do Hòa Thượng Thích Phước Tịnh hướng dẫn, và nghĩ rằng đây là một mô hình sinh hoạt thích nghi với các bạn trẻ này, và hẳn là sẽ thích nghi với nhiều bạn trẻ khác.

Trong 15 phút đầu tiên là ngồi thiền, theo lời hướng dẫn là nên ngồi thế nào, để thân thư giãn ra sao, nên thở thế nào, để tâm vào hơi thở thế nào... Sau đó là giảng kinh, hoặc vị Thầy giảng kinh, hoặc là các thanh thiếu niên đã đọc và soạn trước, rồi tự trần thuyết, với góp ý từ vị thầy. Thỉnh thoảng, sẽ có một bạn cầm đàn guitar hát một ca khúc.

Dĩ nhiên, mô hình trên có thể biến đổi tùy các chùa. Sẽ có chùa không cho đàn hát vào. Sẽ có chùa hoặc tự thầy trụ trì hoặc mời giảng

sư bên ngoài vào. Sẽ có chùa mời các nghệ sĩ vào kể chuyện tùy các đề tài thích nghi, như đề tài “ca sĩ tu học ra sao”... Hay mời một bác sĩ vào nói chuyện mười phút về cách ngừa bệnh... Hay, có chùa dạy thể dục, dạy khí công, dạy Yoga...

Nhưng điều quan trọng nhất nên có hàng tuần cho Phật tử (già trẻ lớn bé) là nên có 15 phút **ngồi thở**. Vì hơi thở sẽ giữ sức khỏe, chữa vô số bệnh. Thêm nữa, Phật tử đi làm suốt cả tuần mệt nhọc, thanh thiếu niên đi học ở trường vất vả cả tuần, có 15 phút ngồi thiền lắng lẽ ở chùa sẽ là những giây phút tuyệt vời. Bởi vì, chỉ cần ngồi xuống (dù là ngồi trên ghế, hay cho các em nằm, nếu cần), thở dịu dàng vài phút là sẽ thấy an lạc ngay.

Điểm thứ nhì quan trọng là mỗi tuần nên **giảng một bài kinh** (hay một đoạn kinh, hay một câu kinh). Hãy để Phật tử mỗi tuần khi rời chùa sẽ nhớ một điều gì trong lời Đức Phật dạy. Thí dụ, dạy rằng hãy tin sâu nhân quả, rằng hãy thấy các pháp vô thường. Hay nên giảng về bài Bát Nhã Tâm Kinh (nên sử dụng bản tiếng Việt, bỏ hẳn bản âm Hán Việt; nếu cần, nên dùng song ngữ Anh-Việt).

Hiện nay, rất nhiều chùa không dạy ngồi thiền, cũng không hề giảng kinh gì, rất nhiều chùa chỉ tụng kinh (và thanh thiếu niên không hiểu). Như thế, khi rời chùa, rất nhiều Phật tử không hiểu, không nhớ. Và khi tang sự hoàn tất, sau 49 ngày hay 100 ngày, nhiều Phật tử thấy không cần tới chùa nữa (có khi bay đi tiểu bang xa). Thiệt là tiếc vô cùng.

Hoàng Pháp

Hiện nay, có lẽ quý Thầy trong nước nên nghĩ tới việc thiết lập, hay hỗ trợ thiết lập một nhóm cư sĩ chuyên biên dịch các vấn đề Phật giáo và xã hội. Không phải chuyện kinh điển. Các vị cư sĩ này nên tìm đọc và dịch các sách tiếng Anh về Phật giáo thế giới đã đối phó với các nan đề xã hội ra sao, hay về tâm lý thanh thiếu niên, hay về tình hình các tôn giáo khác đang phát triển cách nào trên thế giới, hay về tương quan khoa học và Phật giáo... Nếu quý Thầy lập ngân quỹ để hỗ trợ các dịch giả, như thế sẽ có lợi vô cùng. Thực tế, nghề dịch thuật và nghiên cứu thuần túy không kiếm sống nổi, hoặc là sống cực kỳ gian nan, theo lời dịch giả Nguyễn Minh Tiến.

Hiện thời trên nhiều diễn đàn, nhiều bài viết cố ý bóp méo lịch sử 1963 của PGVN. Đó là phần Việt ngữ. Nhưng không ai bóp méo được các tài liệu viết bằng Anh ngữ, trong đó có các sách giáo khoa liên hệ về lịch sử PGVN thời 1963 đang dạy ở các đại học Mỹ, cũng như không ai bóp méo được các hồ sơ giải mật về 1963 của CIA và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Như thế, riêng về phương diện lịch sử, rất nhiều hồ sơ và tài liệu tiếng Anh đang cần được đọc và dịch.

Về hoằng pháp, hiện nay có nhiều Tăng Ni ưa thích lên YouTube, hay lên TV giảng...



nhưng không nhiều Tăng ni chọn cách hoằng pháp bằng chữ viết. Cả hai phương tiện (âm thanh, chữ viết) đều cần thiết như nhau.

Nhưng nên suy nghĩ rằng, có một số thầy giảng bằng văn nói đã không dẫn được kinh điển. Điều này có khi sai lạc, và người nghe tự nhiên là nghe lệch kinh điển. Xin đề nghị, trước khi quý Thầy giảng trên YouTube, nên soạn văn bản thật kỹ.

Trong khi chữ viết cho độc giả vài phút là đọc xong, còn nghe có khi mất cả giờ. Thêm nữa, nhiều Thầy nói trên YouTube chỉ là qua trí nhớ, và trí nhớ có thể sai lầm. Còn khi viết, tất nhiên sẽ phải tra cứu lại, và như thế sẽ cẩn trọng, sẽ chính xác hơn.

Chỗ này, xin kể một kinh nghiệm giữa văn nói và văn viết. Từ khi đứa con của người viết còn nhỏ, người viết đã chở cậu bé đi chùa, nói rằng hãy cúng tiền vào các thùng phước sương, mỗi lần như thế hãy nhắm trong đầu, “I wish for everybody OK, healthy, happy and will become a Buddha...” (Con xin nguyện cho mọi người an lành, khỏe mạnh, hạnh phúc và sẽ trở thành Phật.)

Tới khi cậu bé trở thành một thanh niên, đi học xa... người viết mới gõ email câu văn trên để nhắc nhở, mới nhìn thấy rằng lời mình dạy hóa ra là sai cú pháp tiếng Anh. Vì phần đầu là đặt theo thể câu song song (parallel structure) với mỗi phần tử là một tính từ, và do vậy có 3 tính từ phù hợp, nhưng phần sau là trật thể câu song song. Hóa ra, suốt hai thập niên, mình dạy một lời nguyện sai cú pháp, và cậu bé Mỹ gốc Việt đã kham nhẫn, chịu im lặng nghe ba dạy hoài như thế, nhưng có lẽ, chàng trai đó đã tự sửa trong đầu theo ý riêng, hay theo cách đặt câu riêng.

Nơi đây, chỉ muốn nói, văn nói sẽ không an toàn như văn viết. Chỉ xin quý Thầy khi dạy ở YouTube hay TV hãy soạn kỹ càng, vì nói thuần theo trí nhớ sẽ có khi trật.

Thêm nữa, đó cũng là lý do, quý Thầy nên khuyến khích các thanh thiếu niên viết. Bất kể viết gì. Làm báo tường cũng được. Hay viết cho trang web của chùa, hay cho các trang web

khác, hay viết trên Facebook. Viết chuyện về bà ngoại tụng kinh ra sao, về kỷ niệm với tiếng chuông chùa ra sao, về cách nấu món chay thế nào, về việc phóng sanh trong ngày lễ, về cảm giác khi ngồi thiền lần đầu ra sao, và vân vân. Hãy khuyến khích trẻ em cầm bút, vì sẽ tự nhiên tập các em suy nghĩ, và sau này các em sẽ là những cột trụ cho giáo hội. Trẻ em trong nước viết bằng tiếng Việt, trẻ em ngoài nước viết bằng tiếng Anh. Vì viết là phải suy nghĩ, là phải tìm đọc. Đó là một cách đào tạo thế hệ tương lai.

Gắn Bó Với Làng Xóm

Các chùa nên gắn bó với làng xóm chung quanh. Nếu nghĩ rằng mặc kệ chuyện chung quanh, hãy lo cho các cụ vắng sanh trước, tất nhiên là sai hoàn toàn, vì xuất gia có nghĩa là ra khỏi nhà ba cõi, lại để tâm rơi vào 4 vách tường sân chùa, tất là hỏng.

Tình hình hiện nay là rất nhiều chùa giàu, và cũng rất nhiều chùa nghèo. Nếu quý Thầy nơi chùa giàu giúp các chùa nghèo đứng vững,

Có những chùa nghèo ở Nam California, như Đạo Tràng Nhân Quả, nơi trần chánh điện bị mưa dột, và rất là vất vả để quyên góp -- theo lời Sư Cô Quảng Bắc nói với nhạc sĩ Trần Chí Phúc và nhà báo Phan Tấn Hải, rằng không biết làm sao để kiếm ra 6.000 USD để sửa chánh điện.

Hay như trường hợp ngôi chùa của Thầy Thích Ân Giao (vị sư người Mỹ trắng, học trò của cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân, cũng là tự hào của PGVN) cơ nguy sụp đổ và cần 15.000 USD để sửa cho an toàn. Nhạc sĩ Nghiễm Phú Phát kể rằng nhiều học tăng đa trắng xin nhập chúng, nhưng không có chỗ an toàn trong ngôi chùa đang rệu rã này. Được biết, các bạn Giới Trẻ Mây Từ đang tìm hiểu việc này, xem có thể hỗ trợ gì không. Đó là chuyện hải ngoại, thấy trước mắt.

Có một suy nghĩ nên đề ra với quý Thầy trong nước, rằng tất cả các chùa trong phương tiện có thể có, nên khuyến khích trẻ em học tiếng Anh và vi tính. Các chùa nên mở các lớp về hai môn này, hoặc hỗ trợ các chùa đang có các lớp này. Bởi vì các học sinh đó sẽ trở về chùa, sẽ gắn bó với chùa, khi thấy tương lai các em thuận lợi nhờ các buổi học trong khuôn viên chùa.

Thêm nữa, hiện nay đang có hàng trăm ngàn sinh viên tốt nghiệp bậc cử nhân thất nghiệp. Nếu các chùa mở các lớp dạy kèm trẻ em tiếng Anh và vi tính, mời các bạn trẻ cử nhân tạm thời vào dạy, cũng là lối đi nhà Phật, vì Kinh có nói, Đức Phật không rời bỏ chúng sinh.

Ngoài ra, trong những cảnh khổ của rất nhiều làng xóm hiện nay, nếu không mở từ tâm, không giúp người chung quanh, hiển nhiên là tự giam mình trong 4 bức vách, sao gọi là ra khỏi nhà ba cõi cho được.

Chỉ cần lắng nghe, là thấy có chuyện để

giúp rồi. Chùa với dân trong xóm nên hòa lẫn vào nhau, trong một số phương diện.

Thí dụ như chuyện một Thượng tọa ở Bà Rịa, gom hết tiền trong chùa ra để giúp 2 cô gái nhảy sexy chuyển nghề. Xin nghe video Luật Nhân Quả - Thầy Thích Thiện Thuận, nghe ở phút: 1:17:23:

<https://www.youtube.com/watch?v=bDW2XFczJE>

Hay như chuyện một Ni sư ở Vĩnh Long, thấy cảnh dân nghèo mới khởi tâm làm từ thiện; lạ là, hề xin gì là được nấy, nhưng chỉ được vừa đủ để làm từ thiện từng việc -- xin nghe Mẹ Hiền Quan Thế Âm: <https://www.youtube.com/watch?v=LYQKsWwb8Q0> qua lời kể của Ni Sư Như Thủy.

Đó là những trường hợp gắn bó với dân, hết như lời dạy trong Kinh Từ Bi. Nếu giáo hội lấy việc này làm chính sách, để cửa chùa rộng mở hơn, hẳn sẽ là tuyệt vời.

Những ý nghĩ rời ghì trên không ghi hết được công đức của tất cả các tăng ni, cư sĩ trong và ngoài nước đang hộ pháp, đang hoằng pháp trong cương vị riêng mỗi người. Trong nước, không khí tu học hình như sôi nổi hơn, qua các bản tin đọc được. Nhưng ngoài nước, nhìn thấy Phật tử tới chùa đa số là tóc bạc nhiều hơn tóc xanh, rất đáng lo vậy.

GHI CHÚ:

(1) Visuddhimagga, bản Anh dịch của ngài Bhikkhu Nanamoli, trang 124

<http://www.accesstosight.org/lib/authors/nanamoli/PathofPurification2011.pdf>

(2) Kinh AN 11.13 -- Mahanama Sutta
<http://www.accesstosight.org/tipitaka/an/an11/an11.013.than.html>



PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 5 TẠI QUẬN CAM, NAM CALIFORNIA

Bình Sa

Westminster (Bình Sa) - - Lễ Hội Địa Tạng Lần Thứ 5 do Tổng Vụ Cư Sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ phối hợp cùng Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo, Chương trình Phát Thanh Hương Sen, Nhà quản Feek Funeral Home tổ chức Lễ Hội Địa Tạng Lần Thứ 5 vào các ngày Thứ Sáu ngày 9 tháng 9 và Thứ Bảy ngày 10 tháng 9 năm 2016 tại Peek Funeral Home Westminster Memorial Park 7801 Bolsa Ave, Thành Phố Westminster CA 92683. Điều hợp chương trình tổng quát Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTN/HK.

Lễ khai đàn dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Viện chủ Chùa Liên Hoa; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Bát Nhã và hàng trăm chư tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử tham dự.

Lễ tụng kinh Địa Tạng bắt đầu vào lúc 4 giờ chiều Thứ Sáu ngày 9 tháng 9 năm 2016, sau đó Lễ Tiến Linh, Thuyết Linh và chiếu phim Phật Giáo.

Sáng Thứ bảy vào lúc 7 giờ sáng trang nghiêm đạo tràng, đồng hương Phật tử vân tập về địa điểm hành lễ, sau đó tụng kinh Địa Tạng. Sau thời kinh, Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni kính hành chung quanh khu tổ chức lễ hội, đi một vòng Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni trở lại trai đường

để ban tổ chức thực hiện nghi thức tác bạch trước khi cung thỉnh chư tôn đức quang lâm lễ đài.

Trong lời tác bạch, TT. Thích Thánh Minh, Trưởng ban tổ chức đã nói: "Hôm Nay, Lễ Kỷ Niệm Khánh Vía Bồ Tát Địa Tạng, Nơi khuôn viên Nhà Quản Peek Family cơ Phật Giáo phát phối tung bay như vui mừng vẫy tay chào đón chư tôn đức và đông đảo đồng hương Phật tử khắp nơi quy tụ về tham dự Lễ Hội. Đây là lần Thứ 5 Pháp Hội Địa Tạng được long trọng khai mạc Tại Miền Nam Cali, Ban Tổ Chức cùng hàng Phật tử tại gia rất hạnh phúc được cùng nghinh chư Tôn Đức... Chư Tăng Ni câu hội về Pháp Hội Địa Tạng vân tập trong thanh tịnh hòa hợp qua tiếng kệ lời kinh nói lên ý nghĩa chánh pháp còn lưu truyền, cuộc đời bớt khổ đau. Đây cũng là nhân duyên tốt để quý Phật tử, cùng tu cùng học, tạo dựng phước điền, gieo trồng từ bi trí tuệ vì đức chúng Tăng rộng như biển cả (Đức chúng như hải)..."

Sau đó đồng hương Phật tử sắp thành hai hàng dài để cung đón chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni quang lâm lễ đài.

Lễ khai mạc chính thức diễn ra vào lúc 10 giờ sáng Thứ Bảy ngày 10 tháng 9 năm 2016.

Điều hợp chương trình tổng quát do Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Đại Đức Thích Đức Trí, Đạo hữu Nguyễn Phú Hùng và Hoàng Văn Chương.

Tham dự buổi lễ có hàng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni tại Miền Nam California Chứng minh buổi lễ khai mạc có quý Chư Tôn Giáo Phẩm: Hòa Thượng: Thích Chơn



Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Viện Chủ Chùa Liên Hoa, HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Chùa Bát Nhã; HT. Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVN Trên Thế Giới, Viện Chủ Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Bảo Quang; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang; HT. Huệ Minh, HT. Giác Pháp, HT. Giác Ngôn, HT. Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Tổ Đình chùa Huệ Quang. HT. Thích Giác Hải đến từ Houston TX, quý Sư Trưởng, Ni Sư quý chư tôn đức tăng ni đến từ các chùa và tự viện Nam California, Về Quan khách có LS. Andrew Đỗ, Giám Sát Viên Quận Cam, Nghị Viên Thành Phố Garden Grove, ông Phát Bùi, Ông cũng là Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California và phu nhân; ông David, đại diện Thượng Nghị Sĩ Janet Nguyễn, ông Lý Vĩnh Phong, đại diện Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal, Ông Sean (Vinh) Hadad, Giám Đốc Nhà Quàn Peek Funeral Home, Bà Linh Đa, Đại Diện Nhà Quàn Feek Funeral Home, một số quý vị đại diện hội đoàn, đoàn thể quý cơ quan truyền thông và rất đông đồng hương Phật tử tham dự. Mở đầu buổi lễ, Đại Đức Thích Đức Trí lên cung thỉnh Chư Tôn Giáo Phẩm chư Tôn Đức Tăng Ni quang lâm làm lễ đài để chuẩn bị cho lễ khai mạc, tiếp theo Đạo Hữu Nguyễn Phú Hùng lên điều hợp chương trình chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Tử Bi Quán.

Sau phần nghi thức, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng, Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTN/HK, viện chủ Chùa Hội Phước New Mexico, Trưởng ban tổ chức lễ Hội Địa Tạng Lân Thứ 5 lên đọc diễn văn khai mạc.

Mở đầu Thượng Tọa thành tâm đánh lễ cung đón chư tôn giáo Phẩm. Hân hoan chào đón quý vị đại diện giới chức chính quyền, quý hội đoàn, đoàn thể, quý cơ quan truyền thông báo giới cùng quý đồng hương Phật tử đã đến chứng minh, tham dự và góp lời cầu nguyện cho pháp hội thành công viên mãn. Thành Tâm Cầu Nguyên Bồ Tát Địa Tạng gia hộ cho tất cả chúng ta luôn được chí nguyện bền chặt để phục vụ và xây dựng cộng đồng người Việt trên đất nước này, ngày một vững bền và phát triển...

Thượng Tọa tiếp: "... Đó là công hạnh bồ tát Địa Tạng được chư Phật ngợi khen, Thánh Hiền đều kính. Do đó Kinh Địa Tạng được hầu hết các tự viện khai tụng trong mùa báo hiếu cha mẹ, tổ tiên theo truyền thống của người con Phật. Bồ Tát Địa Tạng còn có công hạnh đặc biệt nữa là rất thương yêu trẻ con và vì thế Ngài là vị Bồ Tát có một sứ mệnh rất đặc biệt là bảo vệ trẻ con. Chính vì vậy mà đa phần những hình tượng Bồ Tát Địa Tạng tại Nhật Bản



đều mang một khuôn mặt trẻ thơ rất đáng yêu và ngày Tết Trung Thu đã trở thành Ngày Kỷ Niệm Khánh Vía của Bồ Tát Địa Tạng.

Nơi gương Bồ Tát, chúng ta khai Pháp Hội Địa Tạng, tưởng niệm chư Anh Linh, Anh Hùng Liệt Nữ vì quốc vong thân, Các Thuyền Nhân, Bộ Nhân đã bỏ mình trên đường vượt thoát tìm tự do, cầu siêu cho các chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn, các nạn nhân bị thiên tai, đồng đất sống thần đã bỏ mình trong ngày 9 - 11. Pháp Hội Địa Tạng là lễ tưởng niệm tri ân Cha Mẹ, Tổ Tiên ông bà, các bậc tiền bối hữu công, Điều này không những chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn giáo dục thế hệ con cháu về lòng hiếu thảo, đã vượt ra ngoài lễ hội của một tôn giáo, trở thành một truyền thống đạo đức cao đẹp và đặc biệt là trong dịp lễ Trung Thu, ngày Tết của trẻ thơ. Cảm ơn sự đóng góp của quý hội đoàn, đoàn thể, quý đồng hương Phật tử phát tâm tán trợ. Giá trị công đức đó thật phước lợi vô cùng. Tất cả đều mang ý nghĩa thiêng liêng của niềm tri ân và nguyện cầu âm siêu, dương thái...

Ngon đèn pháp hội được thắp sáng và hãy nhất tâm hướng về những chúng sanh khổ đau để chia sẻ thiện pháp cùng đường hôm nay! Cầu nguyện Tất cả chư hương linh chuyển hóa nghiệp thức sanh về cảnh giới an vui."

Tiếp theo là lời phát biểu của quý vị dân cử, đại diện dân cử, tất cả quý vị này đều ca ngợi việc làm của Ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng đã làm một việc rất ý nghĩa đối với Phật Giáo nói riêng và cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản nói chung, quý vị này cũng mong rằng đây là một lễ hội truyền thống được tổ chức hằng năm tại Nam California này.

Sau đó những vị này cũng đã trao đến ban tổ chức lễ hội những băng tưởng lệ để ghi nhận những đóng góp giá trị tinh thần cho cộng đồng.

Nhân dịp này TT. Thích Thánh Minh cũng đã mời các thành viên trong Ban tổ chức gồm: Đạo hữu Quảng Hậu, phó ban tổ chức, Giám Đốc nhà quán Sean Hadad, Phó Ban tổ chức, Đạo hữu Linda Trần, Phó ban tổ chức, Đạo hữu, Minh Lực Nguyễn Phú Hùng, Tổng thư ký lên khán đài để cùng nhận băng tưởng lệ.

Sau đó là Cảm từ của HT. Thích Nguyên Trí, thay mặt Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, mở đầu HT. xin tán thán công đức TT Thích Thánh Minh, Đạo Hữu Huỳnh Tấn Lê, Ban Giám Đốc Nhà Quán cùng quý vị trong Ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng 2016, xin tri ân quý vị quan khách, quý vị mạnh thường quân, quý cơ quan truyền thông, quý chùa và tự viện tại Nam California và đồng hương Phật tử đã đóng góp tịnh tài cũng như hiện vật để lễ hội được thành công viên mãn như ngày hôm nay. HT. Tiếp: "Hôm nay chúng ta tập trung tại đây ngoài việc cầu nguyện chúng ta còn tưởng niệm đến những người đã bỏ mình trong vụ biến cố 9/11, chúng ta cùng nhất tâm nguyện cầu cho họ



được siêu thoát."

Sau đó Ban tổ chức cung thỉnh Hòa Thượng Thích Chơn Thành lên Ban Đạo Từ, mở đầu HT. nhìn lên bức tượng Ngài Địa Tạng, HT. nhắc lại một câu nói của Ngài. Sau đó HT. cũng cho biết trong cảnh địa ngục trần gian này, đồng bào chúng ta hiện đang phải sống lây lất tại quê nhà, không có tự do, dân chủ, chúng ta hãy cùng hướng tâm để cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, HT. kêu gọi mọi người hãy đem tình thương san sẻ cho mọi người, mọi loài chúng sinh và HT. cũng đã tán thán công đức của Thượng Tọa Trưởng Ban Tổ Chức, Đạo hữu Huỳnh Tấn Lê, Ban Giám Đốc Nhà Quán và tất cả các thành viên trong Ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng 2016.

Sau đó ông Sean Hadad, Giám Đốc Nhà Quán Peek Funeral Home Westminster Memorial Park 7801 Bolsa Ave, Thành Phố Westminster CA 92683, Phó ban tổ chức lên có đôi lời cùng tất cả, ông nói: "ông rất hân hoan hằng năm được đón nhận ngày lễ hội này tại Peek Funeral Home Westminster Memorial Park 7801 Bolsa Ave, Thành Phố Westminster CA 92683. đây là cơ hội để chúng tôi cùng góp phần cầu nguyện cho sự bình an đến với mọi người, và cầu nguyện cho những người quá cố được siêu thoát nơi miền Cực Lạc.

Trong dịp này, với tư cách Phó ban tổ chức ông xin gởi lời cảm ơn chân thành nhất đến với tất cả mọi người.

Sau phần nghi thức khai mạc, Ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức trở lại trai đường để Ban tổ chức cúng dường trai tăng, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm trưa.

Tiếp theo là phần cầu nguyện của Thánh Thất Cao Đài Orange County.

Sau đó là Lễ cúng tiến chư hương linh và Lễ Chấn Thối Âm Linh Cô Hồn.

Pháp Hội chấm dứt vào lúc 3 giờ chiều cùng ngày.

Đặc biệt lễ hội Địa Tạng năm nay Đại Đức Thích Nhuận Thủ, Pháp hiệu (Phong Nguyên) Trụ trì Chùa Địa Tạng tọa lạc số 5418 đường W. 4 Th St, Santa Ana, CA 92703 đã tổ chức một Thư Quán để mời Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni uống trà, thưởng ngoạn những bức tranh Thư Pháp về những lời Phật dạy do Thầy thực hiện đã được triển lãm nhiều nơi.

Đồng hương Phật tử muốn có những bức tranh Thư Pháp hay những câu viết theo ý riêng của mình xin liên lạc về: (714) 220-8504.



DU TÂM LÃNG TỬ

THÁNG TÁM MIỀN ÔN ĐỜI

Bao nỗi nhớ thương chơi vơi
Cha mẹ và quê hương xa diệu vợi
Những nỗi niềm riêng thâm áp ủ
Dang dở không thành nên còn mãi ở tâm tư
Trời tháng tám nhớ Trung Thu cổ quận
Phá cỗ, rước đèn, rập rênh ông địa múa bên lân
Bọn con trẻ vui hân hoan biết mấy
Ta nơi này thấy cả một trời mây
Ai cũng bảo Trung Thu trắng tròn hơn mọi tháng
Chú Cuội ở cung Hằng chắc nhớ lắm trần gian
Dầu ở chốn cao sang mà lòng dạ mang mang
Bên gốc đa lòng ngập tràn thương nhớ
Khoảng cách xa xôi, muôn trùng trắc trở
Dầu thiết tha nhưng đâu dễ đi- về
Đời con áo và bọn bè duyên nợ
Đành ôm lòng gởi thương nhớ vào thơ
Tháng tám êm êm, khí trời dần dịu mát
Đưa trẻ lên chùa tập múa hát Trung Thu
Một chút hồn quê duy trì ở vùng đất mới
Nối tiếp cội nguồn nơi miền ôn đới xa xôi
Trời tháng tám mây trắng chập chùng trôi
Chùa Hải Ngoại rộn ràng mở hội
Người về đây cùng ta đợi trăng lên.

VĂN LỜI THIẾT THA

Quá đà đã nửa cuộc chơi
Tình trong lữ thứ vẫn lời thiết tha
Mới hay nguồn cội Sa-Bà
Đời đau đến độ... ngỡ là cơn mê
Tháng năm qua vẫn vụng về
Nắng mưa đã lắm chẳng hề hư hao
Vì em phong vận má đào
Thanh thanh vóc hạc nói chào người dừng...
Tình ơi như thể chưa từng
Giá không gặp gỡ ta đừng thương chi
Mai này rồi lại ra đi...

ĐỊA ĐÀNG LỖ XA

Sầu lên ngút cả trời mây
Tôi không quên được em gầy guộc hoa
Mãi vui trong cuộc hoan ca
Một trăm con bướm vũ tà dương huy
Sa-bà in vết chim di
Trăm năm tình vẫn còn y nguyên sâu
Em về cố quận xanh dâu
Tôi xa nguồn cội một màu quan san
Yêu em một cuộc bể bàng
Ấy con đau kiếp địa đàng lỗ xa
Yêu em mộng mị thiết tha
Tháng ngày qua
Tháng ngày qua
Tháng ngày
Tâm đầy mộng tưởng mê say
Em hờ hững để tôi cay đắng lòng
Em qua bến mộng còn trông...

ĐỂ THƯỜNG GẶP NHAU

Nhìn nhau một khoảng lặng thinh
Người trong thiên hạ mà tình nguyên sơ
Gặp đây ngỡ tự bao giờ
Cùng trong lao nhọc vụng về nhân duyên
Mới hay sức mạnh đồng tiền
Đời chưa buông được nên phiền não thay
Ngày qua ngày lại qua ngày
Mồ hôi sức lực đắng cay nhọc nhằn
Ngược xuôi vất vả đường trần
Mệnh sao khác biệt là thân con người
Trăm năm trong cuộc đất trời
Dầu không tri kỷ cũng lời cảm thương
Trước sau mấy thuở chung đường
Tình trong lữ thứ dễ thường gặp nhau?
Một ngày lòng dạ nao nao
Người đi người ở người sao thương người.



Georgia, Aug., 2016

TỪ BI RỘNG MỞ CỐI LÒNG

DALAI LAMA & VICTOR CHAN

Tuệ Uyển trích dịch

Một vài ngày sau khi Đức Đạt Lai Lạt Ma gặp chàng trai mù ở Đạo Tràng Giác Ngộ, tôi có một buổi ăn tối như thường lệ ở một phòng ăn nhỏ ở tầng hai của tu viện từ nhân viên Văn Phòng Riêng đến các bảo vệ đều ăn buổi tối của họ ở đây. Hầu hết mọi buổi tối, thức ăn là món truyền thống của Tây Tạng bột nhồi trộn luộc và mì nước với rau cải.

Khi tôi bắt đầu với món súp, Bác sĩ Tseten Dorji Sadutshang nhích đến bên cạnh tôi. Chúng tôi gặp nhau hai năm trước đây ở Spit, một vương quốc cổ của Tây Tạng phía Bắc Dharamsala. Bác sĩ Tseten, như ông được biết, thì mảnh liệt và ốm như đường rầy xe lửa. Một không khí của uyên bác và nội quán gắn liền với ông, và ông nói chuyện trong giọng điệu chu đáo và tiết độ. Ông thường sống một mình, nhưng đôi khi ông có thể gia nhập vào đám đông một cách đáng ngạc nhiên.

Tôi hỏi ông về chàng trai mù, Lobsang Thinley, từ Tây Tạng.

"Tôi được thông điệp từ Đức Thánh Thiện," Bác sĩ Tseten nói với tôi. "Nhưng trước khi tôi có thể gặp và khám cho chàng trai mù, người nào đó đã đến cho tôi hay một tin tức. Một người trẻ Tây Tạng, một tu sĩ đến từ tu viện Drepung ở Nam Ấn, muốn tặng đôi mắt của ông ta cho chàng trai trẻ ấy."

Tôi dừng ăn mì. Tôi nhìn chung quanh phòng xem có ai nghe tin này không. Nhưng không có ai chú ý.

Cho nên đây là những gì tôi nghĩ như tác động của từ bi: nếu ông thật sự muốn hạnh phúc chân thật, thế thì bất cứ phương pháp gì ông sử dụng để có từ bi là đáng để bỏ công. Và thứ tự tốt nhất là: khi ông nghĩ về người khác, ông sẽ là người đầu tiên hưởng lợi ích tối đa."

- Đức Đạt Lai Lạt Ma -



"Vâng, thật là hết sức ngạc nhiên," vị bác sĩ tốt nghiệp Harvard nói. "Tôi chưa bao giờ nghe chuyện như vậy trước đây. Hiến tạng mắt, vâng, từ những người chết. Nhưng chưa bao giờ từ một người sống."

"Ông đã gặp chàng trai mù rồi chứ?" tôi hỏi.

"Vâng, tôi đã đến trại, nơi những người hành hương đến từ Tây Tạng ở. Có khoảng hai hay ba trăm người ở trong những lều vải chỉ ngay phía sau Đại Tháp. Tất cả họ đều xoay sở để đi xuyên Hy Mã Lạp Sơn đến Nepal và rồi hồi lộ cho lính biên phòng để đến Ấn Độ. Chàng trai mù ở trong một lều với khoảng tám hay mười người. Mẹ chàng khóc miết lúc tôi ở đây."

"Ông đã khám mắt cho chàng trai ấy rồi chứ?"

"Không. Không thể. Ánh sáng kém quá, và tôi không đem theo vật dụng y tế."

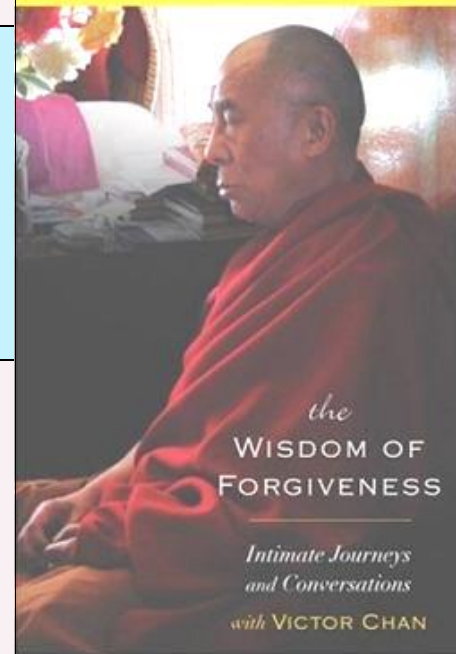
"Ông có nói cho chàng trai nghe về việc tu sĩ hiến tạng mắt?"

"Chàng ta đã biết chuyện ấy rồi. Tôi nói với anh ta rằng trước tiên anh ta phải khám nghiệm toàn bộ để chúng tôi xem điều gì xảy ra với mắt anh ta. Và cả hai người đàn ông cần phải được kiểm soát để thấy hai người có tương hợp với nhau không, việc ghép có được hay không?"

Tôi tiếp tục ăn tô mì của tôi. Bác sĩ Tseten nhìn chăm chăm vào tô mì của ông ta. Ông chỉ mới ăn chút ít mà thôi.

"Chàng trai mù nói với tôi rằng anh ta đã nghĩ nhiều về việc hiến tạng," ông tiếp tục. " Dĩ nhiên anh ta cực kỳ xúc động. Nhưng anh ta nói cuối cùng phải từ chối. Anh ta đã đau khổ cùng cực qua bao năm tháng, và đơn giản là anh không thể chịu đựng với suy nghĩ về một người khác sẽ phải chịu cùng sự đau đớn như vậy."

Bác sĩ Tseten nói với tôi rằng ngày kể đó ông đã đi đến trại của những tu sĩ thuộc tu viện Drepung ở. Ông muốn gặp Tsering Dhondup, người muốn hiến tạng đôi mắt. Vị tu sĩ đã không có ở đó.





Bác sĩ Tseten

"Hôm qua, tôi đã gặp Đức Thánh Thiện và nói với ngài về việc hiến tặng của tu sĩ," Bác sĩ Tseten nói.

"Ngài phản ứng thế nào?"

"Thật là một thời điểm quý báu nhất trong đời tôi," Bác sĩ Tseten nói một cách lắng lẽ. "Ngay cả trước khi tôi nói xong về việc của tu sĩ ấy, tôi có thể thấy sự dâng trào cuộn cuộn của thấu cảm, của từ bi, tuôn ra từ bên trong sâu thẳm của ngài. Điều đó là thật, như là một vấn đề tự nhiên. Nhưng ngài không

nói một lời nào. Đôi mắt tôi bắt đầu đầm lệ. Tôi chưa bao giờ cảm thấy điều gì đó như thế này trước đây. Từ bi thật mãnh lực, bao phủ tôi, và thấm nhuần tôi."

Từ bi là một chủ đề mà Đức Đạt Lai Lạt Ma lập đi lập lại mãi. Tôi không tin là tôi có bao giờ ngồi suốt buổi diễn thuyết hay giảng dạy của ngài mà không nghe ngài tiếp tục nói tràng giang về điều này. Tôi cũng biết là ngài đã thiền quán về từ bi mỗi buổi sáng mà không bao giờ thiếu trong nửa thế kỷ qua.

Trong một cuộc phỏng vấn, tôi đã thỉnh cầu Đức Đạt Lai Lạt Ma trao cho tôi sự thọ trì về từ bi của ngài, như thường lệ, Lhakdor, luôn ở bên cạnh ngài.

"Từ bi là điều gì đó như một cảm nhận sâu sắc, một cảm nhận quan tâm cho những khó khăn và đau khổ của người khác," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói. "Không chỉ gia đình và bè bạn, nhưng tất cả những người khác. Những kẻ thù cũng thế. Bây giờ nè, nếu chúng ta thật sự phân tích những cảm giác của chúng ta, một điều sẽ trở thành rõ ràng. Nếu chúng ta chỉ nghĩ về chính chúng ta, quên lãng những người khác, thế thì tư tưởng của chúng ta chỉ chiếm dụng một vùng rất nhỏ. Bên trong vùng nhỏ nhoi đó, ngay cả một rắc rối bé tí cũng xuất hiện rất lớn. Nhưng thời khắc ông phát triển một cảm nhận quan tâm đến người khác, ông sẽ nhận ra rằng, đúng là giống như chúng ta, họ cũng muốn hạnh phúc, họ cũng muốn toại nguyện. Khi ông có cảm nhận quan tâm này, tâm tư ông tự động mở rộng. Vào lúc ấy, những rắc rối của chính ông, ngay cả những rắc rối lớn, sẽ không là quan trọng lắm. Kết quả? Sự gia tăng trong hòa bình của tâm thức. Cho nên, nếu ông chỉ nghĩ về chính ông, chỉ sự hạnh phúc của ông, kết quả thật sự là kém hạnh phúc hơn. Ông cảm thấy bồn chồn hơn, sợ hãi hơn.

Cho nên đây là những gì tôi nghĩ như tác động của từ bi: nếu ông thật sự muốn hạnh phúc chân thật, thế thì bất cứ phương pháp gì

ông sử dụng để có nó là đáng để bỏ công. Và thứ tự tốt nhất là: khi ông nghĩ về người khác, ông sẽ là người đầu tiên hưởng lợi ích tối đa."

Tôi hỏi Đức Đạt Lai Lạt Ma làm sao ngài có được sự thấu hiểu từ bi này.

"Lúc tôi ba mươi hai tuổi, tôi đã phát triển một kinh nghiệm mạnh mẽ về từ bi," ngài với tôi. "Trong năm 1967, tôi tiếp nhận giáo huấn 'Hướng Dẫn Lối Sống Bồ tát (1)' của Tịch Thiên từ một Lạt Ma cao cấp. Từ lúc ấy tôi đọc và tư duy về từ bi. Tâm tư tôi trở thành gắn gũi với nó, cảm giác của tôi về nó rất mạnh mẽ. Thường thường, khi tôi quán chiếu về ý nghĩa và lợi lạc của lòng vị tha, lệ đã rơi trên má tôi."

Ngài hướng qua nói Tạng ngữ với Lhakdor. Lhakdor thông dịch lại: "Căn cứ trên sự thông hiểu của ngài, thì việc phát triển từ bi tiếp diễn từ lúc ấy. Khi ngài thiền quán về từ bi, đôi khi ngài tràn đầy hoan và cảm kích. Và có một cảm nhận mạnh mẽ của việc quan tâm cho người khác đồng thời với một cảm giác buồn thảm."

"Có một lỗi rẻ nào khác trong sự phát triển từ bi của ngài sau năm 1967 không?"

"Liên tục," ngài trả lời bằng Anh ngữ, trước khi nói với Lhakdor bằng Tạng ngữ.

"Vào cuối những năm 1980, kinh nghiệm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về từ bi trở nên mạnh hơn và mạnh hơn," Lhakdor thông dịch. Tôi chú ý rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma không muốn nói trực tiếp với tôi về thành tựu tâm linh của ngài. Có lẽ ngài lo ngại rằng ngài sẽ gây ấn tượng khoe khoang. Ngài rõ ràng thoải mái hơn khi nói chuyện qua Lhakdor.

"Từ lúc ấy, cảm nhận từ bi đến với ngài một cách dễ dàng hơn có phải không?" tôi hỏi.

"Vâng," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, thêm điều gì đó bằng Tạng ngữ. Lhakdor bắt đầu thông dịch: "Một điều là: sau khi phát triển kinh nghiệm thật sự này với từ bi, có những phần này ..."

"Sự tin chắc, từ ngữ thích hợp hơn," Đức Đạt Lai Lạt Ma chen vào. "Tôi không thể nói 'kinh nghiệm thật sự.' Sự tin chắc mạnh mẽ."

"Một biểu lộ của sự tin chắc ấy," Lhakdor



Đức Đạt Lai Lạt Ma và Lhakdor

tiếp tục. “Bất cứ khi nào ngài hành thiền hay quán chiếu về từ bi, thì nó sẽ đưa đến những cảm xúc đầy năng lực, dẫn đến những dòng nước mắt trong một số lần giảng dạy công cộng hay học tập riêng tư. Và khi Đức Thánh Thiện quán chiếu về những giải thích thậm thâm nào đó về tánh không, điều này cũng thúc đẩy một cảm xúc mạnh.”

“Tôi nghĩ rằng sự tin chắc hay những cảm xúc mạnh ấy thật sự sinh ra thêm sức mạnh nội tại,” Đức Đạt Lai Lạt Ma giải thích. “Cho nên khi tôi đối diện một rắc rối hay chỉ trích nào đó, thí dụ, đôi khi sự chỉ trích vô căn cứ từ Trung Cộng, dĩ nhiên, đôi khi cũng bị kích động.”

“Nhưng rồi thì ngài có cảm nhận từ bi này cho họ,” Lhakdor thông dịch. “Ngài ân hận rằng họ đã không thực hiện sự liên hệ tích cực với ngài. Nhưng tình cảm của ngài cũng nguyện cho họ có kết quả tích cực mặc dù có sự tiêu cực này. Một vấn đề khác: Đức Thánh Thiện muốn nhấn mạnh rằng sự phát triển của ngài về từ bi là một kết quả của sự thực tập dài lâu.”

“Hành động gian khó cần mẫn,” tôi thêm vào.

“Không quá gian khó,” Đức Đạt Lai Lạt Ma nói. “Tôi nghĩ buổi sáng sớm, tôi quán chiếu về từ bi, khoảng vài phút. Một sự tỉnh lự nào đó, một sự thiền quán phân tích nào đó. Dĩ nhiên, mỗi buổi sáng, tôi thọ trì thệ nguyện vị tha - Bồ tát giới. Vào lúc ấy, tôi quán chiếu về từ bi, trì tụng một số câu kệ, cho đến khi tôi có một loại cảm giác mạnh mẽ nào đó.”

“Bây giờ nè, sự thấu hiểu về tánh không giúp rất nhiều cho việc phát triển từ bi. Không nghĩ ngờ gì nó cũng cổ lòng từ bi,” Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, điểm vào không khí vài lần với ngón tay trỏ phải của ngài.

Lhakdor giải thích: “Tánh không cho phép chúng ta có một sự thông hiểu về thực tại cứu kính (chân đế). Nó giúp chúng ta đánh giá đúng tuệ giác liên hệ hỗ tương - một quy luật nền tảng của tự nhiên. Chúng ta đạt được sự đánh giá đúng rằng tất cả chúng ta liên hệ với nhau một cách căn bản. Chính là do bởi sự liên hệ hỗ tương này mà chúng ta có thể thấu cảm với nỗi khổ của người khác. Với sự thấu cảm, từ bi tuôn chảy một cách tự nhiên. Chúng ta phát triển một sự thấu cảm chân thành cho sự khổ đau của người khác và chí nguyện cứu độ làm tan biến nỗi đau đớn của họ. Tánh không vì thế làm mạnh thêm những cảm xúc tích cực như từ bi.”

Tánh không và từ bi. Tuệ giác và phương tiện. Đây là hai cột trụ sinh đôi trong sự thực tập của Đức Đạt Lai Lạt Ma - mọi thứ chúng ta cần để biết về sự thực tập tâm linh. Ngài thường sử dụng một ẩn dụ để làm sáng tỏ tầm quan trọng trung tâm của chúng. Giống như một con chim cần hai cánh để bay, một người với tuệ giác và không có từ bi giống như một ẩn sĩ sống đời vô vị đơn độc trong núi rừng;

một người từ bi mà không có tuệ giác không gì hơn như một người dễ thương ngớ ngếch. Cả hai phẩm chất là cần thiết, chúng làm mạnh mẽ lẫn nhau. Một khi chúng ta nhận ra tất cả chúng ta là liên hệ hỗ tương, thì thật khó để không có một cảm nhận từ bi nào đó cho những vấn nạn của những con người đồng loại chúng ta.

Đức Đạt Lai Lạt Ma trông trầm ngâm. Sau một lúc, ngài hướng về tôi, đôi mắt ngài tìm kiếm. “Tôi nghĩ một điều mà tôi hoàn toàn chắc chắn,” ngài nói. “Tôi có thể nói với ông, sự thực tập song song tánh không và từ bi là...” Sau đó ngài chuyển sang Tạng ngữ một lần nữa.

Lhakdor thông dịch. “Đức Thánh Thiện có thể nói với sự tin chắc rằng: nếu ông hành thiền về tánh không và từ bi, miễn là ông thực hiện năng nổ, thế thì Đức Thánh Thiện bảo đảm rằng, ngày lại ngày qua, ông sẽ có những lợi lạc rõ ràng. Toàn bộ thái độ của ông sẽ thay đổi.”

“Tôi nghĩ, hai sự thực tập này thật khéo léo...” Đức Đạt Lai Lạt Ma ngừng lại, không hoàn toàn thỏa mãn rằng chữ “khéo léo” là thích đáng. Ngài nhìn chăm chăm vào không gian, hai tay nắm lại trước mặt ngài. “Tôi nghĩ ... hiệu quả. Tôi nghĩ việc thấu hiểu tánh không làm mọi thứ uyển chuyển, rồi thì từ bi làm nên một hình thái mới.” Vào lúc chấm dứt câu cuối cùng của ngài, ngài đung hai nắm tay ngài với nhau như chập chửa.

“Như nặn đất sét,” Lhakdor tự động.

“Những thứ này về từ bi là điều gì đó sống động - theo kinh nghiệm của riêng tôi,” Đức Đạt Lai Lạt Ma tiếp tục. “Tôi nói một vài kinh nghiệm của tôi cho những người khác, chia sẻ những cảm giác nào đó của tôi, sau đó những người khác thấu hiểu: có điều gì đó thực tế, điều gì đó sống động. Bằng cách đi nhiều người sẽ có ấn tượng rằng: những thứ này là điều gì đó như ‘thiền đàn’ của Phật Giáo - chỉ là ý tưởng, chỉ là khái niệm, không phải là điều gì đó sống động...”

“Giống như kể một chuyện thần tiên,” Lhakdor thông dịch, khi Đức Đạt Lai Lạt Ma lúc lắc tới lui trên chiếc ghế của ngài, thân thể ngài rung chuyển với giọng cười như sấm của ngài.

(Trích từ quyển "THE WISDOM OF FORGIVENESS: Intimate Conversations and Journeys" by Dalai Lama, Victor Chan)



(1) Nhập Bồ Tát Hạnh

Gương bồ thí

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Ngày xưa có một vị Bồ tát, nhân thấy cuộc đời vô thường cho đến cả thân mạng và của cải cũng vậy, nên Bồ tát phát tâm đồng mãnh đem tất cả sản nghiệp của mình bồ thí.

Trong khi bồ thí Bồ tát không phân biệt người oán kẻ thân, miễn thấy ai thiếu thốn khổ sở là Ngài đem lòng thương xót và tận tâm giúp đỡ. Cũng vì thế, nên lòng nhân từ của Ngài vang khắp mọi nơi, và ai nghe đến tên Ngài cũng đều cảm phục.

Nhân đó, một vị Thiên Đế Thích chường quản Dục giới sanh lòng ghen ghét lo sợ. Ông ta thầm nghĩ: "Nếu vị Bồ tát này tu hạnh bồ thí quảng đại như vậy không bao lâu phước đức của người sẽ hơn ta và khi ấy địa vị Thiên Đế Thích này chắc gì ta giữ mãi được." Nghĩ thế rồi, Thiên Đế Thích bày mưu kế để lụng lạc hạnh bồ thí của Bồ tát. Ông bèn dùng thần thông hóa hiện một cảnh địa ngục ghê rợn trước mắt Bồ tát và trong địa ngục ấy, một tội nhân đang bị hành hạ khổ sở... Thấy tội nhân bị hành hạ Bồ tát thấy làm đau đớn thương xót trong khi ấy thì Thiên Đế Thích kia liền đến chỉ vì chuyên tu hạnh bồ thí, nên ngày nay y phải chịu quả báo đau khổ và nếu người tu hạnh bồ thí, thì sau này khi mạng chung, người cũng phải đọa vào địa ngục này để chịu mọi điều đau khổ như thế. Vậy, người còn muốn tu hạnh bồ thí nữa không?"

Nghe Thiên Đế Thích nói, Bồ tát rất ngạc nhiên, và bảo với Thiên Đế Thích rằng: "Tôi

chưa hề nghe ai nói bồ thí mà bị đọa vào địa ngục và chịu mọi đau khổ!" Đế Thích trả lời: "Nếu người không tin, thì người thử đến hỏi tội nhân ấy." Bồ tát liền đến hỏi tội nhân: "Người vì duyên cớ gì mà phải chịu hình phạt như thế?" Tội nhân trả lời: "Cũng vì lúc sanh tiền có bao nhiêu tiền của tôi đều đem giúp hết cho người, nên nay tôi chịu quả báo đau khổ ở đây." Bồ tát lại hỏi: "Nếu người đem tiền của bồ thí mà nay phải chịu quả báo đau khổ, vậy những kẻ được bồ thí thì sao?" Tội nhân đáp: "Những kẻ được bồ thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời hưởng quả báo an vui."

Nghe vậy Bồ tát vui vẻ nói: "Sở dĩ ta đã bồ thí là vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui... Nhưng nếu vì bồ thí mà thân ta phải đọa

vào địa ngục để chịu muôn ngàn đau khổ, ta cũng vẫn vui lòng. Và lại cứu giúp chúng sanh mà thân mình bị đau khổ cũng là điều rất thường đối với Bồ tát."

Thiên Đế Thích nghe vậy, rất lấy làm cảm phục và cung kính hỏi rằng: "Vì chí nguyện gì mà người có những hành động quả cảm như thế?" Bồ tát trả lời: "Chí nguyện của ta không ngoài mục đích cầu Phật đạo để cứu khổ chúng sanh."

Sau khi biết rõ chí nguyện của Bồ tát, Thiên Đế Thích tự thấy hối hận, liền thành kính đến quỳ trước Bồ tát: "Thưa Ngài chỉ vì nghiệp chướng mê mờ, sợ mấy quyền vị Đế Thích nên tôi giả bày cảnh địa ngục ấy, để hầu lụng lạc chí nguyện bồ thí mà phải chịu quả báo đau khổ! Nghĩ lại hành động lỗi lầm của tôi, tôi rất hổ thẹn và đau đớn. Vậy trước Ngài tôi xin sám hối và xin nguyện sẽ mãi mãi noi gương bồ thí cao quý của Ngài; và nguyện sẽ hết lòng giúp đỡ những ai trong cõi Dục giới này, phát tâm tu hạnh bồ thí."

Thuật giả: **Chơn Trí**
*Sống gì hơn sống làm lành
 Cho bao nhiêu của để dành
 bấy nhiêu*



LỌC MÁU NHÂN TẠO

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Phương pháp lọc máu với thận nhân tạo được áp dụng khi khả năng loại bỏ chất phế thải và nước dư trong máu của thận chỉ còn khoảng từ 5 tới 10% so với mức độ bình thường.

Suy thận cấp tính không khá hơn với điều trị thì lọc máu có thể được áp dụng trong một thời gian ngắn cho tới khi thận hoạt động trở lại.

Suy thận mạn tính thì phải lọc máu suốt đời, nếu không được thay ghép thận.

Mục đích của thận nhân tạo là để mang lại sức khỏe cho cơ thể, bằng cách:

- Loại bỏ chất thải, muối khoáng và nước dư trong máu, tránh ứ đọng trong cơ thể
- Duy trì huyết áp ở mức bình thường
- Giữ thăng bằng một số hóa chất trong máu..

Hệ thống lọc máu thận nhân tạo đầu tiên được thành hình trong Thế chiến thứ II. Máu được dẫn qua một ống làm bằng màng bán thấm, nhúng trong dung dịch nước rửa máu. Màng bán thấm để các phân tử nhỏ như chất thải ure chạy qua và máu sạch được truyền trở lại cơ thể.

Trong những thập niên vừa qua, thận nhân tạo đã được cải tiến với nhiều hiệu năng và dễ dàng sử dụng hơn.

Nguyên tắc của sự lọc máu

Thực ra rất giản dị:

Máu từ cơ thể được dẫn vào một hệ thống lọc đặc biệt gọi là dialyser hoặc "thận nhân tạo".

Dung dịch rửa máu (dialysate) được cho lưu hành chung quanh thận nhân tạo để lấy ra các chất phế thải như ure, creatinine ...

Máu sạch chứa tế bào máu, chất dinh dưỡng được đưa trở lại cơ thể.

Việc đưa máu ra vào cơ thể hơi phức tạp hơn.

Thường thường là có hai kim: một để lấy máu ra khỏi cơ thể và một kim dẫn máu trở lại cơ thể.

Có 3 cách để tạo ra đường vào, nơi cắm kim cho việc lọc máu:

1. Tạo ra một lỗ rò vĩnh viễn (fistula) giữa một động mạch và một tĩnh mạch, máu sẽ vào tĩnh mạch nhiều hơn, trở nên mạnh hơn và lớn hơn và chịu đựng được sự cắm kim chích thường xuyên trong việc lọc máu.

Hai kim được cắm vào lỗ rò: một để hút máu từ cơ thể đưa tới máy lọc, một để đưa máu sạch trở lại cơ thể.

Việc thực hiện lỗ rò này phải được dự trù trước và đôi khi phải cần thời gian là cả năm vết nổi mới lành và mới sử dụng được lỗ rò.

Thường thường lỗ rò được thực hiện ở cẳng tay, đôi khi ở cánh tay, phía tay ít dùng trong công việc hằng ngày. Cách này được phổ biến vì ít gây khó khăn đồng thời lại dùng được lâu hơn.

2. Tạo ra một cầu nối giữa tĩnh mạch và động mạch bằng một ống nhựa tổng hợp, có nhiệm vụ như một tĩnh mạch, máu ra vô qua cầu nối này.

3. Trường hợp cấp bách, dùng một ống nhựa cắm vào tĩnh mạch ở cổ, ngực hoặc dưới bẹn để máu ra vô...

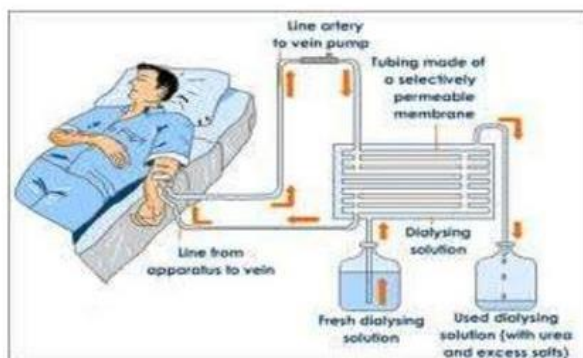
Mỗi lần lọc máu, kim có thể được cắm vào cùng chỗ với lần trước hoặc theo kiểu nấc thang, từ dưới lên trên rồi ngược lại.

Trong cả ba phương thức vừa kể, một số rủi ro có thể xảy ra như nhiễm trùng, máu chảy chậm vì huyết cục ở chỗ cắm kim.

Chăm sóc nơi cắm kim:

- Bảo đảm là chuyên viên kiểm soát nơi cắm kim trước khi điều hành máy lọc.
- Giữ gìn nơi cắm kim luôn luôn sạch sẽ
- Chỉ sử dụng chỗ cắm kim cho việc lọc máu chứ không phải cho việc tiêm thuốc trị bệnh khác.
- Khi đo huyết áp, đừng đặt bao lên trên chỗ cắm kim.
- Không mang nữ trang trên chỗ cắm kim.
- Đừng nằm đè lên chỗ cắm kim.

Dialysis



- Đừng nâng mang vật nặng với cánh tay có chỗ cắm kim.
- Đếm nhịp tim đập mỗi ngày tại mạch máu nơi cắm kim.

Địa điểm để lọc máu

Việc lọc máu có thể được thực hiện tại bệnh viện, trung tâm lọc máu hoặc ngay tại nhà riêng.

Nếu là tại nhà thương hoặc trung tâm thận nhân tạo thì lịch trình không thay đổi sẽ là ba lần một tuần. Bệnh nhân có thể chọn những ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu hoặc thứ Ba, thứ Năm và thứ Bảy trong tuần, buổi sáng hoặc buổi chiều, nhưng nên nhớ là thời gian mỗi lần lọc máu kéo dài từ 3 tới 5 giờ.

Các chuyên viên y tế có thể hướng dẫn cho bệnh nhân và thân nhân cách thực hiện lọc máu ở nhà cũng như phương thức đối phó với khó khăn có thể xảy ra. Thời gian cần để huấn luyện là 4-5 tuần lễ.

Ưu điểm việc lọc máu tại nhà là người bệnh không phải cách ngày đi tới trung tâm, thời gian lọc ngắn hơn vì dung dịch lấy ra mỗi lần đều ít, do đó giảm thiểu được một vài khó chịu như nhức đầu, buồn nôn, mệt mỏi..

Có nhiều phương thức lọc máu tại nhà:

Lọc máu theo quy ước thông thường, ba lần một tuần, mỗi lần lâu từ 3 tới 5 giờ.

Lọc máu với thời gian thu gọn, thực hiện với loại máy đặc biệt từ năm tới bảy lần một tuần, mỗi lần kéo dài khoảng 2 giờ.

Lọc máu ban đêm ở nhà. Thực hiện mỗi buổi tối hoặc cách tối, trong khi bệnh nhân ngủ, kéo dài từ 6 đến 8 giờ.

Lọc máu qua Xoang phúc mạc

Phúc mạc là lớp màng thanh dịch lót xoang bụng, mặt ngoài áp vào vách bụng, mặt kia bao bọc các cơ quan trong bụng. Xoang phúc mạc có một hệ thống huyết quản rộng lớn. Do đó, trong cách lọc máu này, phúc mạc được sử dụng như một màng lọc và có công dụng như thận nhân tạo.

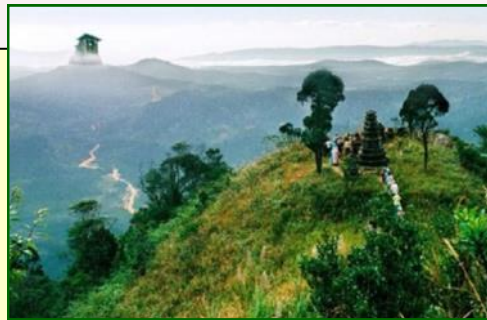
Một dung dịch gọi là chất thẩm tách gồm có nước, khoáng chất và đường dextrose được đưa vào xoang phúc mạc bằng một cái ống nhỏ mềm.

Đường dextrose sẽ thu hút chất thải, hóa chất và nước dư thừa trong máu vào dung dịch này. Sau vài giờ, dung dịch chứa chất thải được hút ra ngoài, bỏ đi và một dung dịch thẩm tách mới lại được bơm vào xoang.

Phương thức được làm đi làm lại nhiều lần trong ngày để thanh lọc máu.

Cách lọc máu này ít tốn kém, bệnh nhân có thể tự thực hiện lúc nào cũng được. Tuy nhiên, bệnh nhân cần được bác sĩ đặt cho một ống vĩnh viễn vào bụng để chuyển dịch thẩm tách và phải giữ gìn ống sạch sẽ để tránh viêm xoang bụng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



GHÉ VÀO TỊNH THÁT

*lắm tâm xanh rồi lắm tâm hồng
 thoang thoang hương rồi bát ngát bông
 ghé đá chờ ai, ai đã mãi?
 ngồi mà đôi nhãn với hư không.*

HƯƠNG CHÙA

*đi vào nghe ngát trầm hương
 đi lên thấy rộng con đường hoa bay
 đi ra hương phả mùi cây
 đi về hương tỏa màu chay chập chùng.*

LỜI TÌNH CHƯA TRỌN

*ta mơ thấy em về hoang vắng nhỏ
 bước băng quơ tình rộn rã phiêu bông
 ta thu lại bóng mùa xưa bỏ ngỡ
 yêu một lần mà đắm chết trăm năm
 đời lặn dạn ta còn say mộng lớn
 mộng hồ tan trong bi khúc em cười
 ta ôm xiết nhưng hồn xanh lớn vồn
 cuối trời xanh một giấc ngủ chưa nguôi
 ta mục tử trên đồng hoang đuổi bắt
 mộng bay dài trong thăm thẳm ban sơ
 ta dừng lại bên bờ mi chắt ngát
 ngó em rồi đành bỏ cuộc ngu ngơ
 ôi tình ái như mũi tên tẩm độc
 một đời ta sụp xuống hố càn khôn
 nghe âm u em cười như huyền hoặc
 buổi ban sơ giòng máu chảy lên đường
 xin trở lại bây giờ làm lãng tử
 gót chân đi cho dậy gió điên cuồng
 xin trở lại cùng em qua cuộc lữ
 nét vàng son tô phết bụi mùi hương
 xin trở lại cùng em say cuộc lữ
 sống tình khô trong giấc ngủ diệu thường.*

thơ **PHÙ DU**

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười một

(Kỳ 2, tiếp theo)

Đáng lý bọn tiểu Nha Trang chúng tôi khỏi phải qua kỳ thi khảo hạch, vì đã có chúng chỉ tốt nghiệp và thư giới thiệu của Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn gửi đến. Nhưng Thượng tọa giám viện sợ các chú khác phân bì, đã đề nghị chúng tôi tham dự kỳ thi cho được công bình. Vậy là thi. Đề thi không khó lắm, đều là những bài học kinh luật và giáo lý căn bản mà chúng tôi đã học qua ở Nha Trang. Mười hai chú Nha Trang (ở viện gọi chúng tôi là *các chú Nha Trang* cho gọn và dễ phân biệt trong thời gian đầu) đều qua được kỳ thi khảo hạch dễ dàng. Một số chú ở các tỉnh không đủ điểm phải ra về; có chú vì hoàn cảnh sao đó, sau khi nắn nỉ hết lời, đã được phép ở lại học. Đến ngày khai giảng, tổng số tăng sinh của Phật học viện là bốn mươi sáu người. Mọi người đều đã được ổn định chỗ ăn ở. Mỗi phòng tăng lớn chứa từ mười lăm đến hai chục cái giường, đặt san sát nhau y như ở một bệnh viện nghèo. Nhưng chẳng sao, chúng tôi không quan tâm chuyện đó lắm. Tuổi trẻ ăn thì kén chọn chứ ngủ thì khó khăn gì, nằm đâu cũng

ngon giấc được cả – nhất là ở chùa Long Tuyên này, đặc biệt không có muỗi; có lẽ vì khoảng khoát, có gió thổi lồng lộng suốt ngày đêm như ở bãi biển. Tăng sinh được chia làm hai chúng: chúng Ca Diếp và chúng A Nan. Chữ *chúng* là một thuật ngữ của Phật giáo dành để chỉ một tập thể tỳ kheo gồm bốn vị trở lên. Ở đây, chữ *chúng* được dùng cho các chú tiểu, hiểu như là nhóm, tổ, đoàn. Ca Diếp và A Nan là tên của hai vị Sơ và Nhị Tổ của Thiền tông theo truyền thuyết Trung Hoa. Ca Diếp là vị đại đệ tử của Phật, nổi tiếng với danh xưng đầu đà (khổ hạnh) đệ nhất; A Nan là em họ của Phật, nổi tiếng đa văn (học rộng, nghe nhiều) đệ nhất. Lấy tên các vị này để đặt cho hai chúng là ý muốn nêu gương cho học tăng. Mỗi chúng bầu một vị sa-di lớn tuổi làm chúng trưởng, một vị làm chúng phó (đặc biệt trong khóa học của chúng tôi có bốn vị có tuổi trên hai mươi). Theo sự đề nghị của Thượng tọa giám viện, thầy quản chúng đã chia nhóm tiểu Nha Trang chúng tôi làm hai: một nửa lọt vào chúng Ca Diếp, một nửa còn lại thuộc chúng A Nan. Tôi và Sáng cùng ở chúng Ca Diếp.

Chương trình học ở viện

không nặng nề gì lắm nhưng chiếm mất hết thì giờ trong ngày của chúng tôi. Buổi khuya, giống như hầu hết các chùa khác tại Việt Nam, ba giờ rưỡi là kén báo thức, toàn bộ tăng chúng cùng thức dậy ngồi niệm Phật hay tọa thiền ngay trên giường ngủ của mình nửa giờ đồng hồ. Bốn giờ thì một chúng tụng kinh (công phu khuya), một chúng ở dưới lo học, thay phiên mỗi chúng một ngày. Chúng nào tụng kinh thì đảm trách bốn khóa lễ từ sáng đến tối (bao gồm hai thời thỉnh đại hồng chung và các thời kinh công phu khuya, cúng ngộ, công phu chiều và tịnh độ); chúng nào *trị nhật* (tức là ban trực trong ngày) thì đảm trách mọi công tác trong ngày đó (bao gồm quét dọn chính điện, sân, các dãy nhà và phòng học, chùi rửa và làm vệ sinh nhà cầu, tưới cây kiểng và vườn rau, đổ nước vào bồn nước của ban giám đốc, nhà tiêu và nhà bếp, dọn cơm cho đại chúng v.v...). Sự phân chia rất công bình, cứ ngày hôm nay tụng kinh thì ngày sau lo làm công tác vệ sinh. Khi chúng kia tụng kinh hay làm công tác thì chúng này có giờ học bài và ngược lại. 5 giờ sáng thì khóa lễ công phu khuya chấm dứt. Từ 5 giờ đến 6 giờ sáng có được một giờ trống để học bài. 6 giờ là giờ

chấp tác (tức là làm công tác trong chùa, giờ này chỉ dành cho chúng nào nằm trong ban trị nhật, riêng chúng nào tụng kinh thì lại được thêm một giờ để ôn bài). 6 giờ rưỡi là giờ điểm tâm với cháo sáng. 6 giờ 45 là giờ tập trung trước sân để cùng đi bộ đến trường Bồ Đề (ở phố Hội An, cách viện khoảng ba cây số). Thượng tọa giám viện không cho phép chúng tôi mang ai nấy đi, mà bắt phải xếp thành một hàng dọc đi từ viện thẳng đến trường. Có các chúng trưởng kiểm soát kỷ luật. Không ai được đi riêng, không ai được đùa giỡn trên đường đi, cũng không ai trốn học được vì trước khi đi và khi về đến viện, đều có điểm danh và báo cáo của các chúng trưởng lên thầy quản chúng. 7 giờ rưỡi sáng chúng tôi bắt đầu vào lớp ở trường Bồ Đề, học cho tới 11 giờ rưỡi tan học, cùng xếp hàng để trở về viện. Về tới viện, chúng tôi chỉ kịp nghỉ ngơi đầu chừng mười lăm phút là đến giờ cúng ngọ và thọ trai. Sau giờ cơm, được ngủ từ một giờ đến hai giờ thì được báo thức với ba hồi kèn. 2 giờ rưỡi có lớp học của viện kéo dài đến 4 giờ hoặc 4 giờ rưỡi, tùy môn học. Tan học là khóa lễ công phu chiều. Sau công phu chiều là giờ tiểu thực (tức bữa ăn chiều – gọi là “tiểu thực” vì đúng theo sinh hoạt truyền thống nguyên thủy, tăng sĩ chỉ ăn ngày một bữa vào buổi trưa; theo truyền thống Bắc tông ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản v.v.... tăng sĩ không đi khất thực mà tự túc canh tác, làm ruộng vườn hoặc các ngành sản xuất thủ công nghiệp khác nên yên chuyển cho phép ăn thêm buổi sáng và buổi chiều để đủ sức làm việc; nhưng hai buổi ăn thêm đó đều là phụ nên gọi là *điểm tâm* và *tiểu thực*, tức là chỉ ăn qua loa, ăn nhẹ). Sau giờ tiểu thực là một giờ đồng hồ phóng tham, thời gian rảnh rỗi thực sự, không phải làm gì hết. Đến 8 giờ tối là khóa lễ Tịnh Độ. 9 giờ rưỡi là giờ tọa thiền niệm Phật, và 10 giờ, toàn bộ tăng chúng

đều phải tắt đèn mà ngủ. Như vậy, giờ giấc ở viện rất sát sao, khó lòng có thì giờ dư để chúng tôi làm việc gì khác. Ngoài hai ngày cuối tuần không có lớp (nhưng vẫn có công tác trị nhật và tụng kinh), chúng tôi phải vận dụng tất cả thời gian trống trong ngày để lo thanh toán bài vở của cả hai chương trình (*ngoại điển*, chương trình văn hóa phổ thông ngoài đời, và *nội điển*, chương trình chuyên khoa Phật học của viện).

Tháng đầu chưa quen, việc học việc làm chạy chưa đều, thấy cũng hơi vất vả. Bài học dồn dập, tôi chỉ biết lo cầm cúi mà học. Tôi cũng quên để ý rằng trong tôi đã không còn những ý tưởng giang hồ phiêu lưu, chán ngán với việc học như hồi chưa xuất gia nữa. Trước mắt tôi là bài vở, là những cuốn sách hay để đọc thêm, tôi ngấu nghiến, nghiền ngẫm, siêng năng như con mọt gặm gỗ. Kết quả là ngay tháng đầu tôi đứng hạng nhất ở lớp ngoại điển lẫn lớp nội điển. Cứ theo đà đó, dù vào những tháng kế tiếp tôi có hơi lơ là việc học, bảng xếp hạng của tôi ở cả hai trường vẫn giữ nguyên một mực hạng nhất, chẳng thay đổi suốt cả năm. Chú Sáng cũng theo tôi sát nút ở lớp nội điển của viện. Tháng đầu Sáng xếp hạng sáu hay bảy gì đó. Đến tháng thứ hai, Sáng lên hạng năm. Qua tháng thứ ba thì Sáng xếp hạng nhì. Cứ thế, tôi hạng nhất, Sáng hạng nhì, hai huynh đệ dẫn đầu lớp dài dài.

Tôi nói tôi hơi lơ là việc học ở những tháng kế tiếp chẳng phải tôi biếng học ham chơi gì. Chẳng qua tôi có những đam mê khác mà thôi. Thứ nhất là đam mê đọc sách. Thứ hai là đam mê tọa thiền.

Vào những tháng sau, có thể một phần do ý lại sức học của mình, tôi đã dành nhiều thì giờ cho việc đọc sách thay vì học bài. Đã có lúc tôi bị chấm zéro ở một môn học thuộc lòng nào đó (như Sử-

địa, Sinh vật...) vì không thuộc bài hoặc không làm bài tập, nhưng điểm cao tối đa ở các môn khác vẫn cứ vượt được tôi, khiến tôi vẫn giữ được hạng nhất. Các môn như Đại số, Hình học, Lý-hóa, cột điểm của tôi lúc nào cũng nhiều hơn bạn cùng lớp. Những điểm ấy có khi là điểm từ *toán chạy*, có khi là điểm của một cái giọng tay trả lời đúng trong khi cả lớp ngồi im thin thít. Những điểm kiếm thêm ấy, lúc nào cũng là hai mươi, trăm phần trăm. Điểm luận văn của tôi cũng dẫn đầu lớp với số điểm khá cao. Các bài luận của tôi thường được đọc lên cho cả lớp nghe. Giáo sư Luận văn có khi còn trích câu hay đoạn văn hay trong bài của tôi, bắt cả lớp phải ghi vào tập. Thành công dễ dàng trong nhiều tháng như vậy, tôi đâm nhìn việc học như trò chơi. Trong khi các chú khác học bài, làm bài của trường lớp, tôi lấy sách đọc. Số sách của tôi càng lúc càng tăng. Đó là những sách bàn về văn chương, các loại sách *Học làm người*, và đặc biệt là một số sách về Thiền học, tư tưởng Phật giáo. Thịnh thoảng tôi cũng mua vài cuốn tiểu thuyết hay truyện ngắn nổi tiếng của Việt Nam hay ngoại quốc thích hợp cho lứa tuổi của tôi, cũng như thích hợp cho người ở chùa. Tôi thích nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Lê Tất Điều, Võ Hồng, Doãn Quốc Sỹ, Léon Tolstoi và Victor Hugo từ dạo ấy. Dần dần, trình độ khá hơn, tôi mạo hiểm lên mua các loại sách của những nhà văn nhà thơ Việt Nam như Xuân Diệu, Huy Cận, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Hoàng... và các nhà văn ngoại quốc như Remarque, Maupassant, Maugham, Steinbeck, Mishima, Pasternak, Kawabata, Kazantzakis, Dostoevski... (dĩ nhiên là chỉ đọc từ các bản dịch Việt ngữ). Trong số các tác phẩm của các nhà văn trên, rất nhiều chỗ hoặc nhiều cuốn tôi đọc không hiểu, hoặc cứ tự suy diễn và hiểu theo tầm hiểu biết cạn cợt của

mình lúc đó, nhưng tôi vẫn cứ đọc hết từng cuốn một cách say sưa, không chịu bỏ ngang cuốn nào. Đọc không hiểu, không nhớ, mà tôi vẫn cứ đọc, đọc xong rồi quên. Chẳng biết đọc sách như thế có lợi gì chẳng, nhưng tôi cứ đọc. Có bao nhiêu tiền, tôi đổ hết vào sách. Ở Hội An chỉ có một tiệm sách, nhưng tôi ít tìm thấy loại sách tôi cần. Tôi thường mua sách ở Đà Nẵng mỗi khi có dịp, hoặc nhờ thầy Thông Chánh mua từ Nha Trang rồi gửi ra. Chú Tâm Hạnh, sư huynh tôi, lâu lâu cũng từ Đà Nẵng ghé Hội An thăm chúng tôi, tặng tôi vài cuốn sách. Đọc sách trở thành một thứ nghiện ngập của tôi. Tôi không biết là những thứ sách trên có bồi bổ gì thêm hoặc có ảnh hưởng xấu hay tốt gì cho cái đầu óc non nớt của tôi không. Chỉ đến khi bước vào loại sách Thiền, tôi mới thấy được rõ rệt tầm ảnh hưởng của sự đọc sách. Sách Thiền vào đầu thập niên 1970' được in ra khá nhiều. Mà đó là loại sách không phải chỉ đọc chơi, nó còn thúc bách người đọc đi vào thực hành nữa. Tôi đọc Thiền còn say mê hơn bất cứ loại sách hay truyện nào khác, đọc quên ăn quên ngủ. Càng đọc, càng nhớ lời thầy từng chỉ dạy trong thời gian tôi còn hầu hạ thầy. Chẳng hạn, có lúc thầy tôi nói rằng "xuất gia là để thành Phật chứ không là thứ chi khác." Câu ấy lúc mới nghe qua, lòng tôi đã thấy chấn động. Bây giờ đọc sách Thiền, tâm địa tôi càng sáng ra, và vẫn cứ thấy chấn động từng hồi mỗi khi nghe nhắc về Phật tánh sẵn có nơi tự tâm mình.

Suốt thời gian từ khi mới xuất gia cho đến khi ham mê đọc sách Thiền, công phu tu tập hàng ngày của tôi là ngồi niệm Phật, hoặc trì chú Chuẩn Đề, hoặc chỉ thực tập số tức quán (đếm hơi thở). Chỉ một thời gian ngắn ở Nha Trang là tôi đã nhuần nhuyễn, thuần thực số tức quán, thấy môn này hết cần thiết. Từ đó, cứ niệm Phật, trì chú, tụng kinh, có khi chỉ ngồi lặng lẽ, không niệm gì cả, không cố gắng gì

cả, cũng không thắc mắc là những nỗ lực tu tập của mình là để trở thành cái gì nữa. Thời gian đầu tìm hiểu thêm về Thiền học, say mê Tổ sư Thiền đến Như Lai Tối Thượng Thiền, tôi vẫn không thay đổi pháp môn tu tập của mình. Tôi không thấy sự khác biệt nào trong sự tọa thiền, chỉ và quán, với sự tĩnh tâm niệm Phật, trì chú. Ý tôi muốn nói, tôi không thấy sự cần thiết phải có thay đổi nào trong công phu hàng ngày của mình. Thực ra cũng chẳng có cái gọi là *công phu* nữa. Ở lứa tuổi thiếu niên ấy, tâm tôi bằng sạch như tuyết. Những sinh hoạt hàng ngày của tôi hầu như không cần cố gắng mà vẫn cứ khế hợp với Thiền. Tôi không có những giây phút nỗ lực để được định tâm. Mở mắt là định, nhắm mắt là định. Cái tâm trong suốt ấy có vẻ như chưa hề tán loạn. Vậy thì cần gì phải nỗ lực công phu hay bỏ niệm Phật, bỏ niệm chú để ngồi thiền! Nhưng rồi, chỉ một thời gian sau, trùng hợp với thời gian Thượng tọa giám viện dạy về Tọa thiền tam muội, tôi đâm ra ham thích tọa thiền (tức là theo đúng phương pháp tọa thiền của Thiền tông với các pháp chỉ-quán).

Đã nói tôi có trái tim và khối óc rất cực đoan: khi tôi nhắm vào một cái gì, tôi dốc hết tâm lực vào đó. Tôi không niệm Phật hay trì chú nữa, mà chỉ tọa thiền thôi. Lực diệu pháp môn, tôi cứ theo sách mà thực hành. Thượng tọa giám viện có giảng dạy về Thiền nhưng chú trọng về phần lý thuyết theo chương trình của Phật học viện chứ không chú trọng phần thực hành. Cho nên, học lý thuyết xong, hình như các chú cùng khóa với tôi chẳng thấy ai theo Thiền mà bỏ niệm Phật, trì chú cả. Có lẽ các chú ấy cũng như nhiều người khác, có quan niệm sai lầm rằng Thiền thì cao hơn các pháp môn khác, nên chỉ dành cho những kẻ thượng căn thượng trí. Tôi không nghĩ vậy. Tôi thấy các pháp môn đều như

nhau cả. Cũng chỉ là những phương tiện để định tâm mà kiến tánh, chứng nghiệm Phật tánh. Tôi tọa thiền không phải vì thấy Thiền cao hơn các pháp môn niệm Phật, trì chú, mà chỉ đơn giản là vì trước mắt tôi, sách viết về Thiền, hướng dẫn Thiền khá nhiều, khá công phu, đầy đủ hơn bất cứ pháp môn tu nào khác. Tôi đọc thật kỹ các sách dạy về Thiền học, từ thực hành đến lý thuyết, chi tiết nào cũng lưu ý. Tôi còn học kỹ những phương pháp đối trị qua kinh nghiệm của các vị Thiền sư các nước để có thể tự mình biết cách đối phó với mọi trường hợp. Và để có thể thực hành phương pháp tọa thiền hàng ngày, tôi phải bỏ phòng tăng, tìm đến những chỗ vắng, thường thường là ở các ngôi mộ hay tháp lớn có nền xi măng tráng láng vốn chẳng hiểm hoi gì ở quanh chùa. Đi tìm chỗ vắng vẻ không phải chỉ vì đó là nhu cầu của phương pháp tọa thiền mà còn vì ở các chùa viện Việt Nam, sự tu tập của mỗi người là chuyện riêng, cá nhân, không phải là chuyện có thể phổ trương, trình bày cho kẻ khác biết – tức là không biểu diễn chuyện tu tập của mình trước đại chúng, trước tập thể. Trong những chùa viện Việt Nam, tăng chúng hay bạn đồng môn không bao giờ hỏi nhau: "Thầy tu pháp môn gì?" Người hỏi câu đó có vẻ buồn cười, nhà quê. Còn người được hỏi sẽ không bao giờ trả lời: tôi tu pháp môn này, pháp môn nọ... Mà có trả lời thì cũng quê mùa, ngờ nghệch chung một cách. Công phu tu tập của mỗi người chỉ có thể trình bày với vị hướng đạo của mình chứ không phải là chuyện bạ đâu nói đó. Thực ra, cũng chẳng có sự phân chia pháp môn rõ rệt nào trong chùa chiền Việt Nam nữa. Vào giờ tọa thiền buổi tối, buổi khuya, theo thời khóa chung của chùa hay của tu viện, mỗi người ngồi ngay trên giường ngủ của mình, thực hành phương pháp quen thuộc mình đã chọn. Như vậy, trong



giờ tọa thiền ấy, kẻ thì niệm Phật, kẻ trì chú, người thì tọa thiền, người thì tham công án, người thì quán thoại đầu, hoặc các pháp quán nhân duyên v.v... Ngoài ra, trong suốt ngày, sự tu tập của những người ở chùa cũng không gián đoạn. Bởi vì, *"Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền; nói, im, động, tịnh, thấy an nhiên"* (Huyền Giác, *Chứng Đạo Ca*). Cho đến bữa cử, gánh nước, quét dọn... cũng đều là Thiền hết. Không cần phải hỏi: "Thầy tu pháp môn gì?" Vì vậy, khi mọi người chung quanh đang ngồi học bài mà mình xếp bằng tọa thiền hay lim dim niệm Phật thì đó cũng là hành vi lỗi bịch, trơ trẽn, có vẻ như phô trương (trong luật Sa-di gọi các hành vi đó là *"giả trang Thiền tướng cầu bỉ cung kính"*, tức là làm bộ ta đây là người tu Thiền gắt gao để mong được sự cung kính ngưỡng mộ của kẻ khác). Tụng kinh trên điện Phật hay ngồi trên giường vào giờ tọa thiền mỗi sáng tối là sinh hoạt chung của mọi người trong chùa, còn chuyện tu tập thêm ngoài thời khóa của mình là chuyện riêng, phải tự tìm lấy thời gian và nơi chốn thích hợp mà áp dụng. Thời gian và nơi chốn đó không làm trở ngại cho sinh hoạt của đại chúng. Không thể ngồi một đồng giữa đám đông mà lim dim hít thở khi đám đông đó đang hòa hợp trong sinh hoạt

khác của tập thể. Cung cách tu tập trái thời, trái cảnh ấy, dù là thật tâm hay vờ vĩnh, cũng đều có vẻ phô trương, làm gai mắt người chung quanh chứ không làm cho ai thông cảm nổi, dù rằng tu tập là việc tốt đáng khích lệ.

Cho nên, tôi phải tìm đến các ngôi mộ vào giờ phóng tham để ngồi thiền. Tôi tham công án trên từng bước chân đến trường hay từ trường trở về viện. Tôi quán thoại đầu khi đang làm công tác trị nhật. Có khi gần như suốt đêm, tôi nằm im trên giường mà tham công án hay suy nghiệm một tắc nào đó của Vô môn quan. Từ chỉ đến quán, từ công án đến thoại đầu, từ Tổ sư đến Như Lai Thiền... tôi lao cả thân tâm mình vào trò chơi thiền định ấy mà không một vị đạo sư nào hướng dẫn. Thường tọa giám viện có thể là vị hướng đạo tốt cho tôi, nhưng trong môi trường và thời điểm đó của một Phật học viện, chuyện học là chuyện chính; không ai nghĩ là một chú tiểu lại cần thiết hạ thủ công phu, chết sống với công án hay thoại đầu và cần một sự hướng dẫn đặc biệt cho việc tu tập như vậy. Có thể thượng tọa sẽ nói: "Xưa nay các chú tu tập thế nào thì cứ theo đó mà thực hành, đừng làm cái gì khác thường là được rồi, đâu cần ai hướng đạo." Chú tiểu trong chùa

giống như cây cỏ mọc trong rừng, cứ tha hồ mọc, tha hồ vươn lên mà sống, đâu cần phải được dẫn dắt, chăm sóc... mà vẫn cứ là cây cỏ, là đại thụ như thường. Cho nên, tôi không trình bày việc tu tập của tôi lên thượng tọa để cầu hướng đạo, mà tâm tư tôi lúc ấy cũng không hề nảy sinh một chút nhu cầu cần được hướng đạo nào. Tất cả những gì tôi thực hành trong giai đoạn học thiền ấy, xem ra thì có vẻ như là một giai đoạn nỗ lực ghê gớm nếu so với thời gian bình thường trước của tôi, hoặc so với bạn học cùng viện. Nhưng thực ra, tôi thấy mình cũng chẳng có cố gắng gì cả. Tôi chỉ học và hành thiền như thể đang chạy theo một thứ đam mê, nghiện ngập nào đó, như đam mê đọc sách chẳng hạn. Đam mê không có nghĩa là nỗ lực, cố gắng. Đam mê cũng không có nghĩa là đang mong cầu đạt được cái gì. Chính nỗi đam mê đó là mục đích, là cái mà kẻ đam mê đạt đến. Đam mê là thả mình vào thực tại. Tu là đam mê. Tu là lên đường trở về thực tại.

Vậy rồi tôi được cái gì trong trò chơi thiền định ấy? Không được cái gì cả. Tôi vẫn cứ là tôi, một tu sĩ thiếu niên đang cùng các bạn đồng lứa tham dự chương trình trung đẳng Phật học của Phật học viện. Tu theo chương trình, học theo chương trình. Cũng học bài, cũng đọc sách, cũng ăn cơm uống nước, cũng đi mua thêm bánh mì hay kẹo đầu để dậm vào cái bao tử lủng lủng mỗi ngày. Không gì lạ. Không gì thay đổi tâm thức và cuộc sống lặng lẽ yên bình ấy. Nhưng tôi biết rất rõ, rằng dù thế nào đi nữa, trong tôi vẫn sẵn có một ông Phật. Tôi có thể chạy thật nhanh, nhảy thật xa, hay đi lơ thơ lững thững qua từng chặng luân hồi, đều được. Không sao cả. Ông Phật trong tôi không bao giờ mất.

(còn tiếp)

Vĩnh Hào